

THANH PHƯƠNG

quê hương trong ngân lệ

Tập Truyện ngắn



nhà sách và xuất bản

HAM A

1987

QUÊ HƯƠNG TRONG NGẮN LỆ

Thanh Phương

quê hương
trong ngân lệ

Thanh Phương

Bìa: *NXB Nam Á*
Nguồn: *Internet*
Trình bày: *Muôn Phương*

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

quê hương
trong ngân lệ

THANH PHƯƠNG

Nam Á xuất bản
1987

MỤC LỤC

0. Giới thiệu	9
1. Quê hương trong ngôn lệ	13
2. Vì con là lính	92
3. Vợ người tù cải tạo	131
4. Mái tóc lạc loài	166
5. Người đẹp năm xưa	207
6. Kẻ đại thắng	244
7. Nguyệt	283
8. Một chuyến thăm nuôi	334

GIỚI THIỆU

Đặng Thị Thanh Phương không xa lạ gì với độc giả nhật báo Sài Gòn trước 1975. Cùng với các bà Tùng Long, Lan Phương, bà đã đều đặn, hàng ngày, gỡ rối những sợi tâm tình vướng mắc cho độc giả muôn phương của bà bằng lời văn đơn giản, chân phương. Như Tùng Long và Lan Phương, bà cũng viết tiểu thuyết. Không gây được những xúc động mãnh liệt của Nguyễn Thị Thụy Vũ, Túy Hồng, Nhã Ca hay sự táo bạo của

văn chương phái nữ kiểu Trùng Dương, Lê Hằng, tiểu thuyết của Đặng Thị Thanh Phương bình dị cơ hồ một đời sống phẳng lặng ít xáo trộn. Đừng tìm kiếm ở Thanh Phương những tàn nhẫn của tình yêu, những bão tố của xác thịt, những tiếng hét của cô đơn hay những ngậm ngùi của thân phận. Ngay cả nước mắt trong tiểu thuyết của bà vẫn chỉ là hương vị nồng nàn của hạnh phúc. Mỗi tình tiết éo le của các nhân vật tiểu thuyết Đặng Thị Thanh Phương đều được bà giải quyết ổn thỏa theo cung cách gỡ rối tơ lòng.

Tập truyện ngắn mới nhất của Đặng Thị Thanh Phương được hình thành sau mười năm bị kẹt lại quê hương. Người đàn bà cầm bút nay đã phải đương đầu với những nghịch cảnh. Hy vọng, những dồn nén, những ấm ức, những u hoài, những ước vọng, những gì bà đã được chứng kiến,

những gì bà đã được tham dự, sẽ tạo bà trở thành một Đặng Thị Thanh Phương thật mới, thật lạ trong văn học Việt Nam hải ngoại.

Với ý nghĩ chân tình đó, tôi viết những dòng giới thiệu Đặng Thị Thanh Phương.

DUYÊN ANH

Paris, tháng 4 năm 1987

QUÊ HƯƠNG TRONG NGÂN LỆ

Hai đứa con gái của Tuyết vừa thấy Hạnh vào nhà đã rối rít mừng rỡ gọi mẹ:

– Tata Hạnh tới nhà mình kìa, mẹ ơi...

Tuyết từ trong bếp chạy ra đón Hạnh, cũng vui mừng không kém, vừa có vẻ ngạc nhiên:

– Sao hôm nay đi chơi tối thế này?

Hạnh đi thẳng vào sân trong nơi có sẵn mấy chiếc ghế mây cũ kê dưới gốc măng cầu, cười ý nhị:

– Tối nay mình muốn ở lại với mẹ con Tuyết một lần cuối để còn nói chuyện, mình có đem theo bộ đồ ngủ đây.

Tuyết vui vẻ ôm lấy bạn:

– Ủ, có thể chứ. Trước khi rời bỏ xứ này, ít nhất mi cũng phải đến nằm đất với ta một đêm, cho nó trọn tình trọn nghĩa.

Đứa con gái lớn của Tuyết chen vào:

– Tata đi rồi là mẹ con buồn lắm; vậy con xin góp ý là từ nay đến ngày tata lên đường, tối tối tata đến đây ngủ với mẹ con cho vui.

Hạnh ôm đầu Thiên Hương;

– Tata cũng muốn vậy lắm những không được, vì tata còn nhiều nơi phải từ giã. Tối nay ráng lắm mới đến được với mẹ con, từ mai là cận ngày đi rồi.

Tuyết nhìn lên lịch:

– Còn đúng ba đêm, vậy mi chia cho ta đêm nay đêm mai, chịu không?

– Rất là không được. Để bù lại, đêm nay hai đứa mình thức cho tới sáng nói chuyện, cũng vậy thôi.

Thiên Hương cười to:

– Mẹ với tata tính tổ chức một đêm không ngủ “thì tụi con phải nổi gót xuống đường” luôn, đừng yêu sách họ thả ba con về, trước giờ tata lên máy bay để mẹ con bớt buồn thì mới đúng.

Tuyết hồi hai chị em Thiên Hương:

– Hai con chia nhau đứa nấu nước sôi, đứa đem ly tách ra đây để mẹ trở tài pha cà phê một lần cuối, cho tata chúng mày thưởng thức trước khi mẹ ta bỏ mẹ con mình đi Tây. Mau lên hai đứa.

Và Tuyết trình trọng đem ra một cái hộp sắt nhỏ, đưa vào tận mũi Hạnh:

– Người coi, cà phê Ban Mê Thuột đó, thơm không? Sản phẩm buôn lậu của con bạn ta, mẹ này chuyên môn “chạy” hàng trên đường Sài Gòn - Pleiku. Con Ngọc được sĩ đó, bây giờ nó đi buôn giỏi hơn pha thuốc trong la-bô.

Thiên Hương nói vọng từ trong bếp ra:

– Con còn hộp sữa “Ông Thọ” mẹ lấy ra đãi tata luôn.

Hạnh cười:

– Chà! Mẹ con mày sang quá, thời buổi này mà vẫn còn “chứa” nổi hộp sữa trong nhà.

Thiên Nga đang đứng lau mấy cái tách, bỗng ghé tai mẹ thì thầm:

– Hộp sữa đó là của con, để con đãi tata. Mẹ biết không? Nhờ con nhắc, đem cái quần “jin” đỏ bán cho chị của con Bê, nên Thiên Hương mới trúng mảnh.

Hạnh phì cười, vuốt tóc cô bé:

– Con nói lên kiểu đó hông to. Tata nghe rõ hết rồi. Thôi được, hai chị em con đều đãi tata hết, để qua tới Tây rồi tata sẽ gửi riêng cho mỗi đứa một hộp Nestlé bự để các con chờ Ba về, đãi lại Ba các con.

Bếp củi cháy đỏ rực và ấm nước đã lên hơi, Tuyết ngồi bên, ánh lửa nhuộm hồng đôi má. Nhìn bạn, Hạnh bỗng thấy tội nghiệp. Trăng mười sáu trong như mặt gương, soi sáng mảnh sân gạch nhỏ.

Tuyết đã pha xong hai tách cà phê, hỉ hả bảo với bạn:

– Mi uống đi. Uống để nhớ đến ta... và để có ngày ta nhận được thư mi nói rằng “chỉ có cà-phê uống dưới gốc mãng cầu nhà con Tuyết mới ngon”.

Hạnh khuấy thật nhẹ tách cà phê vừa nhìn ánh trăng lồng trên nền gạch rêu phong:

– Đặc biệt là đêm nay cũng có trăng. Vì thế trong khi thưởng thức cà-phê của Tuyết, mình sẽ cho Tuyết nghe một chuyện xảy ra cách đây ba mươi năm,

cũng vào một đêm trăng sáng như đêm nay.

Và Hạnh hỏi Tuyết:

– Tuyết còn nhớ bà cụ già tóc bạc trắng như bông, có cửa hàng bán bánh kẹo, đồ chơi trẻ con và chỉ thêu ở hẻm bên hông trường học Bàn Cờ không? Cửa hàng của bà cụ mà có lần mình dắt Tuyết đến mua chỉ thêu đó?

Tuyết gật gù:

– Biết rồi, cửa hàng của bà cụ mà bên trong có treo tấm hình to tướng chụp một bầy trẻ con của đoàn thiếu nhi Thánh Thể hát trong một nhà Thờ, có phải không?

– Đúng đấy. Mà Tuyết có còn nhớ đường đến căn nhà đó không?

Tuyết đáp nhanh:

– Yên chí! Yên chí! làm gì mà dạn kỹ thế. Bà cụ có họ hàng gì với gia đình mi không?

Hạnh nhìn xuống tách cà-phê:

– Không có họ hàng gì hết, nhưng càng ngày mình càng thương bà cụ hơn. Để mình kể Tuyết nghe.

* * *

Năm xưa, lúc bấy giờ mình mới mười tuổi. Thời gian ấy gia đình mình sống tại một tỉnh có tiếng ở miền Tây, tỉnh Cần Thơ. Sát vườn nhà mình, ngày nọ có một người đàn bà đã có tuổi, đến hỏi căn nhà ngay cạnh nhà mình. Người đàn bà ấy tuy hơn tuổi mẹ mình khá nhiều, nhưng

bà lại rất thích mẹ mình và chẳng bao lâu, hai người đàn bà, một già một trẻ, một Nam một Bắc đã thân nhau.

Người đàn bà ấy có phong cách một bà nhà giàu ở vùng quê, nhưng bà ta lại vui tính và văn minh. Nơi căn nhà nhỏ, bà ở một mình cùng với một người tớ gái đi theo, săn sóc cơm nước và hầu hạ. Từ khi quen với mẹ mình, thì gần như buổi nào bà cũng có mặt trong gian bếp, là nơi mẹ mình phải thổi nấu mỗi ngày hai bữa.

Mẹ mình kể rằng chồng bà là một chủ điền rất giàu, ruộng đất mênh mông trong miệt Bình Thủy hay Ô Môn gì đó. Mẹ bảo rằng vì bà ấy mắc bệnh tim nên phải ra Cần Thơ để theo chữa bệnh với một bác sĩ chuyên khoa. Vì thế chỉ có một mình bà ta cùng người tớ gái ở tại căn nhà đó trong thời gian chữa bệnh.

Người đàn bà làm mình chú ý vì bà có nước da thật đẹp, trắng nõn nà. Và, mặc dù đã lớn tuổi bà cũng có một mái tóc dài, đen mượt. Bà lại đeo rất nhiều nữ trang, những bộ neo vàng quanh cổ tay tròn lẳn, những chiếc nhẫn đủ kiểu và bộ dây chuyền gồm ba sợi – thượng trung hạ – của bà khiến mình thích ngắm bà. Mình thích nhất chiếc trâm vàng hình mặt trăng lưỡi liềm, có gắn một hàng kim cương lấp lánh mà bà thường hay ghim trên búi tóc, bởi theo kiểu bỏ bánh lái, trông rất là điệu nghệ thời gian bấy giờ.

Nói tóm lại, lúc bấy giờ, cả tỉnh Cần Thơ mình chỉ thấy một mình bà là người diêm dúa nhất, đã đẹp lại sang. Rồi mình cũng ước ao rằng nếu mẹ mình mà cũng vàng đeo ngọc dắt như bà, thì có lẽ mình thích hơn.

Một điều làm mình hài lòng là bà ta cũng rất thích mình.

Bà cũng hay nhìn mình chăm chú và có lần bà nói đùa với mẹ mình rằng:

– Phải cô Hai với thầy Hai cho con nhỏ Kim Hạnh này để nó làm con nuôi tôi thì tôi vui biết mấy.

Dĩ nhiên đời nào mẹ chịu, và mẹ mình đã dở cái giọng chanh chua của người con gái làng Lim, mà trả đũa bà rằng:

– Bà Hương nói dễ nghe thật! gia tài vợ chồng tôi có mỗi một đứa con gái... bà thử nặn một đứa nhỏ bằng vàng, đem đổi lấy con gái tôi xem tôi có chịu không cho biết...

Tuy vậy càng ngày bà Hương với mẹ mình càng thân nhau hơn. Bà nói cho

mẹ biết, không phải bà tên Hương mà đó là chúc hàm của chồng bà. Miệt bà ở mọi người đều gọi chồng bà bằng ông Hương Cả.

Mẹ mình rất khéo về các môn bánh mứt, gần như tuần nào mẹ cũng bày ra làm một món bánh, và mỗi lần như thế mẹ lại sai mình bưng qua một đĩa lớn biếu bà. Bà Hương nhận bánh tức khắc, nếm liền và khen không tiếc lời, rồi bà cắt một phần lớn sai chị tớ gái đón xe đem về Bình Thủy cho cậu con trai út mà bà cưng nhất nhà.

Có những buổi trưa thấy mình thơ thẩn bắt bướm ngoài vườn, thì bà từ trong nhà cũng theo ra và bà dắt tay mình bắt phải vào nhà, vừa nói:

– Con ra nắng làm chi cho hư hết da mặt, vô đây với Má.

Một lần bà ôm mình vào lòng hôn lấy hôn để, vừa nói:

– Con dễ thương quá! Ước gì má có một đứa con gái như con.

Không hiểu sao lúc đó mình cũng mồm mép lắm, mình nhớ mình đã hỏi bà:

– Vậy chứ bác Hương không có đứa con nào hết à?

Bà liền nói ngay:

– Con gái cưng ời, con đừng kêu “qua” bằng bác nữa, con kêu “qua” bằng Má nghe con. Má thương con lắm đó.

Mình gật gật nhưng vẫn hỏi lại:

– Má Hương không đẻ đứa con nào hết sao?

Nghe mình hỏi, bà vuốt tóc mình, cười đáp:

– Má có ba đứa nhưng cả ba thằng đực rựa hết, nên má thêm con gái lắm. Phải chi má sanh thêm được một đứa con gái xinh xinh như con thì ba má có phước biết mấy.

Rồi bà nói tiếp:

– Anh Hai với anh Ba của con đi học trường Tây trên Sài Gòn, còn thằng Út của má, má cưng nó lắm, nhưng nó cũng sắp lên Sài Gòn học nữa rồi.

Nói xong bà dắt mình vào phòng riêng lấy ra một quyển album, chỉ vào những tấm hình, giới thiệu:

– Đây là anh Hai con, đây anh Ba, còn đây là...Út Quang của má đó.

Mình chăm chú nhìn tấm hình có thằng Út cưng của bà Hương. Mình thấy một thằng bé, mặt trắng, tròn với đôi mắt đen nháy giống bà Hương như đúc. Thằng bé đó mặc sơ-mi trắng trông diện và chững chạc lắm, cậu Út cưng của bà Hương đứng cùng một hàng với những đứa trẻ khác, có đứa chỉ bé bằng mình. Mình hỏi bà Hương:

– Thằng Út Quang của Má chụp hình với những ai mà đông quá vậy?

Bà vội kêu lên:

– Ý! con đừng có kêu Út cưng của má bằng “thằng”. Con phải kêu bằng... Anh Quang nghe chưa?

Và bà bảo mình:

– Anh Út của con có giọng lắm, nên các Cha Xứ cho nó vô hát trong nhà thờ.

Thấy mình nhìn Út Quang, bà chợt hỏi mình:

– Con có thương... thằng Út của má không?

Mình nhìn thằng bé mặt tròn, đôi mắt cũng tròn, đen như hai hột nhãn, gật đầu:

– Cũng thương nhưng mà... con không thương nó nữa đâu, vì nó là con trai mà.

Nghe mình trả lời như vậy, bà Hương phá lên cười ngặt nghẽo, rồi bà chợt ôm lấy mình hôn như mưa vừa kêu lên:

– Con sẽ là con của má, con sẽ là con của má.

Mình về kể lại với mẹ thì mẹ có vẻ không bằng lòng, mẹ vùng vằng nói một mình:

– Vô duyên quá. Khi không bắt con gái của người ta kêu mình bằng má! Má má cái gì.

Và mẹ cấm mình không được dùng danh từ đó với bà Hương. Trong khi đó bà Hương thương yêu và chiều chuộng mình giống như mình là con thật của bà.

Một đêm hè trời oi bức, trăng cũng tròn và sáng như đêm nay. Mẹ và bà Hương ngồi hóng gió ngay trong vườn nhà. Còn mình, sau khi học bài xong, mẹ cũng cho phép ra ngồi chơi trên ghế bố. Ngồi một lúc thì cơn gió thoảng từ mặt sông đưa lên mát rượi, mình nằm lăn ra ghế bố để tìm chú Cuội trong trăng. Mình nhớ đêm ấy trăng trong như hòn ngọc, lang thang một mình giữa biển trời mênh mông không một gợn mây.

Nhìn trăng một lúc, mình ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Đang ngủ ngon mình bỗng tỉnh dần vì những câu to nhỏ giữa mẹ và bà Hương. Mình nghe rõ giọng bà Hương nói với mẹ:

– ... Tôi nói thiệt, tôi thương con nhỏ Kim Hạnh này lắm, bữa nào không thấy mặt nó một lần là tôi ăn cơm không thấy ngon. Thiệt là kỳ! Con nít nhỏ như nó, trong tôi thiếu gì, nhưng thiệt lạ! Tôi chỉ thương có một mình nó mới lạ chứ! ... Bây giờ tôi nói điều này... Cô Hai cũng đã biết gia đình sự sản của vợ chồng tôi, cô Hai chỉ cần vô miệt trong đó hỏi thăm ông Hương là mọi người chỉ cho thấy ruộng của nhà tôi nhìn mút mắt. Vợ chồng tôi chỉ có ba thằng con trai, mà tôi thì nay bác sĩ nói, đã hết sanh đẻ rồi... Tôi chẳng nói xa xôi làm gì, tôi xí phần con nhỏ Kim Hạnh này cho thằng Út cũng

của tôi đó. Cô Hai nên bằng lòng đi để mình giao ước với nhau, rồi để thằng thẳng, khi chúng nó lớn, tôi xui làm đám cưới... Mặc sức cô Hai muốn thách cưới bao nhiêu tôi cũng không ngán. Tôi đâu có nhiều con mà sợ phải chia gia tài cho nhiều đứa. Mà tôi cũng nói thiệt cho cô Hai biết, trong ba đứa con trai, tôi thương thằng Út nhiều nhất, cho nên cưới vợ cho nó tôi cũng sẽ cho dâu Út nhiều hơn hết.

Tự nhiên mình hiểu là mình phải giả vờ như đang ngủ say, không hay biết một tý gì... Rồi mình nghe tiếng má trả lời:

– Nhưng mà con gái tôi nó mới có mười tuổi.

Giọng bà Hương nhiệt thành:

– Tôi biết! Tôi biết lắm chứ. Nhưng mình cần phải giao ước, sáu bảy năm nữa, mấy hồi?

Mẹ mình đáp:

– Coi vậy chứ cũng còn lâu, với lại, tôi cũng phải hỏi ý kiến Ba nó đã.

Bà Hương vẫn nói tiếp:

– Thì cô Hai cứ hỏi thầy Hai, nhưng mà chỗ bà con, tôi nói thiệt, mình đàn bà, nên nhìn xa cho con nó nhờ. Ăn thua ở chị em mình, chứ mấy ông... biết gì?

Sau đó, không biết hai bà còn nói những gì, nhưng mình thì lại đã ngủ quên từ lúc nào. Có điều mình chỉ gặp Út Quang đâu có một lần, vào dịp đoàn Thiếu Nhi Thánh Thể của giáo xứ hát ở Nhà Thờ Cần Thơ đêm Giáng Sinh năm đó. Thằng bé con trai hơn mình hai tuổi,

có gương mặt trắng, tròn với đôi mắt to đen nháy chính là Út Quang.

Quang cũng nhìn mình vì thấy mình được bà Hương ôm vào lòng, ngồi ở hàng ghế rõ nhất.

Nhưng sau đó ít lâu, gia đình mình phải dời ra miền Trung, vì bố mình là công chức làm ở Bưu Điện, đã từng thuyên chuyển từ Bắc vào Nam. Ngày gia đình mình rời Cần Thơ, bà Hương buồn đến phát ốm, bà cầm tay mình mãi như không bao giờ muốn buông ra...

Từ đó mỗi giao hảo giữa hai gia đình gián đoạn, mẹ mình và bà Hương là những người không bao giờ cầm bút viết cho ai một chữ nào.

Riêng mình, câu chuyện năm xưa dưới đêm trăng mà bà Hương đòi “xí

phần con nhỏ Kim Hạnh cho thằng Út Quang” thì đã in sâu trong trí óc mình. Dù còn nhỏ nhưng mình cũng hiểu, nếu mẹ và bố bằng lòng thì mình thuộc về một người. Hình ảnh thằng bé con trai có gương mặt trắng tròn và cặp mắt đen như hai hột nhãn cứ lần quẩn với mình. Mình nghĩ đến Út Quang và mình thích như yêu thích một món đồ chơi hợp ý nhất.

Cũng thời gian gia đình đang ở miền Trung, có một lần vào dịp nghỉ hè, bất chợt đi chơi về, mình nghe mẹ nói với bố, từ trong phòng riêng vọng ra những câu đứt đoạn:

– ...Người ta đạo gốc, nhà mình suốt đời thờ Phật đâu có hợp... rồi ông xem, của cải như thế cũng sẽ hết... người ta có câu tam đa bất phú....

Xuyên qua những mẩu chuyện đứt quãng của bố mẹ, mình còn nghe loáng thoáng hình như gia đình bà Hương vẫn giữ ý định hỏi mình cho Quang. Năm đó mình vừa tròn mười bảy tuổi.

Điều đó làm cho mình vui vui. Mình nghĩ đến Quang, chắc bây giờ cũng đã thay đổi nhiều. Chắc anh ta cao hơn mình. Mình âm thầm hình dung một gã thanh niên mười chín tuổi, mặt trắng mặt đen để tự hỏi, không biết lớn lên, mặt Quang có còn tròn vo như năm mười hai tuổi không?

Câu chuyện hình như được bố mẹ mình bàn đến nhiều lần riêng với nhau, nhưng không bao giờ mình được cho biết. Rồi lại êm ru.

Thấy câu chuyện có vẻ bị bỏ qua, một buổi mình làm gan, vờ hỏi mẹ về... sức

khỏe của bà Hương, thì mẹ có vẻ không bằng lòng, đáp rằng không có biết tin tức gì hết, và hơn nữa “Bà ấy khỏe hay yếu, can gì đến cô”. Thế là mình tịt luôn! Mình hiểu mẹ không muốn kết thân với gia đình bà Hương, mình cũng buồn, nhưng lần lần thời gian qua, chính mình lại quên câu chuyện đó trước hơn ai hết. Rồi mình lấy chồng và trở về Sài Gòn sống bình yên với hạnh phúc, mắc dầu vợ chồng mình không có đứa con nào.

Cuối năm 1975, sau gần ba mươi năm trời kể từ ngày mình theo bố mẹ rời bỏ tỉnh Cần Thơ, một ngày trời mưa to, trên đường đi qua mình phải trú mưa ở mái hiên một cửa tiệm nhỏ bán bánh kẹo, mình bỗng giật mình vì bà cụ bán hàng giống hệt bà Hương ở Cần Thơ năm xưa. Đột nhiên mình nhớ đến Quang. Mình có ý định nhìn vào trong nhà nhưng căn

nhà, không thấy ai ngoài một bà cụ già đang ngồi trông hàng.

Mình lại nhìn bà cụ. Đúng là bà Hương Cả ngày xưa.

Mình nhìn Cụ từng nét lại từng nét, chỉ có khác là bây giờ tóc bà đã trắng như bông và bà già đi nhiều lắm. Đôi mắt bà đã hết tinh anh và bà cũng không còn đeo nhiều nữ trang như ngày trước nữa. Bà ngồi một mình trên chiếc ghế nhỏ nhìn ra ngoài mưa như mong đợi một người nào.

Đứng ngoài hiên, mình kín đáo nhìn bà cụ. Hình như bà cũng không để ý đến chung quanh, cũng không nhận ra có một người lạ đang nhìn bà chăm chú. Mình tự hỏi nếu bà Hương ở đây thì Quang? có Quang ở cùng trong chỗ này không? và mình nghĩ: có lẽ bây giờ anh

chàng cũng đã vợ con đùm đê.

Nửa tin nửa ngờ, cuối cùng mình chào bà cụ và đến gần cái tủ để hàng hóa; trong đó có bán đồ chơi trẻ con và một mớ chỉ thêu đủ màu. Mình vừa lên tiếng muốn mua mấy tép chỉ màu, thì từ sau một cánh màn gió, một thiếu phụ và một đứa con gái nhỏ đi ra.

Bà cụ lập cập đứng lên, hỏi mình:

– Mua gì đó con?

Giọng nói làm mình xúc động, và đúng là giọng của bà mẹ Quang năm xưa. Mình chỉ vào một tép chỉ thêu, thiếu phụ lạ mặt đã ra đến nơi, nói với mình:

– Bà già tôi điếc, không nghe cô nói gì đâu. Cô lấy màu nào?

Mình nói:

– Cho tôi mua cái tép màu hồng.

Thiếu phụ cầm hộp chỉ lên do dự một giây rồi nói với mình:

– Chỗ này có tám tép, nếu cô lấy hết thì tôi bán vốn luôn.

Và nàng chép miệng:

– Mớ chỉ này bị huông ế quá. Nhiều người hỏi mà vẫn chẳng ai mua.

Nghe vậy mình nói luôn:

– Để tôi mua hết cho chị ạ.

Cô bé đứng cạnh rất xinh, đôi mắt bồ câu, toét miệng cười nói với thiếu phụ:

– Từ sáng đến giờ mới có người mở hàng, lại mua chỉ của con... Cô Ba đưa tiền đây, để con bỏ heo.

Mình nhìn cô bé, rất có cảm tình và mình bảo nó:

– Bé yên tâm. Tôi mở hàng, bán cũng mau lắm. Ngày nay hy vọng con heo đất của bé sẽ no tiền.

Thiếu phụ và cả cô bé cùng cười và chị kể với mình:

– Mớ chỉ màu là vốn của con nhỏ này. Nó thích chỉ màu lắm nên cứ đòi Ba nó phải gửi về để nó làm vốn mai mốt lớn, đi học thêu.

Mình vuốt má cô bé:

– Còn nhỏ thế này làm sao học thêu nổi? Năm nay bé đã mười tuổi chưa?

Cô bé lắc đầu, cười mà không đáp!

Bà cụ hình như chẳng thiết gì chuyện mua bán, cụ lơ đãng nhìn ra bên ngoài.

Cơn mưa chợt dữ dội hơn, nước chảy ào ào từ mái hiên xuống bắn cả vào chân tủ kính. Thiếu phụ vội kéo thêm một bên cánh cửa sắt, nói với mình:

– Mưa lớn quá, cô ngồi vào trong giây lát nữa bớt bớt hãy về.

Mình được đưa vòng vào sau tủ hàng thì vừa chợt trông thấy một tấm hình phóng lớn, trong đó một đoàn thiếu nhi áo trắng đang hát thánh ca trong một nhà thờ... Tự nhiên mình đứng bật dậy và đến gần.... Đứng hàng đầu gần giữa là cậu bé mặt tròn, hai mắt đen nháy.

Tim mình đập liên hồi... Thiếu phụ cũng đến gần mình, lên tiếng thân mật:

– Tấm hình này cũ lắm rồi, cũng tới gần ba chục năm nay, nhưng bà già tôi quý lắm. Đi đâu bà cũng đem theo. Dù

bây giờ bà đã lẫn nhiều, nhưng riêng tấm hình này, hỏi ai bà chỉ đúng hết.

Minh bồi hồi nhìn chăm chú người con trai nhỏ đứng giữa tấm hình, vừa buột miệng:

– Gần ba mươi năm rồi. Mau quá!

Thiếu phụ ngạc nhiên nhìn mình:

– Nói vậy ... cô cũng biết hồi chụp tấm hình này? ...

Mình bối rối, đành nói lưng chừng:

– Hồi đó... hồi đó bác Hương Cả đây có quen với mẹ tôi... hồi đó nhà tôi ở Cần Thơ, bác Hương ra Cần Thơ chữa bệnh.

Thiếu phụ reo lên, sắc mặt mừng rỡ:

– Trời ơi! Cũng bà con mà không có nhìn ra.

Và nàng chạy ra nói với bà cụ:

– Bác ơi, gia đình cô đây có biết bác từ hồi bác ra Cần Thơ chữa bệnh. Bác có nhìn ra cô đây không?

Bà cụ chậm chạp quay lại, trên gương mặt già nua nhợt nhạt, đôi mắt lơ đãng, nụ cười ngờ nghệch, hỏi lại:

– Cần Thơ à? Cái gì ở Cần Thơ?... Tao đâu có bỏ quên cái gì ở Cần Thơ?

Thiếu phụ chép miệng nói với mình:

– Bác Hương lúc này lẫn nhiều quá. Chắc bác quên hết rồi!

Mình nhìn bà cụ muốn nhắc cho bà nhớ đến tên mình, nhưng mình lại thôi. Thiếu phụ lại hỏi mình:

– Cô ở Cần Thơ có lâu không? Chắc hồi đó cũng có gặp anh Hai, anh Ba với

cậu Út, ba con Minh Hằng này rồi chứ?

Câu nói của thiếu phụ làm mình choáng váng thêm. Thảo nào từ nãy đến giờ mình cứ nhìn con bé... Mình cố giữ bình tĩnh đáp lại:

– Dạ, có... có một lần bác Hương cho tôi tới nhà thờ nghe anh Quang hát Thánh Ca...

Minh Hằng sung sướng reo lên:

– Ba con hồi nhỏ đó. Cô Ba ơi, té ra cô này cũng có quen bà nội với Ba con nữa à?

Cô Ba cầm tay mình, có vẻ cảm động:

– Sao mà từ hồi đó đến giờ, em không có gặp mặt chị lần nào vậy? Bây giờ chị ở đâu? Mà chị thứ mấy đó, nói cho em biết đăng mình dễ xưng hô?

Mình cũng xúc động không ít và mình còn hoang mang tự hỏi nếu gặp Quang bây giờ thì sẽ ra sao. Vì thế mình trả lời lung chùng:

– Hồi đầu mẹ tôi với bác Hương có quen nhau, nhưng sau đó gia đình tôi dọn nhà đi xa nên hai bên ít gặp.

Cô Ba lại nói:

– Anh Hai với anh Ba thì đi Tây từ mười mấy năm nay rồi. Hai ông qua đó học rồi lấy vợ đầm, ở luôn bên đó, đâu có ngó ngang gì đến cha mẹ và quê hương nên hai bác tôi buồn lắm. Ông bà có ba người con trai, rốt cuộc coi như còn một. Chỉ còn một cậu Út là có hiếu với cha mẹ, nhưng cậu Út này lại lộn xộn về đường vợ con. Chắc chị biết hồi nhỏ cậu ấy đã có giọng hát hay nên bác gái em cưng cậu lắm.

Em nghe hình như hồi cậu Út mới lớn lên, bác gái đã tính cưới một cô nhỏ nhà ở tuốt ngoài Huế cho cậu ta, mà lại đuội sao đó, lại không thành. Em nghe kể lại thì cậu Út cũng chịu cô đó lắm, còn bác gái em thì khỏi nói, mắc mớ gì mà bác thương cô dâu hụt đó lắm. Bác nói “Kim Hạnh nó dễ thương mà đẹp lắm”. Báo hại cậu Út cứ theo bắt đền bà mẹ hoài!

Minh Hằng ngồi nghe đến đây, chen vào:

– Vậy chứ má con là ai? có phải bà đó không?

Cô Ba nguyệt con bé một cái dài, nói tiếp:

– Cũng cái vụ hụt cưới cô Kim Hạnh năm đó, cậu Út buồn mới phát ăn chơi,

tối ngày đi theo cái đám ca hát ngoài đời nên mới đuội má con này. Hai người ở luôn với nhau, chẳng có cưới hỏi gì.

Mình lại buột miệng:

– Chắc vợ cậu Út đẹp làm nên cậu ấy mới bất chấp cả gia đình.

Minh Hằng ôm miệng cười, còn cô Ba giọng điềm đạm hơn:

– Mẹ con này là ca sĩ, đẹp thì có đẹp, nhưng chỉ thương tiền của Ba nó, chứ thương gì Ba nó.

Càng nghe chuyện, mình càng bối rối trong lòng, cô Ba vô tình vẫn kể tiếp:

– Bà già đâu có ưa cô này nên bà không chấp nhận, bà không cho tiền. Rồi không hiểu loay hoay làm sao, mới sanh con Minh Hằng này được mấy tháng, hai

vợ chồng đã rã đám. Con nhỏ này nó đâu có biết mặt mẹ nó, bà nội đặt tên cho nó đó.

Minh Hằng lại toe toét cướp lời:

– Ba con ở bên Tây. Ba gửi đồ cho bà nội với cho con thiếu gì. Bác Hai với bác Ba đâu có gửi thư thăm bà nội.

Bên ngoài cơn mưa đã ngớt, cô Ba sai Minh Hằng đẩy rộng hai cánh cửa sắt ra, nhưng con bé không đủ sức, nó đưa mắt nhìn mình làm mình càng thương nó hơn. Cũng như bà nội nó ngày xưa, bây giờ chính mình lại ước ao được nhận nó làm con nuôi của mình.

Một đoàn hai ba cô nữ sinh chợt kéo nhau vào hỏi mua chỉ màu, mình cũng nhân cơ hội đứng lên chia tay với cô Ba và Minh Hằng. Khi mình chào bà cụ,

bà ngơ ngác nhìn mình như nhìn một kẻ không quen khiến mình muốn khóc. Minh lén cầm lấy tay bà một lúc rồi đi thẳng.

Dù sao tất cả câu chuyện mà mình vừa được biết về cuộc đời và gia đình Quang cũng đã làm mình xao xuyến và phải nghĩ đến Quang. Gần ba mươi năm trôi qua, câu chuyện năm xưa bây giờ như sống lại, nhưng mà hình ảnh Quang, với mình vẫn chỉ là một cậu bé mười hai tuổi. Mình làm sao biết được hình dáng Quang bây giờ ra sao. Rồi mình nghĩ đến Minh Hằng, tội nghiệp, con bé xinh đẹp như thế mà mới bằng tí đã không có mẹ.

Từ đấy, mình vẫn thỉnh thoảng ghé thăm cái gia đình cô đơn ấy, rồi mình được biết thêm rằng, cô Ba chỉ là người cháu họ xa của bà Hương Cả. Gia đình cô rất nghèo và cô sống đồng trinh để

vào nhà Tu Kín, nhưng sau ngày mất nước các tu viện đã gặp nhiều khó khăn nên cô đành đến với bà Hương để săn sóc bà, vì gia đình bà chẳng còn ai ngoài hai bà cháu.

Cô Ba kể với mình rằng bà Hương Cả đã mất hết ruộng đất, phải bỏ xứ lên đây. Bây giờ bà sống bằng một phần nữ trang quý giá còn lại và một phần do Quang gửi về. Cô còn nói rằng:

– Tội nghiệp cho cậu Quang, trên bốn mươi tuổi rồi mà vẫn lang thang chưa vợ.

* * *

Tách cà phê đã cạn từ lâu, Hạnh tha thiết nói với bạn:

– Đây là câu chuyện mà mình chưa hề kể cho một ai, kể cả anh Thiện là chồng

mình. Mình nghĩ tuy đi xa, nhưng mình sẽ không quên gia đình bà Hương. Vì thế mình xin Tuyết hãy thay mình, thỉnh thoảng ghé thăm bà cụ cùng hai cô cháu con bé Minh Hằng.

Tuyết rót cho Hạnh một tách trà nóng, do dự hỏi Hạnh:

– Một ngày nào đó, mi có cho phép ta nói rõ cho họ biết mi là ai không?

Hạnh ngồi im, mơ màng nhìn lên mảnh trăng mười sáu sáng ngời, lơ lửng trên nền trời khuya. Trong một thoáng Hạnh tưởng như đâu đây ngọn gió hiền hòa từ mặt con sông Hậu Giang đang lướt qua dưới ánh trăng ngà... Ngọn gió ngọt ngào ấy chỉ có miền Tây đất Việt mới có. Vài ngày nữa Hạnh đã lên đường rời xa quê hương, chuyến đi này biết đến bao giờ mới trở lại.

Và cũng chuyển đi này, Hạnh đã bỏ lại bao nhiêu thân yêu, bao nhiêu thương nhớ, bao nhiêu là kỷ niệm đã từng ghi sâu trong tâm hồn. Hạnh thở dài dịu dàng bảo với Tuyết:

– Dù sao tất cả câu chuyện cũng thuộc về quá khứ, tốt hơn hết, Tuyết đừng nói gì về sự thật của mình.

Bếp củi dưới chân hai người đã tàn từ lâu, từng lớp tro mỏng thoảng bay theo chiều gió. Đêm đã khuya, tất cả đều im vắng. Tuyết thu dọn ly tách rồi rủ Hạnh vào nhà. Căn nhà của Tuyết bây giờ trống trơn. Hai chị em Thiên Hương nằm ngủ lăn lóc trên một mảnh chiếu cũ trải ngay nhà ngoài. Tuyết chỉ một cái giường nhỏ bảo Hạnh:

– Cả nhà chỉ còn một cái giường này duy nhất, đáng lẽ đã bán rồi, nhưng hai

đưa con mình nó bảo cất đó để dành cho Ba nó về có chỗ mà nằm. Đi học tập đã bình hoạn, về lại nằm đất, chịu gì thấu.

– Tuyết đã được tin bao giờ ông xã về chưa?

Giọng Tuyết chán ngắt:

– Chắc phải đợi cho đến khi nào dẹp trại mới được về. Nói đi một tháng mà mấy năm nay vẫn chưa nghe tin gì.

Rồi Tuyết lấy một chiếc chiếu lớn trải giữa phòng, quăng xuống một đôi gối:

– Ngủ đất một đêm rồi mai một mặc sức nằm giường nệm êm ái.

Đặt lưng nằm xuống, nhưng Hạnh không sao chợp mắt nổi.

Hạnh nằm thao thức, mặc dầu giữa thành phố, đâu đây vẫn có tiếng gà gáy

gần xa. Tiếng gà eo óc, cô đơn, và lạnh lùng.

Hạnh nghĩ đến Tuyết, từ ngày Tùng đi học tập, Tuyết sống vất vưởng ở khắp mọi chợ trời để kiếm tiền nuôi con, chạy gạo từng ngày, chạy tiền từng buổi, tương lai mù mịt...

* * *

Một đoàn người lặng lẽ theo chân nhau tiến ra sân bay, đến đây chợt có tiếng ồn ào kêu gọi từ một phía lầu trên cao vẳng xuống. Không ai bảo ai, cả đoàn người cùng luống cuống nhìn lên, thân nhân của họ còn đứng đó, chen chúc cố lách lấy một chỗ để nhìn theo người sắp đi xa. Những tiếng gọi nhau, những bàn tay rối rít vẫy chào, những chiếc khăn

tay lật phất. Và đoàn người dưới sân bay, trong một phút bỗng xôn xao, hỗn độn... đứng lại hay đi nhanh, chẳng ai quyết định được!

Hạnh đứng ngừng hẳn lại, bối rối nhìn lên đoàn người lơ nhố trên từng lầu cao. Hạnh cố nhìn nhưng không thấy Tuyết đâu, chỉ nghe một giọng con trẻ gọi vọng xuống:

– Con đây... con đứng đây này..

Rồi có những tiếng thúc giục:

– Lên xe! tất cả lên xe hết.

Chiếc xe ca đưa hành khách đến tận chân thang của chiếc máy bay... Mọi người đưa giấy tờ một lần chót, từng người một lặng lẽ đặt chân lên nấc thang vô định...

Trước khi bước chân qua khung cửa máy bay, thốt nhiên Hạnh dừng lại, quay nhìn về phía sau, mắt mờ ngấn lệ...

– Vĩnh biệt quê hương...Vĩnh biệt!

Trong một giây ngắn, gương mặt những người thân yêu như ẩn, hiện, nhật nhòa...

Trong lòng máy bay như một thế giới nào khác lạ, xa vời cảnh cũ, đoàn người bỏ ngõ.... Rồi máy bay lên cao, lên cao, Hạnh lợt người trong lòng chiếc ghế nệm, vừa rộng vừa êm, nhắm nghiền đôi mắt... dưới kia là thành phố rồi đến đồng quê... tất cả chỉ còn là mây khói mịt mờ.

Việt Nam, mảnh đất ta đã được sinh ra, nơi ta đã được mở mắt chào đời, nơi ta đã thấm nhuần những câu à-ơi ru ngọt của mẹ hiền, ngày nay... vĩnh biệt!

Hạnh choàng dậy nhìn ra cửa sổ máy bay một lần nữa, nhưng bên dưới chỉ có mây, muôn ngàn cánh mây trắng bao la... Quê hương chỉ còn trong ngấn lệ.

...Mười tám tiếng đồng hồ sau, giữa một bầu trời mờ sương, máy bay từ từ hạ cánh. Đây, đất hứa. Mảnh đất này, để được đặt chân đến đây, biết bao người đã đánh đổi cả cuộc đời. Và cũng còn biết bao nhiêu người giờ đây ngoắc ngoải trên những con tàu vượt biên, vật lộn với sóng gió, với tử thần để đến được nơi đây. Và cũng còn biết bao nhiêu người ước mơ, mong đợi... để chẳng bao giờ đặt chân đến.

Đất lành nhưng sao quá xa lạ, những con người cũng xa lạ.

Đoàn người tị nạn, như những cánh chim lạc đàn, tự nhiên sát lại với nhau.

Có những ông bà già mắt mờ chân chậm đi để tìm con, có những cặp vợ chồng xa cách, bây giờ là thời gian được gặp lại nhau, có những gia đình lìa xa tứ tán ngày nay xum họp. Và cũng có những người trẻ tuổi lẻ loi, lần đầu nơi xứ lạ, không hiểu từ ngày mai, cuộc đời thay đổi, thân phận mình sẽ ra sao.

Và bây giờ, đoàn người đã bước chân vào ngưỡng cửa của một trại tiếp cư tạm thời.

Mọi thay đổi bắt đầu từ đây.

Từ cửa sổ một căn phòng riêng nhìn ra, bên ngoài cảnh có đẹp, đời sống nơi đây có bình yên, nhưng tất cả đều xa lạ. Hạnh nhìn những tòa biệt thự xinh xắn, kiểu cách, ẩn náu giữa những mảnh vườn đầy hoa tươi muôn sắc, muôn màu, những nóc nhà lợp ngói đỏ au, những

con đường sạch trơn, những con người diêm dúa những lạ lùng. Ôi! Tất cả chẳng có gì thân thuộc với mình.

Bất giác Hạnh nhớ đến cảnh cũ quê nhà. Con đường nơi Hạnh ở, tắt nập từ sáng sớm cho đến nửa đêm khuya. Mới bốn giờ sáng, đường phố đã có xe lam, xe đạp chạy qua. Mặt trời lên càng cao, xe và người càng đông, hỗn độn, nghèo nàn giữa những đám khói xe khét lẹt, tỏa đầy đường. Người đông, lệch thếch hoặc đi bộ hoặc gánh gồng chen chúc với những hành khách đói rách, tật bệnh, lê lét kêu xin.

Những người ra đi cùng chuyến với nhau, dễ quen nhau, quen để mà tâm sự với nhau nỗi cô đơn, nỗi buồn xa cố quận. Có những người đăm chiêu, có những người im lặng, như tâm tư còn

vương vấn muôn ngàn hình ảnh của quê hương.

Sau những bữa cơm xô bồ, từng nhóm dăm ba người túm tụm ngồi sưởi nắng để xua tiết lạnh chưa quen, và để cùng nhau nhắc lại nếp sống cũ, của thời bình yên đã qua nơi quê nhà.

Qua những ngày đầu đã có nhiều gia đình bà con đến thăm hỏi, và đón đi xem thành phố Paris, nhưng cũng có người chỉ lui thủi một mình, trong số đó có Hạnh.

Chồng Hạnh làm việc ở một tỉnh thuộc miền Nam nước Pháp, khi được tin Hạnh đến nơi, Thiện đã gọi điện thoại nói chuyện và hẹn Hạnh, sau mười lăm ngày ở trại ra, Hạnh cứ việc đi xe lửa về Marseille, Thiện sẽ ra ga đón.

Hạnh đi một mình, thơ thẩn trên một con đường dài vắng vẻ, hai bên đường những tòa nhà lịch sử, vườn hoa vun xới thật là đẹp mắt. Ở đây cái gì cũng đẹp, cũng sang, cũng lạ mắt, và những thứ thừa dùng dừ còn tốt đẹp, người ta cũng sẵn sàng cho ra vĩa hè. Hạnh bỗng nhớ đến bấy trẻ con đói rách, mỗi đứa chỉ có manh quần, mình mẩy đầy sinh, ngấp sâu dưới những con lạch trong thành phố, mót từng cái bao ni-lông cũ hoặc từng cái chai mà người ta đã vất đi, đem về bán lấy tiền để có miếng cơm.

Buổi chiều mùa hạ, trời xứ Pháp ngày dài, dù đã 8, 9 giờ đêm mà trời hãy còn ánh nắng, bốn năm thiếu nữ đi cùng chuyến với Hạnh kéo nhau chạy lên ngọn đồi nhỏ trước Trại, để nhìn về phía bên kia thành phố. Nơi ấy xe chạy có hàng, lên xuống theo từng đoạn đường trên

dưới, kiến trúc tân kỳ, với tốc độ nhịp nhàng.

Hôm sau, trời nắng đẹp, không gian một màu xanh trong như đại dương những ngày im sóng. Từng đàn chim sẻ ríu rít sà xuống những bãi cỏ mượt như nhung. Thứ bảy đẹp trời lại có tin sẽ có một đoàn thanh niên Việt Nam có thiện chí đến ca hát giúp vui cho đồng bào mới đến tị nạn. Người già người trẻ đều vui mừng vì có dịp gặp lại người đồng hương và cũng còn là dịp để hỏi thăm đường đi nước bước nơi đất lạ quê người.

Thế là mọi người nôn nóng đợi chờ, nhất là các cô thiếu nữ.

Quả nhiên đoàn ca hát đúng hẹn, họ đến đúng giờ, đem theo đàn sáo và bắt đầu bằng những bản dân ca tặng đồng bào. Những bài hát ngọt ngào tình quê

làm mũi lòng kẻ ly hương. Hạnh cũng có mặt nhưng Hạnh ngồi hàng ghế cuối cùng, khuất vào một góc vắng người.

Họ hát thật hay, tình cảm cởi mở khiến không khí trở nên thân mật và mọi người thấy gần gũi nhau hơn. Trong lúc đoàn ca hát còn đang tiếp tục thì có một thiếu nữ và một người đàn ông, có vẻ là người nhiều tuổi nhất bọn, đưa đến tận tay mọi người bản chương trình đi thăm thắng cảnh Paris vào thứ bảy sau. Lại một phen ồn ào, mọi người bàn tán, hỏi han. Mấy cô thiếu nữ cười nói xôn xao, vui vẻ.

Riêng Hạnh vẫn ngồi yên chỗ cũ mãi để hồn theo dư âm những lời ca, không nhận ra người đàn ông cầm xấp chương trình đi về phía mình, chào hỏi. Người ấy nói với Hạnh:

– Mời chị ghi tên đi thăm thành phố Paris với chúng tôi một lần cho vui.

Hạnh ngẩng lên, chợt có cảm tình ngay với giọng nói trầm ấm của người lạ mặt. Sau một giây do dự, Hạnh nhận lời. Người ấy cúi xuống viết tên Hạnh, hỏi thăm qua loa vài câu, hẹn sẽ gặp lại vào cuối tuần sau.

Trại tiếp cư nhờ buổi hát giúp vui nên ngày hôm ấy không khí bớt buồn tẻ. Nhưng chiều tối, phải nhìn thấy dãy hành lang dài hút, trống trơn và vắng vẻ, nỗi cô đơn lại xâm chiếm lòng người. Nhiều gia đình đã rút lui vào phòng riêng khóa cửa, tránh tiết lạnh ban đêm. Hạnh cũng về phòng, lúc đi ngang một cánh cửa, Hạnh chợt nghe thấy mấy cô thiếu nữ ở phòng kế cận, nhắc nhở và cũng đang mong cho mau đến ngày được có người dắt đi thăm thành phố Paris.

Hạnh nghĩ đến những người lạ mặt trong đoàn ca hát vừa gặp hôm nay. Ai cũng nghĩ người Việt sang đây thành Tây hết, và họ rất là ích kỷ, thế nhưng, nếu căn cứ vào những người này thì Hạnh thấy không đúng.

Họ tự giới thiệu là người đồng hương, chỉ muốn tự lực cả vật chất lẫn tinh thần, giúp vui cho người mới đến xứ lạ đỡ cô đơn. Chỉ giản dị có thế mà thôi.

Hạnh nghe cô bé Linh ở gần phòng Hạnh bảo mấy cô kia:

– Mấy người trong đoàn ca hát này họ chu đáo lắm. Em nghe họ bàn với nhau là kỳ này họ sẽ đem xe hơi đến đón bọn mình, chứ không để mình đi métro.

Thiếu nữ có mái tóc dài tên là Hoa hỏi Linh:

– Tại sao không cho mình đi métro để cho mình được biết cái thú ngồi xe điện đường hầm?

Linh vênh váo:

– Đi métro là con đường đi dài dài, đi mát mùa. Được ngồi xe hơi đi ngắm thành phố mới quý. Họ cũng biết điều lắm nên mới “lo” xe, để đưa mình đi du ngoạn đấy.

Cô lớn tuổi nhất trong đám lên tiếng với Linh:

– Sao em có vẻ rành chuyện quá vậy?

Linh cười toe toét:

– Em nghe ông phát chương trình, hồi ghi tên em, ông ấy nói như vậy.

Cô đẹp nhất bọn từ nãy đứng im, bây giờ mới chen vào:

– Hình như ông đó là người tổ chức, em thấy ông ta “già” nhất bọn và mấy anh đều xưng “em” với ông ta hết.

Linh lại nói:

– Thì xe hơi mà bữa tối này đến đón tụi mình đi, là của ông ấy mà. Ông bảo với chị phát chương trình là ông sẽ cố thu xếp, cho có được chiếc xe ca để chở hết những bà con nào muốn đi.

Rồi Linh hạ giọng làm ra vẻ quan trọng:

– Mấy chị biết không? Hồi nãy tụi em khen hai anh cầm ghi-ta hát hay, thì cái chị phát chương trình lại nói nhỏ với em rằng: ông lớn tuổi ấy mới là người hát hay nhất. Chị Lan nói ông ấy ít khi chịu hát lắm.

Hoa lại hỏi:

– Chị Lan nào?

– Chị phát chương trình tên Lan.

Cả mấy cô cùng cười, và cô lớn nhất nói với Linh:

– Em giỏi quá. Mới đó đã biết tên người ta rồi.

Linh cười rất tươi:

– Em biết hết, tại vì em hỏi chị Lan, em biết hai anh chơi ghi-ta tên là Tân với Hỷ, còn...

Cô lớn tuổi tò mò:

– Còn ông ấy tên gì?

Linh vẫn cười:

– Em thấy chị Lan gọi ông ta là anh Cao...

Liên ôm miệng cười:

– Em chẳng thấy ông cao là bao nhiêu, chỉ vừa vừa người thôi.

Cô đẹp nhất lại lên tiếng:

– Đúng rồi. Ông ấy đâu có cao, nhưng mặt ông ấy hiền. Em “chịu” những người đàn ông hiền hiền như vậy.

Tất cả mấy cô đều phá lên cười:

– Trời ơi! Chưa gì hết đã “chịu” rồi!

Cô đẹp nhất đành cười theo:

– Chịu thì nói chịu, đâu có sao. Ăn thua là “người ta” kia. Một mình em mà chịu thì nhằm nhò gì.

Và cô lại nói thêm:

– Mấy chị tin em đi. Kỳ này mà gặp ông ấy lần nữa, thế nào em cũng nài cho

ông ta phải hát, em mới chịu. Em mà đã nói là thế nào ông ta cũng nể mà làm theo.

Nhưng Linh đã thấp giọng, và thì thầm:

– Mấy chị biết không? Chị Lan mệt với em chỉ những trường hợp đặc biệt lắm ông Cao mới chịu hát.

Và Linh nháy mắt:

– Tụi mình cứ chịu khó đợi, dịp đặc biệt sẽ không xa, vì em đã có cách.

Một luồng gió lạnh lùa vào làm các cô lạnh run, thế là họ vội chia tay, ai về phòng nấy.

Hạnh đứng trong cánh cửa từ nãy đến giờ, chợt vui lây vì đã tò mò nghe lóm trọn câu chuyện. Thốt nhiên, Hạnh

cũng mong cho mau đến cuối tuần để có dịp gặp lại đoàn người dễ mến ấy.

Rồi ngày mong đợi cũng đã đến. Ngay sau bữa ăn sáng, mọi người đã quần áo chỉnh tề, đứng đợi ngay trước cửa trại. Một chiếc xe ca chạy tới và Lan, người con gái duy nhất của đoàn ca hát đã đứng ngay cửa xe, đưa tay vui vẻ chào đón mọi người. Dù mới gặp một lần, nhưng hôm nay, cả hai bên đều đã có phần thân cận với nhau hơn. Những người trẻ tuổi thuộc tên nhau rất chóng, và họ nói những câu chuyện như là đã quen biết từ lâu.

Cao đích thân xếp chỗ cho mọi người ngồi, và sau một hồi nói qua về chương trình cuộc du ngoạn, Cao ra hiệu cho xe lên đường. Tân và Hỷ, hai tên ghi-ta của đoàn hôm nay có nhiệm vụ giới thiệu từng chặng đường. Cả hai cùng có lối

nói chuyện rất hài hước nên mọi người càng cười mở, vui vẻ hơn.

Lần đầu tiên được đi xem thủ đô ánh sáng của nước Pháp, đoàn người vừa háo hức vừa mải mê, vì nơi nào cũng đẹp và lạ, mà một số người chỉ mới được biết qua hình ảnh, sách vở. Đến Château de Versailles thì xe ngừng hẳn. Lâu đài cổ xưa và những di tích lịch sử đã thu hút mọi người. Nhưng với Hạnh nàng lại say mê khu vườn mênh mông với những mặt hồ, những pho tượng cổ đã trải qua bao thăng trầm của lịch sử nước người.

Đoàn người chia nhau từng nhóm nhỏ, nhưng Hạnh chỉ lui thủi một mình. Hạnh thích mặt hồ lặng lẽ mà đằng xa in bóng trời mây bát ngát. Đứng nơi đây, Hạnh như quên tất cả, có một cái gì thật hư vô, thật siêu thoát khiến giây phút tâm hồn Hạnh bỗng lâng lâng. Bỗng

Hạnh giật mình vì một tiếng chào, Cao tươi cười đứng bên Hạnh từ lúc nào. Cao hỏi Hạnh:

– Xem chừng chị thích những nơi vắng lặng hơn chỗ đông người.

Hạnh hơi mất tự nhiên, giọng nàng ấp úng:

– Dạ, ... có lẽ tại thói quen từ bao nhiêu năm nay rồi.

– Vậy là tình cờ ở đây cũng có một người, cũng chỉ thích cảnh vắng lặng giống như chị vậy đó.

Tự nhiên Hạnh ngớ ngẩn hỏi lại:

– Ai vậy ạ? Người đó có đi trong đoàn mình không?

Nụ cười của Cao có phần hóm hỉnh, nhưng giọng Cao rất dịu dàng:

– Thừa chị, người đó xin phép được hầu chuyện với chị đây.

Hạnh như sực nhớ cái đăng trí của mình, cũng phải bật cười:

– Chết thật! Không ai ngờ ngẩn như tôi.

Và Hạnh nói luôn:

– Đôi khi nói chuyện với bạn bè vừa dứt lời, tôi đã không còn nhớ mình đã nói những câu gì, thật vô duyên quá

Cao vẫn cười, nói tiếp:

– Thì... chính cái kẻ đang đứng trước mặt chị cũng đã mắc chứng bệnh đó. Xét ra đôi khi còn trầm trọng hơn chị nữa kìa đấy.

Hạnh đã mạnh dạn hơn, nằng nhìn Cao ý nhị:

– Vậy mà tôi cứ tưởng chỉ những người mới xa nhà lần đầu tiên, nên mới lảm cẩm như thế.

Cao tủm tỉm:

– Mới xa hay đã xa lâu, thì cũng đều mang nặng trong lòng mỗi sầu viễn xứ như nhau, chị ạ.

Hạnh lại hỏi Cao:

– Nói vậy có lẽ anh sang đây đã lâu?

– Dạ, trước ngày mất nước một năm. Lúc bấy giờ tôi không định ở lại, nhưng rồi tình hình thay đổi nên đành ở luôn cho đến bây giờ.

Hạnh tò mò:

– Ở đây lâu như vậy, chắc anh cũng đã làm giấy bảo lãnh cho gia đình đi hết rồi chứ?

Nét mặt Cao thoáng buồn:

– Trái lại, gia đình tôi không ai đi hết.

Hạnh ngạc nhiên:

– Ô, lạ thật. Vậy thì...

Thấy Hạnh có vẻ hiểu lầm mình, Cao đành nói tiếp:

– Không phải gia đình chúng tôi theo Việt cộng, mà thật sự, chỉ vì nhà tôi cũng chẳng còn ai!

Hạnh càng thấy Cao khó hiểu, nàng chưa kịp lên tiếng thì Cao đã nói tiếp:

– Mẹ tôi đã quá già, còn con tôi...

Những tiếng ồn ào bỗng vẳng lại làm át mất câu nói của Cao., và Lan cùng đi với mấy thiếu nữ, tay cầm máy ảnh, đang

chạy về phía hai người, vừa nói với Cao:

– Các bác và mấy em muốn chụp hình kỷ niệm chung với đoàn mình, nên tụi em đi kiếm anh và cả chị Hạnh đây nữa. Từ này giờ chưa có tấm hình nào của chị Hạnh hết.

Không đợi chờ Lan dứt lời, mấy thiếu nữ đó xúm lại, tranh nhau đòi chụp với Cao. Chiếc máy ảnh bấm không ngừng, nhưng Tân báo tin đã đến giờ phải trở về. Khác với chuyến đi, trên đường về, mọi người nói cười, bàn tán vui vẻ, chuyến du ngoạn đã kết thúc bằng bài đồng ca “Tạm Biệt”, rồi hai bên vui vẻ chia tay.

Thấy Cao nói những lời từ giả với đoàn người tị nạn, Hạnh bỗng thấy buồn. Và Hạnh càng buồn hơn khi thấy Cao cũng chỉ chào mình như đã chào những người khác.

Từ hai tuần nay sống tạm nơi trại tiếp cư này, hôm nay lần đầu tiên Hạnh cảm thấy bước chân nặng nề khi phải lên hết bốn tầng lầu, với những hành lang dài lạnh lẽo, âm u. Đêm hôm ấy, trong căn phòng vắng vẻ, Hạnh bỗng nghĩ về Cao, ở người đàn ông này có những điều gì khác lạ. Đột nhiên Hạnh tự trách và hỏi thầm rằng, người ấy là gì mà mình phải bận tâm thắc mắc. Nhưng cùng lúc đôi mắt Hạnh lại nhìn vào gương để nhận thấy một chút màu hồng phớt trên đôi má.

Hạnh thấy mình nên gọi điện thoại cho Thiện, nàng lại ao ước nếu giờ này được nghe tiếng của Thiện nói chuyện với mình dù chỉ vài câu cũng đủ. Vẫn đứng trước gương, Hạnh thầm ôn lại những lời Thiện đã nói với mình sau mấy năm trời vợ chồng xa cách. Tuy nhiên Hạnh

không khỏi chạnh lòng vì Thiện không cố gắng lên đây một lần khi được tin Hạnh vừa mới đến.

Hạnh rút mảnh giấy ghi số điện thoại của chồng xuống mặt bàn, buông một tiếng thở dài và cầm bút viết thư cho Tuyết.

Bỗng có tiếng gọi của báo tin cho Hạnh biết, có người đang gọi điện thoại xin nói chuyện với Hạnh, tự nhiên Hạnh thấy vui vui, hết còn giận lẫy với chồng nữa.... Nhưng, tiếng nói qua đường dây làm Hạnh sững sờ, nàng hỏi lại:

– Dạ, ... ông, à... anh Cao ạ?

Đầu dây kia một giọng đàn ông thật ấm nói vào tai Hạnh:

– Vâng, thưa chị, Cao đây. Tôi xin lỗi chị vì buổi sáng đang nói chuyện dở

dang, đến lúc về hơi vội không kịp nói với chị câu nào... Thưa chị, nếu chị cho phép, ngày mai tôi xin đến thăm chị một lần.

Hạnh bối rối chẳng biết nên trả lời ra sao, cứ dậm chân.

Đầu dây kia hình như Cao hiểu, vì Hạnh nghe Cao hỏi lại:

– Có gì phiền chị không, thưa chị? Nếu chị thấy không tiện thì cho tôi xin lỗi và tôi sẽ không bao giờ dám đến quấy rầy chị nữa.

Nghe nói thế Hạnh càng cuống hơn, vội lên tiếng:

– Dạ, không có gì trở ngại cả, mời anh cứ đến chơi...

– Cảm ơn chị đã cho phép, vậy thì, xin chị đợi tôi khoảng năm giờ chiều mai. Giờ đó chị có bận gì không?

– Tôi không bận gì, mời anh cứ đến.

Cao nói thêm vài câu thăm hỏi nữa rồi thôi.

Không biết có phải vì buổi sáng đã đi bộ nhiều hay không, mà đêm đó Hạnh ngủ ngon. Một giấc dài, êm đềm nhưng vẫn có một giấc mơ nhỏ, thật đẹp đối với Hạnh.

Hạnh thấy mình ngồi trên chiếc xuồng ba lá bơi dọc theo một con lạch nhỏ để về Bình Thủy. Mặt nước trong veo, có những hàng dừa lá dài, cong xuống chạm vào be xuồng. Chiếc xuồng nhỏ cứ thế lướt êm trong dòng nước, quanh xuồng muôn ngàn bông hoa màu

tím giống như những chiếc đèn hoa, lững lờ trôi theo. Có một giọng ai hò đâu đây văng vẳng vang lên nghe thật êm tai. Hạnh nhìn quanh nhưng không thấy một ai và.. Hạnh chợt tỉnh. Té ra chỉ là một giấc mơ!

Mấy chục năm trời đi qua, đến giờ phút này, dù đã cách xa ngàn dặm, tiềm thức của Hạnh cũng vẫn còn lưu luyến những hình ảnh của ngày xưa. Đường về Bình Thủy năm xưa đã từng làm Kim Hạnh thuở lên 10 háo hức, đến nay, ở tuổi vào thu tâm tư Hạnh vẫn lưu luyến. Mặc dù giờ phút này cảnh cũ đã xa vời.

* * *

... Có tiếng gõ cửa. Hạnh chợt bồi hồi và Hạnh liếc nhanh vào tấm gương trên

tường, một tay mở cửa. Cao xuất hiện với nụ cười và một bó hoa nhỏ:

– Chào chị, chị có được mạnh không?

Hạnh nhìn bó hoa, mỉm cười mời Cao:

– Cám ơn anh, nhờ thời tiết mùa này không lạnh lắm nên tôi cảm thấy rất dễ chịu. Mời anh vào chơi, anh chọn hoa khéo quá.

Cao tươi cười đưa bó hoa cho Hạnh:

– Tôi đang lo không biết chị có thích loại hoa màu tím này hay không?

Hạnh ngắm những cành violette xinh xinh, tấm tắc:

– Hoa bên này đẹp quá, và thật là sự tình cờ!

Vừa nói Hạnh vừa chỉ vào chai nước hoa nhỏ để trên mặt bàn:

– Anh xem này, tôi cũng dùng nước hoa violette.

Giọng Cao rất tự nhiên:

– Còn tôi, suốt đời chẳng bao giờ mua hoa, nhưng hôm nay, trên đường đến đây, đi qua một cửa hàng hoa, bỗng dừng tôi lại nghĩ nên biếu chị một bó hoa màu tím. Thú thật với chị, chỉ vì quê tôi rất nhiều những loài hoa màu tím. Ngay trong vườn nhà tôi, vừa nhìn vào đã thấy toàn những chùm hoa leo màu tím. Chẳng biết tên nó là gì, nhưng tôi cứ nhớ đến nó hoài, rồi hoa trôi trên dòng nước sau nhà cũng màu tím.

Hạnh vuốt ve những cánh hoa nhỏ, liên tưởng đến giấc mơ đêm qua, nói với Cao:

– Anh nói thế tôi hiểu rồi, tôi hiểu anh vẫn luôn nhớ đến quê hương bên nhà. Quê anh ở tỉnh nào?

Cao nói bằng giọng hân hoan:

– Tôi là dân miền Tây, ông bà cha mẹ tôi sinh trưởng ở Ô Môn nhưng đất đai mồ mã thì nằm hết tại Bình Thủy.

Hạnh bỗng cảm thấy hoang mang, nằng nhìn Cao:

– Bình Thủy? ... Gia đình anh ở Bình Thủy?

Cao vẫn vô tình:

– Còn chị? Tôi nghĩ chị không phải người miền Nam?

Hạnh cười gượng:

– Vâng, anh nói đúng đó. Nơi tôi

chào đời là phần đầu của giải đất mang hình chữ S, thế nhưng tôi cũng đã có dịp biết khá nhiều những nơi khác.

Hạnh định nói thêm “nhất là miền Tây” nhưng Hạnh đã kịp ngưng lại, để hỏi một câu khác:

– Còn anh, anh ở Bình Thủy đến năm nào?

Cao tươi cười:

– Tụi tôi chỉ ở hồi nhỏ xíu thôi, kể từ khi xong tiểu học ba má tôi tổng hết ba anh em tôi lên Sài Gòn học tiếp.

Hạnh chớp chớp đôi mắt, che dấu cơn bối rối:

– Hôm trước nghe anh kể, anh còn gia đình ở bên nhà, chắc thân quyến của anh nay vẫn ở dưới miền Tây?

Cao cười thành tiếng:

– Từ sau tháng Tư – 75, gia đình tôi coi như xả lảng với miền quê. Bây giờ tôi còn đúng hai người thân, bà mẹ và con gái. Một bà già, một đứa nhỏ, cả hai người đều sống ở Sài Gòn

Hạnh thấy tim mình đập thình thịch trong lồng ngực, Hạnh phải ngồi xuống ghế, hai mắt vẫn chăm chú nhìn Cao:

– Vậy chắc ở bên này, anh có gia đình đông người hơn?

Cao lại cười:

– Tôi cũng mong được như thế, nhưng hiện tại thì không!

Hạnh cố gợi chuyện:

– Tôi ở bên nhà mới sang. Nếu được biết anh từ trước, để có dịp đến thăm gia

đình anh ở bên đó trước khi sang đây thì tốt quá. Không biết ở bên nhà, bác ở đường nào?

– Tôi nghe mẹ tôi kể trong thư, sau khi lên Sài Gòn, bà đã mua được một căn phố lầu nhỏ, ở tại một hẻm gần trường Bàn Cờ, mẹ tôi thích ở gần trường để cho con bé Minh Hằng sau này đi học cho gần.

Hạnh căn môi để dùng bật lên một tiếng kêu, vừa gượng đứng lên lấy chai nước, rót ra hai cái ly, tự trấn tĩnh. Nàng mời Cao và bưng ly nước lên môi, cố tìm ở Cao một nét quen thuộc của ngày xưa.

Ngày xưa, cậu Út Quang mặt trắng tròn, hai mắt đen như hột nhãn và có giọng hát thật hay, liệu có phải là người đàn ông đang ngồi trước mắt nàng

không. Nàng vẫn cố moi óc tìm cho ra lai lịch của người xưa.

Nàng lấy giọng tự nhiên hỏi Cao:

– Cô bé Minh Hằng là con ai mà có tên đẹp thế?

Cao điềm nhiên nói tiếp:

– Nó là con gái duy nhất của tôi đây chị a. Mẹ tôi rất hiếm con cháu nên đã đích thân chọn tên cho con bé này. Bà kể rằng có một kỷ niệm gì đó trong thời gian chọn nàng dâu út, vì tôi là con út trong gia đình. Chỉ tiếc câu chuyện không thành...

Không đủ can đảm nghe hết câu nói của người xưa, Hạnh vụt đứng dậy đi nhanh ra cửa, vừa nói với Quang:

– Xin lỗi anh, tôi có cái hẹn trong điện thoại giờ này mà quên mất.

Quang ngỡ ngác cũng đứng lên theo, thì Hạnh đã ra đến cửa vừa chạy như trốn vừa nói với lại:

– Nhà tôi, anh ấy ở dưới Marseille hẹn cỡ ngoài 5 giờ chiều hôm nay thì gọi lên, để thứ Hai này đón tôi về dưới ấy... Xin anh tha lỗi... Xin vĩnh biệt anh!

Trong hành lang hút gió và lặng trang, Quang ngỡ ngàng.

Chàng xuống phòng điện thoại, chiếc máy vẫn nguyên chỗ cũ... Không một bóng người. Chàng ngạc nhiên thấy người thiếu phụ ấy trốn mình.

VÌ CON LÀ LÍNH

– **M**á, con đã về đây, má ơi.

Bà mẹ giật mình quay lại, trong vùng bếp ám khói tối um, bà nhận ra gương mặt thân yêu của người con trai lớn. Thấy con về, bà mừng lắm nhưng vẫn mắng yêu:

– Cứ về đến nhà là làm mẹ giật bắn người lên!

Và bà dịu giọng hỏi tiếp:

– Con về bao giờ vậy? Thế còn thằng Hà và thằng Hải. Chúng nó có về cùng với con không?

Hoàng ôm vai mẹ, tươi cười:

– Con cũng vừa mới về đến nơi, con về có chút việc, còn hai đứa chúng nó ở nhà. Má, hôm nay nhà có gì ăn không?

Bà mẹ âu yếm:

– Để má chạy ra chợ mua thêm miếng thịt cho con, thế hai em con vẫn bình thường đấy chứ?

Hoàng cười:.

– Má cứ yên tâm, thằng Hà với thằng Hải nhà mình vẫn cày sâu cuốc bẫm đều đều, chúng con vẫn theo đúng chính sách “lao động là vinh quang” mà má. Má cho ăn thịt à? Gì mà sang thế? Má cứ

làm như bây giờ là ngày xưa, ngày mà ba anh em còn là thiên thần mũ đỏ không bằng.

Bà mẹ vội bịt miệng con:

– Ấy, giữ mồm giữ miệng một tí con. Thời nay không phải thời xưa đâu, lỡ lời có ngày mang họa vào thân đấy con ạ.

Rồi bà buông đôi đũa bếp, quay hẳn lại nhìn con trai, hỏi bằng giọng lo ngại:

– Sao con cứ đi đi về về luôn thế? Ở đấy làm ăn ra sao? Liệu ba anh em có đủ gạo ăn không?

Hoàng vẫn cười:

– Bộ má chán nhìn mặt con rồi hay sao mà má lại hỏi vậy? Chứ con thì con lại nghĩ rằng sẽ có lúc má phải tiếc những ngày mà con cứ thậm thụt chạy về nhà như thế này đấy.

– Cái thằng này, ăn với nói. Lúc nào cũng đùa cợt không khác trẻ con. Con về thì má mừng, nhưng thấy con về hoài má sợ con tốn tiền xe, với lại con đi tới đi lui lắm, phườong khóm nó để ý, phiền cho con và gây khó khăn cho thằng Hà thằng Hải ấy chứ.

Hoàng cười to:

– Tưởng gì, chứ mấy chuyện đó, má đừng lo. – Và Hoàng hạ giọng – Má cứ yên tâm, tụi này con đã khớp mỏ chúng nó hết rồi, không có gì đáng sợ đâu.

Bà mẹ vẫn còn ngần ngại:

– Con nói thế thì má cũng biết thế, nhưng mà, sao má cứ nghĩ như là con bỏ bê công việc của ba anh em con ngoài đó. Vườn ruộng nhà mình ngoài đó tốt lắm đấy con ạ. Hồi đó ba má mua để dưỡng già.

Nghe mẹ nói, Hoàng bỗng cười to hơn:

– Trời ơi! Bộ ba má tính cho ba đứa chúng con thành những anh bần cố nông chính cống hay sao. Ruộng với vườn của nhà mình, má cứ tin con đi, chỉ một thời gian ngắn nữa thôi là sẽ vào tập đoàn hết. Dưới chế độ đó, không có gì là tư hữu, là của riêng hết đâu.

Bà mẹ sắc mặt đượm buồn:

– Còn được ngày nào hay ngày ấy, rồi cũng đành phải theo người ta thôi. Riêng hoàn cảnh nhà mình thì con thấy đấy. Cái thế của gia đình mình là không «đi» được. Nhà mình không có thân nhân nào ở ngoại quốc để mà nói chuyện làm giấy bảo lãnh cho các con đi. Còn như đi chui thì cứ toàn nói chuyện bằng những cây vàng, mỗi đầu người cũng phải đóng

mấy cây vàng, làm sao ba má lo nổi. Bây giờ kẹt phải ở lại đây thì anh em các con phải khuyên nhủ nhau, cố gắng làm ăn để sống qua ngày cho nó yên thân.

Nụ cười vẫn trên môi, Hoàng ghé sát tai mẹ:

– Má, má đừng lo nữa. Tụi con không nghĩ như má đâu. Tất cả những chuyện mà má vừa nói đó, bây giờ là chuyện của con, của tất cả chúng con. Con nói điều này để má nhớ: là lính chiến, chúng con không thể sống chung với cộng sản. Má xem, ba má có năm đứa con thì hết ba đứa đều đã là lính rồi. Ở sao được?

– Con định “đi” à? Đi bằng cách nào bây giờ?

– Má cứ yên tâm. Chuyện “đi” là chuyện luôn luôn trong đầu con và tất

cả những người trai trẻ đã từng là lính chiến như con. Không trước thì sau thế nào cũng có ngày chúng con sẽ ra đi. Thật ra chuyện đó không thể biết trước được, nhưng ngay bây giờ thì chưa đâu.

Bà mẹ nghĩ ngợi rồi thở dài:

– Thôi thì má cũng đành phó thác tất cả cho số phận. Con lo sao cho các em con có một tương lai an toàn thì lo, có điều con phải cẩn thận lắm mới được. Đã học tập về mà còn dính vào chuyện vượt biên, nếu không thành, kẹt lắm đấy con ạ. Má nghe bên nhà cô Ba kể chuyện, chồng cô ấy cũng là lính, học tập về rồi vượt biên, chẳng may bị bắt lại, bị đánh quá chùng, rồi còn bị đi bốc cứt người nữa đấy con ạ.

Hoàng bật cười, nhìn mẹ thương cảm:

– Con biết, tội con biết lắm. Ở trong tù cải tạo chúng con cũng đã nếm đủ cả rồi. Có điều con không muốn kể lại với má đó thôi.

Bà mẹ rướm rướm nước mắt:

– Tội thân con tôi! Nhưng má dặn con trước, bao giờ con tính xong chuyện đó thì con nhớ phải cho má biết ngay để má còn làm mấy ký thức ăn khô cho các con đem theo.

Hoàng lại cười, lắc đầu:

– Má chẳng hiểu gì cả!

Và Hoàng trấn an mẹ:

– Cần nhất má cứ yên tâm. Con không nói cái gì trước được hết. Chuyện ra đi của chúng con sẽ rất bất ngờ, khó biết chắc được lúc nào. Có thể lâu, có thể

mau, có thể ngay bây giờ, có thể một hai năm.

Bà mẹ cuống lên:

– Con nói gì vậy? Ngay bây giờ à?

– Không, không, là con nói thí dụ thôi. Bởi vì đây là chuyện của nhiều người, của cả nhóm anh em họ tổ chức, chứ không chỉ riêng một mình con mà làm được.

Rồi Hoàng như chợt nhớ ra, hỏi mẹ:

– Còn con Hiền với con bé Hòa nhà mình, chúng nó vẫn bán thuốc lá lẻ ngoài chợ đấy chứ?

Vừa hỏi Hoàng vừa đến gần bếp nhìn vào cái xoong bằm đầy khói củi đen sì đang sôi lục sục:

– Má nấu cái gì đó? Lại món chay?

– Không, hôm nay không phải ngày chay, má đang kho ít củ cải, mùa này củ cải ăn ngọt lắm.

– Má kho với tôm hay với thịt?

Bà mẹ cười ngượng ngịu:

– À, kho với tí nước xì-dầu ấy mà.

Vẫn để một tay trên vai mẹ, Hoàng từ tốn:

– Má ơi, hôm nay con xin má cho con một đĩa thịt có được không? Và má lấy thêm gạo khá khá nấu thêm cho con một xuất cơm nữa.

Bà mẹ nhìn con trai:

– Lại có khách à? Ai vậy con?

Hoàng chặc lưỡi:

– Khách khứa gì! Má đừng nói thế,

những người mà con dắt về đây, ăn với gia đình mình một hai bữa cơm, thì xin ba má coi họ cũng như con của ba má. Họ đều là chiến hữu của con. Nhưng mà, má có tiền mua thức ăn không?

– Còn, còn đây. Con Hiền nó mới đưa cho má hồi sáng. Để má chạy ra chợ xem còn thịt thà gì không. Thế nhưng mà ai vậy hả con?

Hoàng không đáp chỉ gọi vọng ra nhà ngoài:

– Bình, vào đây mày. Má tao trong này...

Một thanh niên lạ mặt đi vào, kính cẩn cúi chào bà mẹ:

– Thưa bác...

Hoàng nói ngay:

– Bình cùng đơn vị con ngày trước, má có nhận ra nó không. Nó cũng lính như con..

Đôi mắt bà mẹ thoáng hoảng hốt, bà nhìn lên vách tường không cao lắm, ngăn giữa nhà bà và nhà hàng xóm, hấp tấp bảo con trai:

– Con nói nhỏ thôi. Người ta nghe được thì khổ, cứ nhắc mãi lính với tráng. Khổ lắm!

Bà phân bua với Bình:

– Bác sợ lắm cháu à. Bác đã dặn nó đừng bao giờ nhắc những gì dính dáng đến ngày trước nữa. Mình là “ngụy” mà, khổ lắm. Tai vách mạch rừng, chết lúc nào không biết.

– Không có sao. – Hoàng thản nhiên nói – Má cứ hay sợ vớ vẩn, xóm này ai

mà chẳng biết quá khứ của con. Con cũng như tất cả mọi người, con cũng đã đi học tập về, đầy đủ như ai. Bây giờ con lại chấp hành nghiêm chỉnh chính sách nhà nước, tối ngày chỉ biết chân lấm tay bùn.

Bà mẹ có vẻ không vui:

– Họ đâu có nghĩ như mình, có chuyện gì họ “tố” cho thì khổ.

Bà nhìn lại Bình:

– Còn cháu, hồi này cháu ở đâu, có công tác cho cơ quan nào không. Sao lâu nay bác không thấy cháu lần nào?

Bình đưa mắt nhìn Hoàng, Hoàng vội đỡ lời bạn:

– Thằng này nó ở Kinh Tế Mới, mới được phép về đây để chuẩn bị xin một chân trong sở vệ sinh.

Bà mẹ thật thà:

– Vậy à? Thế đã xin được chưa?

Hoàng cười nửa miệng:

– Gốc lính “ngụy” lại không người bảo lãnh, đâu có dễ trở thành công nhân viên nhà nước.

Nói xong Hoàng giục mẹ:

– Má cứ để bếp đó con canh chừng cho, má đi chợ đi, tụi con đói bụng rồi. Má nhớ ghé con Hiền xin cho con mấy điều thuốc lá lẻ.

Nể lời con trai, bà mẹ đội nón xách giỏ sửa soạn đi chợ.

Đã đi được mấy bước bà lại quay lại dặn con:

– Con rút hết củi để nó đỡ cháy phí của. Lát nữa về má nấu cơm sau cũng được.

Khi bà đi chợ về thì chỉ thấy một mình Hoàng đang ngồi hút thuốc lá với ông bố. Hình như hai người đang bàn tính một chuyện gì nhưng vì sự có mặt của bà nên cả hai cùng nín lặng.

Đối với bà, thái độ như thế của chồng và con trai là sự rất thường. Bà không phật lòng và hình như cũng đã quen đi rồi. Sống dưới chế độ của búa liềm, mọi sự đều được bảo mật, dù ngay trong gia đình. Nhưng với tâm hồn mộc mạc như bà thì lại nghĩ khác, bà cho rằng hiền lành như chồng con bà, dù cho hai người có bàn chuyện riêng thì cũng chỉ đến chuyện làm cho có tiền có gạo để sống qua ngày vậy thôi.

Bà quên khuấy mất Bình, vội đi thẳng vào bên nồi lửa đặt nồi cơm và kho một đĩa thịt thật ngon.

Dọn xong mâm cơm bà mới ngạc nhiên vì không thấy Bình đâu. Hoàng đoán biết ý mẹ, hất hàm lên gác nói nhỏ:

– Bạn con đang ngủ rất ngon, vậy mình cứ ăn cơm trước, xin má cất riêng cho nó đĩa thịt chứ con thì không cần, con ăn củ cải kho của má.

Bà định hỏi lại thì ông bố Hoàng đã lên tiếng:

– Để cho cậu ấy ngủ, giấc ngủ quý hơn bữa ăn, lát nữa cậu ấy ăn một mình cũng được.

Trong bữa cơm bà mẹ chỉ ăn qua loa, thức ăn ngon là bà kín đáo nhường cho chồng và các con. Từ mấy năm nay bữa

cơm gia đình của ông bà luôn luôn vắng vẻ. Ba anh em Hoàng sống ở ngoại thành để canh tác, còn hai người con gái nhỏ suốt ngày bận với thùng thuốc lá lẻ đặt bán ở một góc chợ. Hai cô bé đã thôi học sớm để theo nghề buôn bán, tạo sinh kế cho gia đình.

Mỗi sáng hai chị em dậy sớm, nấu một nồi cơm, để phần cho bố mẹ một nửa, còn một nửa Hiền bỏ vào lon «gô» cùng ít thức ăn mặn còn lại từ tối hôm qua, đem theo ăn trọn ngày.

Do đó gia đình bố mẹ Hoàng rất ít khi có một bữa cơm trưa.

Đang ăn ông bố chợt buông đũa kể công với bà mẹ:

– Sáng nay tôi vừa đi xếp hàng mua nhu yếu phẩm giùm cho bà đó.

Bà mẹ có vẻ hân hoan:

– A! nhà mình được mua nhu yếu phẩm đấy à?

Và bà khoe với con trai:

– Đã nửa năm nay, kỳ này mới lại được gọi cho mua nhu yếu phẩm đấy con ạ.

Rồi bà hấp tấp quay lại hỏi ông bố:

– Được mua những gì đấy ông?

Ông bố sửa lại cặp kính lão, giọng quan trọng:

– Đây, để tôi “báo cáo” cho bà nghe. 50 gờ-ram bột ngọt, 2 gói thuốc lá Đà Lạt, nửa ki-lô đường chảy.

Mặt bà mẹ tươi hân lên:

– Có cả thuốc lá? Thế thì ông đưa

đây cho con nó đem về làm quà cho hai em nó.

Ông đáp không ngần ngại:

– Tôi đem “đổi” lấy ít tiền dắt túi rồi!

Bà mẹ bắt măn:

– Lại vào túi ông! Nhưng sao ông không đem ra cho chị em con Hiền?

Hoàng hiểu chuyện vội binh ông bố:

– Lâu lâu để cho ba có chút tiền lẻ, chứ má bảo ba đưa ra cho con Hiền thì ba còn gì.

Bà mẹ lại hỏi:

– Thế còn bột ngọt với đường, ông để đâu?

Vừa nói bà vừa đứng bật dậy, nói tiếp với con trai:

– Bột ngọt quý lắm con ạ. Nhiều bữa cơm, thức ăn nhà mình chỉ có mớ rau nấu với bột ngọt, ăn sáng, ăn chiều rồi cũng qua được một ngày.

Ông bố bắt đầu vui chuyện, ông lại kể:

– Đáng lẽ bà phải thưởng công thêm cho tôi mới phải, nhờ tôi cẩn thận, đi đâu cũng đem theo vài bao ni-lông nên sáng hôm nay mới mua được nửa kí đường chảy. Còn những người tay không, cửa hàng người ta bảo về nhà lấy cái gì đựng, người ta mới bán.

Bà mẹ có vẻ hài lòng:

– Phải! Như thế mới được! Bao giờ ra khỏi nhà cũng nên đem theo vài cái túi ni-lông, gặp chỗ nào hợp tác xã người ta bán gì, thì còn mua được mà đem về.

Bà cúi xuống găm giường đem ra một củ khoai lang bảo con trai:

– Nhân thể hôm nay có con về chơi, lại sẵn vừa mua được nửa kí đường chảy, để má đi nấu nồi chè khoai.

Hoàng nhìn đồng hồ:

– Con phải đi chút việc, đã đến giờ rồi.

Bà mẹ cau mày:

– Lại còn đi đâu nữa thế? Ở nhà mà ngả lưng cho nó khỏe con ạ.

Hoàng xốc lại cổ áo:

– Con có hẹn. Vì cái hẹn này mà con phải về đây, không bỏ được, ba má nghỉ, con đi một tí.

Không đầy năm phút sau Hoàng đã mở cửa dắt xe đạp đi. Bà mẹ nhìn theo thở dài, phàn nàn với ông bố:

– Cái thằng, cứ về đến nhà lại đi.

Không thấy ông nói gì, bà xích đến gần, thì thầm:

– Nó có nói với tôi là nó sẽ “đi”, ông có biết chuyện không?

Ông bố đang cầm que diêm sửa soạn bật lửa chọt ngừng. Ông nhìn bà như dò xét, hỏi lại:

– Nó nói với bà thế nào? Nó kể với bà những chuyện gì?

– Không, nó cũng không nói với tôi nhiều, mà nó chỉ nói qua loa rằng rồi nó sẽ đi, không rõ bao giờ.

Ông trầm ngâm một lúc rồi thở ra:

– Cũng không phải chuyện dễ, vì thế, tốt hơn bà nên coi như không biết đến chuyện này.

Nói xong ông lặng lẽ châm thuốc hút. Bà mẹ lại thở dài, lòng nặng những lo âu.

Buổi trưa, con ngõ nhà Hoàng thật là im vắng, chỉ có vài chiếc xe đạp chậm chạp đi qua rồi lại vắng vẻ trở lại. Dưới bầu trời âm u giữa mùa mưa, gian nhà nhỏ của gia đình Hoàng như chìm trong tối tăm và buồn bã. Bà mẹ đến bên cửa ngóng nhìn ra đầu ngõ có ý chờ đợi hai người con gái ngồi bán thuốc lá ngoài chợ, có người nào trở về nhà sớm hơn thường lệ.

Nhưng mà, tuyết nhiên vẫn chẳng có bóng dáng thân yêu nào.

Bà quay vào và cảm thấy mệt mỏi. Căn nhà nhỏ từ đây đối với bà sao mà trống trải. Từ ngoài vào trong, đồ đạc thưa thớt, tất cả đã nói lên cảnh sa sút nghèo nàn.

Bà ngồi xuống giường định chợp mắt một lúc cho đỡ mệt, vừa đặt lưng xuống chiếu thì từ ngoài ngõ đã vang lên tiếng gọi mọi người đi nộp sổ để mua gạo.

Nghe gọi cho mua gạo, cơn mệt mỏi của bà dường như biến mất, bà lồm cồm chỗi dậy thì cùng một lúc ông cũng lên tiếng giục bà:

– Sổ gạo nhà mình, tôi nộp cho cửa hàng từ hôm qua, bà đi ngay đi, chắc chắn chiều nay nhà mình được mua gạo đấy.

Bà vào bếp đem ra hai cái bao nhỏ

bằng gai mà ngày xưa quân đội dùng đựng cát, chất ở những công sự phòng thủ, cuộn lại cặp vào nách, nói với ông:

– Tôi còn phải chạy ra chợ lấy thêm tiền bán thuốc lá của hai chị em con Hiền thì mới đủ.

Ông bố suy nghĩ một lúc rồi chạy theo bà, dặn:

– Nếu kỳ này bà được mua thứ gạo kha khá một chút thì bà nên bán bớt đi lấy tiền đó mà trả đỡ cho hai chị em nó, chứ ăn của nó mãi thì còn gì là vốn.

Mãi đến xế chiều bà mẹ Hoàng mới lễ mễ ôm được hai bao cát đựng gạo về.

Vào nhà, bà cẩn thận đặt hai bao gạo nhỏ lên giường, lấy tay áo quẹt mồ hôi vừa thở:

– Mỗi một lần đi mua gạo là vừa một vừa mất thì giờ. Chờ đợi, chen chúc thế mà họ còn cứ bán vặt ra! Đã thế kỳ này lại kém quá, đầy sạn với bông cỏ.

Bỗng bà khựng lại. Trong bóng chiều chạng vạng, Bình, tay cầm mũ tay cầm áo mưa đang đứng cạnh ông bố Hoàng. Cả hai người, vẻ mặt đều khác lạ, quan trọng, khó hiểu.

Tuy nhiên bà vẫn niềm nở hỏi Bình:

– Kìa cháu! Cháu đã ăn cơm chưa mà đã lại định đi đâu bây giờ nữa đây?

Ánh mắt thoáng bối rối, Bình đáp nhỏ:

– Dạ, cháu đã ăn... bây giờ xin phép hai bác, cháu đi..

Bà mẹ Hoàng ngạc nhiên:

– Cháu không đợi thằng Hoàng nó về đã à?

Ông bố Hoàng cau mày nhìn đi chỗ khác, trả lời thay cho Bình:

– Thằng Hoàng đã gặp cậu ấy rồi. Bây giờ cậu ấy phải đi gấp bà đừng có hỏi lời thôi nữa.

– Thế thằng Hoàng đâu?

Ông bố hình như muốn tránh sự dằng dai, khế gắt bà:

– Sao lúc nào bà cũng làm như nó còn trẻ con vậy? Cứ về đến nhà là hỏi toang lên vậy. Nó đi vắng rồi.

Và ông nhìn Bình, giọng thân mật:

– Cháu nên đi cho được việc, chúc cháu may mắn. Tất cả đều may mắn...

Bình đội cái mũ lưỡi trai xuống quá trán, không chậm trễ, ra cửa ngay.

Bình đi rồi, bà mẹ Hoàng bỗng tần ngần nhìn mâm cơm còn dở dang. Bát đĩa còn bỏ dở, và nếu như bà không làm thì hình như Bình chưa xong bữa. Đột nhiên bà chạy vội ra nhà ngoài, cuống cuống lặp lại câu hỏi ban nãy:

– Ông ơi, thằng Hoàng đâu?

Giọng thiếu tự nhiên:

– Nó đi có việc cần.

Bà nhìn ông có vẻ bức mình:

– Lúc nào cũng nghe nó nói có việc cần! Không biết việc gì mà cần kíp đến thế?

Rồi bà hỏi luôn:

– Thế còn cái cậu Bình này nữa, đi đâu mà hấp tấp quá vậy? Cơm ăn hãy còn bữa ra kia.

Đôi mắt mệt mỏi của ông chột ngồi lên:

– Bà nhận xét đúng đấy, cậu ấy đâu đã xong bữa, nhưng có việc phải đi gấp nên không trì hoãn được.

Bà vẫn còn bực bội:

– Làm gì mà phải vội vàng quá thế. Cái thằng Hoàng này cứ hay lảm chuyện.

Ông nhìn bà trân trối, một cái nhìn thật lạ đối với bà, rồi ông bỗng kéo bà đến gần, nói nhỏ vào tai:

– Cậu Bình là tù cải tạo trốn trại ra, bà đã hiểu chưa?

Bà hốt hoảng:

– Ông nói cái gì? Ai trốn trại?

– Thằng Bình, bà nghe rõ chưa? Nó trốn khỏi trại tù cải tạo chạy về, thằng Hoàng đem giấu tạm ở nhà mình.

Bà tái mặt, nói không thành tiếng:

– Ối trời ơi! Sao mà chúng nó liều thế?

Ông hơi gắt:

– Kia, bà lại cuống lên rồi! Gặp hoàn cảnh một người như thế, mình phải tiếp tay mà cứu người ta chứ. Nếu ai cũng như bà thì những người như thế, họ lẫn vào đâu?

Bà vẫn còn sợ:

– Liệu công an nó có dò ra nhà mình đã chứa cậu ấy không?

Ông gắt lại:

– Nó có còn ở trong nhà mình đâu mà sợ. Bà vợ vẫn quá. Cùng lắm thì.... chối biến đi, bằng có đâu kia chứ.

Bà thở ra, ngẫm nghĩ một lúc rồi tò mò:

– Tại sao thằng Hoàng từ ngoài đó về đây, còn cậu này ở đâu trốn về, mà bỗng dưng hai đứa nó lại gặp được nhau? Có đúng cậu này ngày trước cùng đơn vị với thằng Hoàng không?

Ông chậm rãi:

– Chứ còn gì nữa! Chúng nó cùng bạn lính, hai đứa nhiều phen cùng vào sinh ra tử, rồi đi học tập cùng chỗ, đổi trại mấy lần rồi cũng gặp lại nhau.

Ông ngừng một giây rồi lại thì thầm:

– Bà tưởng chỉ có một mình thằng Bình này trốn trại hay sao? Bây giờ tôi mới nói cho bà biết, ngay cả hai đứa cũng đã dự tính sẽ cùng đi trốn với nhau. May sao thằng Hoàng lại được tha về. Do đó chúng nó có hẹn với nhau, nếu sau này thằng Bình mà trốn thoát được thì sẽ ẩn thân ở chỗ này chỗ nọ.

Bà nôn nóng ngắt lời:

– Thế rồi làm sao con mình nó được tin để hai đứa được gặp nhau?

Giọng ông hân hoan:

– Tình cờ. Chỉ là sự tình cờ thôi. Đấy, ở đời có lắm sự tình cờ tốt đẹp đến như vậy đó.

Và ông nói tiếp:

– Cũng là điểm may cho cậu này cho

nên tình cờ thằng Hoàng lại mò đến chơi địa điểm đó, thế là chúng nó gặp nhau.

Bà dăm dăm nhìn ra lối cửa, suy nghĩ miên man. Còn ông, một lúc sau ông điềm dậm lên tiếng:

– Còn một chuyện mà bà chưa biết.

Bà lại phát hoảng:

– Chuyện gì? Chuyện gì nữa ông?

Ông khinh khỉnh:

– Bà có bình tĩnh thì tôi mới nói.

– Thì ông cứ nói xem nào. Nhưng mà chuyện tốt hay xấu?

Ông dửng dĩnh:

– Chuyện mà tôi biết, chẳng chuyện gì là chuyện không tốt cả! Nhưng tôi ghét cái tính nhát nhúa quá mức của bà lắm.

Vì thế tôi phải còn nghĩ xem có nên nói cho bà biết không đã.

Bà nài nỉ:

– Ông nói đi, tốt thì tôi mừng chớ có gì.

– Nhưng bà nghe rồi, liệu bà có cuống lên không. Bà có cam đoan với tôi là bà phải bình tĩnh giống như tôi thì mới được.

Bà nói không suy nghĩ:

– Tôi cam đoan, xin ông nói ngay kéo tôi sốt ruột lắm.

Ông nhìn trước nhìn sau, lại ghé sát tai bà. Mắt bà ngó ra.

– Đi?... Đi đâu?

– Thì đi “đi” ấy mà.

– À! Ôi trời đất ơi! Thế đây! Thế nhưng mà? Nhưng ai?

– Cả bọn, trong đó có thằng Bình và ba anh em thằng Hoàng.

Bà ôm lấy ngực:

– Thật à?... Nhưng mà bao giờ hả ông?

– Đi tất cả rồi. Cả bọn đi hết cả rồi.

– Thế... đi hết! Mà... ai nói cho ông biết?

– Thằng Hoàng! Hôm nay nó về đây để nghe tin, như những lần trước nó vẫn đi đi về về. Lần này, họ hẹn nó đến gặp lúc giữa trưa đấy. Trong lúc bà đi mua gạo thì nó về báo tin tôi biết: xong cả rồi. Xe đã đến đón những người đang ở Sài Gòn. Chính nó cũng không ngờ kia mà.

Bà hấp tấp ngắt lời ông:

– Thế còn thằng Hà, thằng Hải?

– Bọn ở ngoại thành cũng đã có mặt trên xe đông đủ cả, rồi mới đến lượt đi đón những người đang ở Sài Gòn, trong đó có thằng Bình, thằng Hoàng,

– Thế rồi làm sao nữa?

– Cái xe ấy là cái xe của một cơ quan, nó sẽ chạy thẳng đến bến rồi xuống tàu luôn. Tàu cũng của nhà nước mà.

Bà lại kêu lên:

– Ôi trời! Sao mà mau chóng thế. Ông nói mà tôi cứ nghĩ như là chuyện chiêm bao.

– Thì tôi đã bảo là chuyện bất ngờ mà.

– Thật là bất ngờ.

Và bà nhìn ông:

– Cả ba đứa con mình? Biết bao nhiêu của, chẳng biết chúng nó đào đâu ra tiền mà được đi như thế?

Giọng ông bình thản:

– À, đây là chuyện riêng của chúng nó. Xưa nay chúng nó đã tự giải quyết nhiều việc riêng của chúng nó, thì ngày nay, chuyện này cũng thế thôi.

Bà dựa lưng vào tường, tự hỏi không biết mình vui hay là buồn. Trước mắt bà, trên một cái đỉnh cao ở vách tường, chiếc mũ bê-rê bằng nỉ đỏ sậm màu, đã bị gỡ mất cái huy hiệu, còn đó. Lần đầu tiên, kể từ nhiều năm nay, bà bỗng ước mơ, một ngày nào đó các con

trai bà sẽ đội lại những cái mũ oai hùng ấy...

VỢ NGƯỜI TÙ CẢI TẠO

Đuối chiều hôm ấy không mưa nhưng trời tối sớm, mây xám tỏa khắp không gian, hoàng hôn ảm đạm. Tôi vừa định ra đóng cánh cửa trước nhà thì cùng lúc bỗng nhận thấy một thiếu phụ lạ mặt rụt rè nhìn vào như có điều gì muốn nói với tôi.

Thiếu phụ có dáng dấp của một người khá giả, nhưng nét mặt nặng trĩu buồn và quần áo thì tầm thường nếu không muốn nói là quá nghèo nàn. Khô-

ng cần suy nghĩ, tôi vội mở cánh cửa, ân cần mời chị vào nhà và vụng về hỏi:

– Chị đến tôi có việc gì?

Vừa hỏi tôi vừa chú ý đến nước da tái xanh của chị, tất cả con người của chị mang rõ hình ảnh của sự sa cơ, của người thất thế. Chị bám tay vào thành ghế, mắt đầy ngấn lệ, nghẹn ngào nói nhỏ với tôi:

– Em ... lỡ độ đường, xin chị giúp em...

Tôi nhìn chăm chú và tò mò:

– Chị ở đâu?... Nếu giờ này chị còn phải tìm xe thì xem chừng rất khó đấy.

Nét mặt đầy đau khổ, chị ngập ngừng:

– Dạ,... Em ở khu 3.

Tôi vẫn nhìn chị nhưng giọng tôi ngạc nhiên hơn:

– Khu 3 à? Nhưng giờ này còn xe nào chạy ra ngoài đó nữa.

– Dạ còn... còn xe than, em đi nhờ xe chở than...

– À!

Và tôi hỏi thêm:

– Nhà chị ngoài đó?

Chị thở dài:

– Dạ.

Tôi bỗng sợ tiếng thở dài của chị và tôi không hỏi thêm, đi nhanh vào nhà lục các túi vải đựng tiền chợ, chẳng hiểu trong đó còn bao nhiêu nhưng tôi tin chắc chẳng được là mấy. Năm tiền vụn khiến tôi ngần ngại, nhưng phiền nỗi cả nhà tôi lúc bấy giờ cũng chỉ còn có bấy

nhieu. Trở ra, tôi dúm chỗ tiền nát nhàu vào tay chị, nói nhanh:

– Chị cầm tạm.

Giọng chị run run:

– Em xin cảm ơn chị... em về chị ạ.

Rồi chị đội cái nón lá cũ rách lên đầu, lặng lẽ ra khỏi nhà tôi.

Tự nhiên tôi thần thờ nhìn theo. Trời bắt đầu lất phất, những giọt mưa nhỏ chiều nay mang thêm tiết lạnh.

Ngõ hẻm nhà tôi lác đác người qua lại.

Cũng từ phút giây đó hình ảnh người đàn bà lạ mặt với dáng dấp đau thương, in hằn vào tâm khảm tôi.

* * *

Trời Sài Gòn sau những ngày mất nước, trông lúc nào cũng thê lương. Ngày này qua ngày khác, tháng này qua tháng khác, thế rồi khoảng bốn năm sau, vào một buổi trưa oi bức, người thiếu phụ năm xưa bỗng lại xuất hiện trước cửa nhà tôi.

Vừa trông thấy chị, tôi nhận ra ngay. Có lẽ chị cũng nhận thấy vẻ niềm nở của tôi nên chị mạnh dạn nói ngay, vẫn cái giọng buồn buồn đượm nước mắt:

– Thưa chị, em đây chị...

Tôi cầm tay chị, thân mật:

– Mời chị vào, chị ngồi đây.

Rồi tôi bắt đầu quan sát chị. Mấy năm trời nay bây giờ gặp lại, chị có vẻ mệt mỏi

và xác xơ hơn. Sắc mặt bơ phờ, bộ bà ba nhiều chỗ vá, quần đen bạc thếp. Trông chị thiếu nảo quá.

Chị biết tôi muốn tìm hiểu chị nên chị cúi đầu nói nhỏ:

– May mà chị còn nhớ em, em tin tưởng như thế nên hôm nay em mới dám trở lại đây với chị.

Tôi ân cần và thú thật:

– Tuy đã mấy năm qua nhưng kể từ ngày đó, tôi vẫn nhớ đến chị. Chị vẫn ở chỗ cũ đấy chứ?

Chị ngẩng đầu lên, đôi mắt đau khổ:

– Dạ, nhưng bây giờ họ đuổi bọn em vào sâu hơn nữa, tới tận mé rừng.

Tôi ngạc nhiên:

– Sao thế?

Chị lắc đầu:

– Không phải một mình gia đình em mà gần hết những gia đình “ngụ” ở đó đều cùng hoàn cảnh như em.

Tôi ngắt lời chị:

– Nhưng mà, theo tôi nhận thấy chị đâu phải là người ngoài đó.

Giọng chị buồn hơn:

– Dạ, đúng vậy. Gia đình em trước ngày ba mươi tháng tư, ngụ ở Sài Gòn. Chẳng giấu gì chị, chồng em là sĩ quan, chúng em có nhà trong trại gia cư dành cho sĩ quan. Ngày chồng em đi học tập thì cũng là ngày họ đuổi mẹ con em ra khỏi nhà. Năm đó cháu nhỏ nhất của em mới chập chững biết đi; cháu lớn nhất

mười lăm tuổi. Một mẹ năm con chẳng hiểu gì khi cộng sản đuổi ra, mẹ con em gần như mất hết.

Tôi bất bình:

– Thì mình đừng ra, cứ ở lì trong nhà, họ làm gì được.

Chị thở dài:

– Dạ đâu có được. Trong trại cũng nhiều nhà gan lì nhất định cố thủ thì bị tụi nó cầm súng lừa ra, chúng nó còn dọa nếu chần chừ sẽ bắn bỏ mạng. Mẹ con em thấy chúng nó cầm súng chỉ sợ nó bắn chết nên đành phải nghe theo.

– Vậy còn đồ đạc, của cải mình trong đó thì sao?

Chị chép miệng:

– Mất hết chị ạ. Chúng nó đuổi mình ra, mình van xin cho lấy quần áo và khiêng đồ đạc ra thì chúng nó nói đã ra rồi thì là đi luôn, chứ không được trở vào nữa. Ai cãi lời tụi nó bắn chết. Nghe tụi nó nói thế em và các cháu sợ quá. Nhất là các cháu nhỏ, chúng nó khóc om lên. Em cũng quỳnh quá nên chỉ kịp vơ vội ít quần áo, quên cả mấy trăm ngàn trong tủ.

Chị nói tiếp:

– Thật em không ngờ, vả lại chúng nó làm bất thần quá nên không ai trở tay kịp. Đến nỗi em còn mấy lạng vàng dấu dưới đáy tủ cũng không lấy ra kịp.

Tôi chen vào:

– Sao không cố gắng lấy cho hết của cải của mình rồi hãy ra?

Chị ngao ngán lắc đầu:

– Bây giờ ngồi đây nói chuyện thì như thế chứ còn khi đó, chị biết không? Chúng nó vào đây nhà, đứa nào cũng lăm lăm cây súng, quát tháo, nạt nộ, làm mình mất hồn. Em run quá chẳng còn nhớ tiền của cất ở những nơi nào nữa.

– Thế rồi làm sao mà chị phải tới ngoài đó? Đi chi mà xa lắc xa lơ vậy?

Vẫn thở dài, chị phân bua:

– Nào em có muốn thế đâu. Chúng nó lừa bọn em lên xe nói là đi vùng kinh tế mới để sinh sống cho dễ, lên đó có đất sản xuất mà ăn. Lúc đó không đi cũng không được. Ở lại thì nhà đâu mà ở, cho nên tất cả bọn chúng em chỉ đành mà thôi.

Chị ngừng một giây rồi lại kể:

– Khi đến nơi, ớn quá chị ạ. Một vùng hoang vu, đất đai cằn cỗi, trơ vơ dưới đất trên trời mà chúng nó bảo tụi em dựng nhà lên mà ở, sản xuất mà ăn. Chị nghĩ coi bọn chúng em toàn đàn bà trẻ con, có nhà lại có cả các cụ già, quảng ra một nơi như vậy làm sao sống nổi. Nhiều nhà bỏ trốn trở về thành phố chị ạ.

– Thế còn gia đình chị?

– May em còn ít nữ trang đeo trên người nên em lột ra bán hết lấy tiền thuê những người nghèo khó hơn mình, họ vào rừng đốn cây dựng nhà và dọn đất. Mẹ con em phụ với họ, vất vả lắm mới dựng xong căn nhà trống trước trống sau!

Chị quét mồ hôi bằng tay áo, chép miệng:

– Trên đó đâu phải như ở thành phố mình đây, nó trống trải, ban đêm lạnh lẽo, người già và trẻ con đau ốm lu bù.

– Thế còn đất đai thì sao? Mình có trồng trọt được gì không?

Giọng chị đầy ngao ngán:

– Có phải như đất vườn đất ruộng đâu, đất rừng mà chị.. Mình phải thuê người ta bứng hết những gốc già gốc chết, phải dọn gai phát bụi rồi mới đánh luống trồng mì. Nhưng mà...

Chị bỗng ngừng lại mỉm cười chua chát:

– Đến nay những thứ đó cũng hết còn là của em rồi.

– Sao vậy?

– Khi mà mì bắt đầu lên rồi thì họ xua tụi em vô sâu nữa.

Tôi kêu lên:

– Thế còn nhà cửa thì sao?

– Muốn giở theo thì giở, bằng không thì bỏ lại. Nhà nào con cái lớn lớn một chút thì phụ với mẹ, xúm nhau lại giở được cái gì mang đi cái nấy. Mà chị nghĩ xem, miếng đất mới là quan trọng, tốn bao công của mình mới có được miếng đất bằng phẳng cất nhà làm vườn. Cứ tưởng rằng tới đó là yên nên còn bao nhiêu tiền của, mình dốc hết lo cho miếng đất, cái nhà. Đùng một cái, một lần nữa lại bỏ hết ra đi!

Và giọng chị trở nên mệt mỏi:

– Càng vào sâu đất càng căn cỗi vì là đất rừng, phải nói rằng tụi em phá rừng

để lấy chỗ ở mới đúng chị ạ. Và chị cũng biết đó, với thứ đất gồ ghề của một khu rừng hoang, để gì đôi ba năm đã trồng trọt được. Cho nên các cháu nhà em thiếu thốn lắm. Những gì em đem theo được thì trong mấy tháng đầu cũng đã bán hết cả rồi. Đến nay, tiền, gạo, quần áo mẹ con đều không có.

Giọng chị trầm hẳn xuống:

– Không phải một mình em trong cảnh ấy mà tất cả những gia đình “ngụ” phải đi kinh tế mới đều sống dở chết dở như thế cả. Có mấy nhà không kham nổi thì trở về vất vưởng quanh ở vĩa hè.

Tôi ngẫm nghĩ một lúc rồi thấp giọng hỏi chị:

– Thế còn anh ấy? Bây giờ anh học tập ở đâu chị có biết không?

Chị cúi đầu, nét nhăn hai bên mép hẳn sâu xuống:

– Họ đưa nhà em ra Bắc, tận Quảng Yên, sau nghe nói chuyển trại vào Thanh Hóa. Mẹ con đói rách quá nên chẳng làm sao có tiền để gửi quà cho anh ấy được. Em thật khổ quá chị ơi! Chồng em đã khổ như vậy, thân phận con trai lớn của em còn khổ hơn, từ năm ngoái tới giờ chẳng rõ cháu ở đâu, sống chết ra sao!

Tôi ngạc nhiên nhìn chị, vì tôi nghĩ rằng muốn đi chui, không phải ít tiền, nhất là đối với hoàn cảnh cơ cực của gia đình chị. Tôi đột ngột hỏi chị:

– Thế nào? Chị cho cháu đi rồi à?

– Dạ, nhưng cũng không đúng hẳn như thế, em làm gì có tiền để lo nổi cho

con em chuyện đó. Cháu đi đường bộ và đi theo một người bạn. Cậu kia đánh một cái xe bò giả như đi kiếm củi, rồi hai đứa đi với nhau luôn.

– Bao lâu rồi chị?

Chị âu sầu:

– Gần hai năm rồi. Chúng nó ra đi không một đồng dất túi, gạo nước cũng chẳng có gì, hoàn toàn không có một chút gì hết. Hai đứa nó nói với em rằng đi đến đâu, xoay đến đó. Hồi đầu em không chịu nhưng nghĩ rằng có ở lại cũng chết đứa vì cả hai đứa đang tuổi nghĩa vụ. Con nhà “ngụy”, bố đi học tập, con có đi lính cho cộng sản thì cũng chỉ để làm công việc gỡ mìn dọn đường ở biên giới mà thôi. Đảng nào cũng chết, thà liều cho nó đi chui, may ra thoát được thì nó cũng yên thân mà lo chuyện học hành.

Ai ngờ hai đứa ra đi từ đó đến nay rồi bất tin luôn, em trông ngóng hết sức mà nào có dám hỏi ai, hơn nữa biết ai mà hỏi bây giờ.

Đến lượt tôi buông tiếng thở dài.

Tôi hình dung đến hai cậu thanh niên với chiếc xe bò cọc cạch xuyên rừng, thân thể đói lạnh.

Thấy tôi có vẻ nghĩ ngợi, chị ngậm ngùi nói tiếp:

– Em cho rằng hai đứa nó bị bắt cả rồi. Thà bị bắt còn có ngày về, chứ mà...

Và chị ngưng lại không nói hết câu, lấy tay áo thấm nước mắt. Một giây sau chị ngập ngừng hỏi tôi:

– Liệu chúng nó có chết không chị?

Tôi vội vàng lên tiếng:

– Làm sao chết được, chẳng đến nỗi thế đâu.

Rồi như để che giấu sự bối rối của chính mình, tôi hấp tấp nói thêm:

– Biết đâu chừng các cậu đã sang đến đất Thái, nhưng chưa có phương tiện báo tin về. Chị nên kiên nhẫn, tôi thấy có người ra đi, bắt tin cả hai năm trời rồi đột nhiên, một buổi bất ngờ gia đình nhận được tin gửi về cho biết đã đến nơi rồi.

Nước mắt đọng trong mi, chị thật thà hỏi lại tôi:

– Có thật như vậy hả chị? – Và giọng chị đầy tin tưởng – Lạy Trời Phật, cho hai đứa nhỏ sống sót qua được xứ người. Chúng nó đi thoát được thì dù người ở lại có đói rách thêm nữa em cũng vui.

Câu nói của chị âm vang vào tận tim tôi, tôi bỗng cảm thấy mình có tội. Ánh nắng bên ngoài đã xuyên vào đến quá nửa sân, tôi xin lỗi chị và đứng dậy đi vào phòng trong. Vắt cái túi vải thân thuộc của gia đình tôi, thôi thì xem thứ còn được bao nhiêu. Tôi trở ra ngừng lại nơi bao gạo mới mua hồi sáng. Ở xứ này bây giờ tiền và gạo đứng hàng đầu, tiền quá ít thì thay bằng gạo tặng nhau cũng được. Khi trở ra, tôi đặt cái bao bằng giấy xi-măng có những món quà khiêm nhường vào tay người bạn gái đáng thương, nói nhỏ:

– Chị cho tôi gửi chút quà cho các cháu và một ít biếu anh.

Chị đứng lên, rưng rưng nước mắt:

– Em cảm ơn chị... thú thật với chị, đã từ hai năm nay em chưa gửi thêm cho

chồng em được một lần quà nào cả! Tôi thân anh ấy quá!

Tôi siết tay chị:

– Chị nói giùm tôi gửi lời thăm anh và chúc anh mau được trở về với gia đình.

Dưới vành chiếc nón lá cũ, rách bươm, đôi mắt còn ngấn lệ của chị lưu luyến nhìn tôi. Chúng tôi chia tay nhau trong im lặng và cảm thông.

Chị về rồi tôi đứng trong ngưỡng cửa, đầu óc quay cuồng. Câu chuyện cậu bé vượt biên bằng đường bộ trên chiếc xe bò thô sơ cứ xoáy mãi vào óc tôi.

Tôi đi tìm tấm bản đồ cũ ra xem, từ Pleiku rồi đến Kontum chỉ toàn rừng núi. Con đường tam biên chỉ thấy một màu xanh mù mịt. Đêm ấy tôi mất ngủ,

mảnh trăng non trên bầu trời khuya chênh chếch soi vào giường tôi, biết bao giờ cho những chuyến ra đi đầy gian nan như thế này trên đất nước tôi.

* * *

Thời gian qua, cuối năm ấy còn khoảng bốn năm ngày nữa đến Tết thì người bạn gái không tên ấy trở lại tìm tôi. Lúc bấy giờ trời đã xế trưa, gia đình tôi dự định gói ít bánh chưng. Lá dong và dây lạt chất đầy một góc sân. Tôi đang phân vân với chồng lá bừa bộn thì có tiếng gõ cửa, và một thiếu phụ đầu mang giải khăn tang đi vào... Tôi buột miệng kêu lên:

– Kia, chị... – Và mắt tôi trần trối nhìn lên màu vải định mệnh, bám chặt

trên mái tóc còn đen của người đàn bà đứng trước mặt.

Chị òa lên khóc, hai tay vô lấy vai tôi, nức nở:

– Chị ơi, chồng em chết mất rồi!...

Tôi bàng hoàng hỏi lại:

– Thế nào? Chị nói cái gì thế? Anh ấy?...

Chị càng khóc to:

– Chồng em, chị ơi... anh ấy chết trong tù cải tạo rồi!

Tôi choáng váng cả người, cố gắng lắm tôi mới đỡ được chị ngồi xuống ghế, rót một chút trà nóng đặt vào tay chị và cố giữ giọng bình tĩnh bảo chị:

– Chị uống chén nước cho đỡ mệt và

hãy kể rõ cho tôi nghe anh mất bao giờ, ai báo tin cho chị và có chắc không?

Giọng chị tức tưởi:

– Địa phương họ đến nhà báo tin cho em... nhưng mà khốn khổ cho chồng em, anh ấy mất đã từ mười tháng nay, bây giờ em mới biết tin.

Tôi vẫn cố vớt vát:

– Có đúng là anh ấy đã mất thật không?

Chị lại khóc to hơn:

– Em đã đến tận nơi rồi chị ơi... họ chỉ cho em... nơi chôn anh ấy là giữa rừng hoang... Em khổ quá chị ơi!

Vừa khóc chị vừa run rẩy lấy trong chiếc giỏ cói ra mảnh vải cũ gói một tấm hình đưa cho tôi xem:

– Đây là tất cả di tích chồng em để lại, cả cuộc đời anh ấy bây giờ chỉ còn có thể thôi.

Tôi xem bức hình cưới của hai người mà ngậm ngùi, họ rất đẹp đôi.

Chi lại lần trong túi áo lấy ra một tấm hình nữa, trong hình là cảnh sinh hoạt tại Mỹ, người trong hình là một sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa oai vệ trong bộ quân phục đậm màu.

Chi ghen ngào kể lể:

– Hình thì đây mà người thì đã nằm sâu dưới lòng đất lạnh mất rồi..

Tôi thần thờ ngồi xuống cạnh chị không đủ can đảm để nói một lời khu-yên giải. Những giọt nước mắt của chị như thấm vào tim tôi khiến tôi buồn vô tả. Đôi mắt đỏ hoe, chị rấm rút:

– Điều làm em đau khổ nhất là chồng em khi ra đi là một người khỏe mạnh, không bệnh tật gì, thế mà ở trong tù cải tạo bỗng dưng lại chết!

Và chị mếu máo nói một mình:

– Anh chết oan, có phải không anh?...

Tôi cầm bàn tay giá lạnh của chị, gượng nói với cả mối chân tình trong tôi lúc bấy giờ:

– Chị mất anh... nhưng chị đừng quên chị đã có một người bạn mới... chị không đến nỗi cô đơn lắm đâu.

Chị nhìn tôi qua ngón lệ, mấp máy đôi môi:

– Chị hãy thương em... chưa bao giờ em thấy cần có một người hiểu tâm tư mình bằng lúc này. Trước kia em cứ nghĩ

anh ấy sẽ về và em vẫn đợi, nhưng bây giờ...

Tôi thở dài:

– Bây giờ chị cần phải can đảm, càng thương anh bao nhiêu chị càng phải nghĩ đến các cháu bấy nhiêu.

Và tôi đem thuyết Vô thường của Đức Phật để kéo chị trở lại với an lành.

Khi chiều xuống chị từ giã tôi với nụ cười gượng nở trên môi.

* * *

Nửa năm sau, vào một chiều chủ nhật tôi đang đi bộ trên đường Trần Quốc Toản, bỗng nghe có tiếng gọi “chị ơi, chị ơi”, một người ngồi sau chiếc xe chở than đưa tay vẫy tôi lia lịa. Nhìn lại, tôi nhận ra chị, trong khi xe than vẫn tiếp

tục chạy. Trong xe chị cố nói vọng ra:

– Tuần tới em ghé thăm chị...

Tôi gật đầu, vui vẻ vẫy tay lại và đứng bên đường chăm chú nhìn theo. Chị có vẻ rần rở và nhanh nhẹn hơn trước, mặc dầu vẫn lam lũ. Từ hôm ấy tôi đếm từng ngày và hôm nào nếu đi đâu vắng thì trước khi ra khỏi nhà tôi đều dặn các con tôi:

– Nếu ở nhà có cái bà mà ông chồng bị đi cải tạo đến thì nhớ mời bà ấy ngồi đợi một lúc mẹ sẽ về liền.

Mãi cuối tuần ấy chị mới đến tôi. Vừa gặp nhau chị đã nói ngay:

– Em có một chuyện khá quan trọng định hỏi ý kiến chị mà vì thời hạn gấp rút quá nên không kịp.

Tôi nhìn chị, dò xét:

– Chuyện gì vậy chị?

Chị lăm lét nhìn ra cửa, thì thầm:

– Em sắp đi...

Tôi ngẩn ngơ:

– Chị đi vượt biên?

– Dạ...

– Nhưng mà...

– Dạ, em đi hết cả nhà... Đầu tuần tới chúng em đi.

– Nhưng mà...

– Để em kể chị nghe, chuyện này ly kỳ lắm. Chị còn nhớ thời gian em ra Thanh Hóa thăm mộ nhà em không? Đây, câu chuyện bắt đầu từ lúc bấy giờ,

nhưng chính lúc ấy, em lại không mấy tin tưởng. Em cứ nghĩ tưng bấn như gia đình em thì làm sao có cơ hội ra đi. Dù cho ai có tốt bụng giúp em chuyện đó thì cũng khó thành, chỉ vì các cháu đông quá. Cứ nghĩ như vậy nên em không bao giờ dám hy vọng, thế nhưng mà chuyện đã đến, ngoài sức tưởng tượng của em.

Chị ngừng để thở và nôn nóng kể tiếp:

– Hôm đi thăm mộ chồng em, trên xe lửa, tình cờ em gặp lại bà bạn cũ, cũng có chồng học tập cùng trại với chồng em. Khi biết rõ hoàn cảnh của gia đình em, bà bạn tỏ vẻ rất thương các con em. Rồi bà hỏi em có muốn đi không, em chỉ trả lời qua loa rằng gia đình quá tưng bấn nên chẳng bao giờ dám nghĩ đến chuyện đó. Thấy em nói thế bà bạn chỉ bảo em hãy ghi địa chỉ cho đúng để bà gửi cho

các cháu ít quần áo cũ. Em nghĩ chỗ ở của em đâu có dễ tìm nên em nói cho bà biết, em thường theo các chuyến xe be đi đi về về. Muốn gặp em tốt hơn hết bà cứ đến góc đường gần Chợ Lớn, thế nào cũng có em ở đó. Mười ngày trước đây, vào một buổi tối, bà ấy đến tìm em thật chị ạ, và bà bảo rằng muốn giúp cho gia đình mấy mẹ con em đi hết. Em mừng quá, em tính vô đây bàn với chị nhưng ngày đi cận quá nên em đã nhận lời bà ấy rồi.

Đột nhiên đôi mắt chị đượm vẻ buồn buồn, chị bảo tôi:

– Thú thật với chị, em ước mong là nhờ chuyến vượt biên này em sẽ tìm lại được con trai em. Nếu gặp cháu ở một trại tiếp cư nào đó thì phước quá, và đó cũng là một trong những nguyên nhân khiến em đã quyết định nhận lời.

Tôi chậm rãi hỏi chị:

– Bao giờ thì chị đi?

Chị đếm trên ngón tay:

– Hôm nay ba mươi âm lịch, ngày mai mừng một, ngày kia mừng hai. Chúng em lên đường ngày mừng hai.

– Họ đi tàu?

– Dạ, đi ghe. Ghe đánh cá của gia đình bà bạn em và họ cũng đã sẵn sàng cả rồi.

– Đi ở đâu chị có được cho biết không?

– Dạ không. Bà ấy chỉ nói sơ qua là bến thuộc miền Trung là nơi quê chồng bà, có tất cả ba mươi người đi chung, nhưng đặc biệt nhất trong chuyến vượt biên này có một bà cụ già ngoài bảy mươi

tuổi, cụ là mẹ chồng của bà bạn em.

Rồi chị phân bua:

– Chị nghĩ coi mẹ con em ở đây cũng sống dở chết dở, thì cứ đi liêu, nếu thoát được thì các cháu còn có tương lai.

Và chị nói trong xúc động:

– Hôm nay em đến để chào chị...

Đối với tôi, chuyến ra đi của chị thật là đột ngột, chị đã chọn con đường phải chọn. Tôi chỉ còn biết chúc lành cho chị. Hôm đó, tôi giữ chị ở lại ăn cơm, một bữa cơm tạm biệt thật là đậm bạc và buổi tối hôm ấy chúng tôi chia tay nhau lần cuối.

Đêm cuối tháng, không trăng nhưng vẫn có những vì sao nhỏ lấp lánh trên nền trời khuya xanh thẫm, chị đã ra đến

hết ngõ hẻm rồi mà tôi vẫn còn đứng lại âm thầm nhìn theo.

Dù chẳng hẹn sẽ tin tức cho nhau, nhưng tôi vẫn đợi, vẫn chờ đợi. Có những ngày mưa gió dầm dề, vào những ngày ấy tôi thường mất ngủ về đêm, tôi nghĩ đến chiếc ghe đơn côi trên biển cả mênh mông ...

Mặc cho tôi mong đợi, thời gian vẫn lặng lẽ trôi qua, chẳng mấy chốc đã hơn tháng trời.

Đột nhiên một buổi sáng có ông bạn láng giềng khá thân đi ngang cửa gặp tôi, ông ta bỗng vui giọng hỏi:

– Tối qua chị có bắt đài không?

Và không kịp đợi tôi trả lời ông ta vừa đi vừa báo tin:

– Tàu Mỹ vừa vớt được một chiếc ghe vượt biên ba chục người, trên đó có một cụ già ngoài bảy mươi, mái tóc bạc phơ. Cả ghe đều bình yên và bà cụ rất khỏe. Đã phục các cụ già nhà ta chưa?

Đối với tôi, ngày hôm ấy là ngày đẹp nhất.

MÁI TÓC LẠC LOÀI

Đang nằm, chị Tám bỗng bật dậy, chị nhìn chăm chú qua căn nhà của Nguyệt ở trước cửa nhà chị, nơi kẽ vách có ánh sáng đèn le lói. Chị nghĩ thầm:

– Không có lý công an nó hay tin mau thế, mẹ con Nguyệt ra đi mới mấy ngày nay...

Chị rón rén đến bên cửa sổ nhìn ra, nghe ngóng. Bên nhà Nguyệt vẫn không

tiếng động. Không cần suy nghĩ thêm, chị Tám mở cửa, rảo bước đi qua. Chị ghé mắt nhìn vào khe hở nơi vách gỗ, rồi chị hồi hộp gọi nhỏ:

– Nguyệt! Nguyệt! Mở cửa... chị Tám đây.

Sau vài phút, cửa hé mở, Nguyệt thận trọng hỏi vọng ra:

– Ai đó?...

Chị Tám đẩy rộng cánh cửa, nắm lấy cánh tay Nguyệt, bồi hồi:

– Ủa? Về rồi à?... Sao vậy?

Nguyệt kéo bạn vào nhà, đóng sập cửa lại:

– Vào đây chị Tám, vào đây để tôi kể mà nghe.

Chị Tám có vẻ nóng nảy:

– Bể hả?

– Không phải bị bể, mà... tụi nó gài cả bọn...

– Sao? Bị gài? Đâu kể đại nghe coi.

Nguyệt ngồi xuống giường cạnh chị Tám, buồn bực:

– Cả bọn đều bị tụi nó gài rõ ràng. Để tôi kể chị nghe. Tới địa điểm, tôi với thằng nhỏ vô quán ngồi trước, lần lượt mời mấy người kia kéo tới sau. Mọi người ai nấy gần đủ mặt thì bỗng công an ở đâu ào tới, đòi xét giấy tờ hết mọi người. Trong lúc chộn rộn, tôi sợ quá, may sao ngồi ngay cái cửa khít nhà bếp nên tôi dắt thằng nhỏ lỏn ra ngoài, trốn luôn về đây.

Chị Tám cau mày:

– Chi mà lạ vậy? Mới xuống tới nơi đã bị hốt, vậy là nghĩa lý gì?

– Nào tôi biết! Nhưng tôi hiểu và tôi thấy rõ ràng bọn công an nó đến xét giấy tờ để bắt người vượt biên. Tôi còn nghe tụi nó nói “mấy người này tính đi vượt biên hả”, và tôi thấy tụi lên cò súng.

Chị Tám thở ra:

– Vậy là đúng quá rồi! Dính cả chùm rồi.

Nguyệt chán nản nằm lăn ra giường:

– Trời ơi! Vậy là tôi mất hết rồi! Đi mấy lần không xong, tiền bạc tiêu tan hết. Chẳng còn đồng bạc!

Chị Tám an ủi bạn:

– Thôi, đừng buồn. Đợi dịp khác.

Nguyệt chậm nước mắt:

– Còn đợi gì nữa! Tiền đâu mà đợi.

Giọng chị Tám cương quyết:

– Phải ráng mà đi cho thoát. Ở lại đây không yên, cô quên cô lấy Mỹ trước đây rồi sao? Còn thằng con lai sờ sờ ra đó.

Nguyệt vắt tay lên trán thở dài náo nuột. Chị Tám lại tiếp:

– Thứ này nó đâu có chứa Me Mỹ với con lai. Cô quên chuyện đó rồi sao?

Giọng Nguyệt như rên:

– Tôi nhớ lắm chứ. Nhưng đi hoài không thoát thì biết làm sao. Từ hồi “họ” vô đến nay tròn trêm hai năm, trong

thời gian ấy tôi mất hết bao nhiêu tiền của rồi mà vẫn không xong!

Chị Tám chột hỏi:

– Còn thằng nhỏ đâu?

– Nó nằm kia. Mới đi có mấy bữa mà vừa về đến nhà là ngủ như chết. Cái thằng thấy mà phát ghét!

Chị Tám vén cái tấm màn gió nhìn vào giường kê khuất bên trong, nơi thằng con trai của Nguyệt nằm ngủ. Chị bảo với Nguyệt:

– Mà cô nhớ cạo đầu kỹ cho nó, đừng để tóc ra ngỗ thấy màu tóc đó là hết chối cãi. Nhớ nghe.

Nguyệt nhìn lên trần nhà mục nát:

– Hay là để tôi năn nỉ với cậu Hai nó, gởi nó về Long Xuyên với má tôi. May ra

ở dưới đó nó được yên hơn.

Chị Tám “hứ” một tiếng rồi nói tiếp:

– Cô làm như Vi-xi nó sợ bà già cô lắm. Tôi nói thật cho cô biết, càng dưới quê họ càng ghét cái giòng lai. Nói chi chính thẳng cậu Việt cộng của nó cũng đã đuổi không chịu chứa nó nữa là!

– Cũng may hồi đó tôi lấy khai sinh cho nó bằng tên họ tôi. Trên giấy tờ nó là dân Việt Nam mà.

Chị Tám nói mau:

– Cô này nói chuyện như người dờn chơi. Giấy tờ thời buổi này mà làm gì? Ăn thua bộ mặt của nó kìa. Tóc tai, mắt mũi rành rành là thẳng Mỹ con, giấu ai?

Rồi chị Tám hỏi lại thêm:

– Năm nay nó bao nhiêu tuổi rồi mà nhỏ thó vậy?

– Mười ba! Nó đẹt người vậy chứ tuổi đâu có ít.

Nguyệt uể oải ngồi dậy, than:

– Hụt chuyến này là kể như tôi kẹt luôn rồi đó. Số chi mà khổ quá vậy không biết nữa.

Chị Tám cười mát:

– Thì coi còn cái gì bán nữa. Gom bao giờ đủ tiền, kiếm đám nào tin cần, mình lại nhào vô, mấy hồi!

Nguyệt lắc đầu:

– Tôi hết trơn tiền rồi, chị Tám ơi! Ba cái đồ “móp” đây cũng thuộc về chủ nhà rồi. Chị coi, cả năm nay tôi đâu có tiền mượn nhà. Tôi nói với chủ nhà, đợi tôi

đi được, tôi gửi đô la về, vậy mà hụt hoài.
Hư đường, hư bột hết!

Chị Tám kêu lên:

– Gì mà dở quá vậy? Cũng mang tiếng
me Mỹ mà sao quá dở vậy cô Nguyệt?

Nguyệt thở ra:

– Cũng tại ba cái vụ đi chui đi nhủi
này nên tôi mới hết tiền, chứ hồi đi tản
hạt trở về tôi cũng còn mấy cây vàng, rồi
mớ nữ trang, ê hề. Bốn, năm chuyển đi
hạt, mấy lần bị dính, phần bị mất, phần
bị tui nó lột, phen này chắc có nước đi ở
đợ.

Chị Tám nghiêm giọng:

– Cô nói thật hay nói chơi đó?

Nguyệt buồn bã:

– Không tin tôi, chị thử ngồi đây tới
trưa xem bữa nay tôi có tiền đi chợ hay
không cho biết. Nói chị nghe, một lon
gạo trong nhà cũng không còn!

– Trời ơi! Vậy rồi lấy gì mà sống?

– Tôi đang điên cái đầu. Không còn
biết tính ra sao nữa. Không lẽ lên cầu
Bình Lợi, chứ tôi thấy vô phương rồi.

Chị Tám chép miệng:

– Bây giờ có muốn đi ở đợ cho người
ta cũng không xong. Thời nay, ai còn
dám mượn người làm, phường khóm nó
dòm ngó, nó tưởng là tư sản, nó đày đi
kinh tế mới, chết luôn.

Nguyệt ngồi bó gối:

– Tôi cũng đã nghĩ đến chuyện đó
rồi. Mấy nhà khá giả, hồi vi-xi mới vô

còn phải cho anh bồi, chị bếp, chị vú nghỉ việc. Nay đã hai năm, ai còn dám rước mình về nhà nữa cho thêm họa!

Chị Tám vươn vai đứng dậy:

– Nghe chuyện cô, ớn quá! Thôi, thầy kệ hết! Tối đâu hay đó, lo nhiều nhức đầu quá.

Và chị thân mật quàng vai Nguyệt:

– Bây giờ đi uống cà phê, còn chuyện gì tính sau. Đi, cô Nguyệt, bữa nay tôi bao. Mới trúng áp-phe bán cái ti-vi cho mục cán bộ ngoài đầu hẻm đây.

Nguyệt theo chị Tám đi ngược về phía trong con hẻm. Hai năm nay, kể từ sau ngày Sài Gòn thất thủ, ở nhiều ngõ ngách đã mọc lên những quán nhỏ bán cà-phê. Địa điểm không cần rộng mà chỉ cần kê được vài cái bàn nhỏ, mười chiếc

ghế đầu thấp lè tè và nếu được nơi nào càng kín đáo càng tốt.

Quán cà phê gần nhà chị Tám và nhà Nguyệt có đủ những điều kiện đó. Chủ quán là một người đàn bà không già, không trẻ. chồng và con trai bà thuộc thành phần đi học tập 10 ngày nhưng đã hết bao nhiêu lần 10 ngày rồi mà cũng chẳng thấy tăm hơi người nào về. Là một gia đình «ngụy quân, ngụy quyền» chính gốc, xưa nay chỉ sống bằng đồng lương quân nhân, công chức nên sau một thời gian cầm cự, tiền bạc đã cạn. Khoảng nửa năm nay bà Hiền cùng người con gái út, cô Lan, mở quán cà-phê trong hẻm gần nhà, kiếm sống qua ngày.

Quán cà phê của mẹ con bà Hiền không đông khách lắm, người đến uống, đa số là bà con trong hẻm đã từng quen biết ít nhiều với gia đình bà Hiền. Họ

đến đây, gọi ly cà phê nóng, nhâm nhi bàn chuyện thể sự, hoặc có những ông khách rất quen mặt thường túm tụm lại để bàn chuyện vượt biên. Khách đàn bà thì dùng quán của mẹ con bà Hiền làm chỗ hẹn để áp-phe mua bán đồ cũ cùng là đủ thứ chuyện linh tinh.

Vì thế, mẹ con bà Hiền ở giữa, vô tình trở thành những người nghe nhiều, biết nhiều và gần như thông thạo chuyện của nhiều người, của nhiều gia đình.

Ở những nơi này người ta nói chuyện vượt biên tỉnh bơ, chỉ trừ khi thấy bóng mấy tên áo vàng, họ mới phải dè chừng và thận trọng. Chứ còn, “ngụy” với “ngụy” mà gặp nhau thì khỏi ngại!

Vừa thấy chị Tám và Nguyệt ghé vào quán mình, hai mẹ con bà Hiền đã đoán

ra một phần câu chuyện; Lan nói nhỏ với mẹ:

– Cô Nguyệt với thằng Lai, lại đi huyệt rồi!

Và Lan niềm nở kéo ghế mời hai người ngồi. Lan chưa kịp hỏi Nguyệt thì chị Tám đã thân mật báo tin:

– Má con cô này, xem chút nữa là Tết này ăn khoai mì trong tù cải tạo!

Lan nói tỉnh bơ:

– Thôi, để qua ba ngày Tết, đưa ông bà xong đi tiếp. Lo gì phải không chị Nguyệt.

Thấy Nguyệt chỉ cười, Lan lại tò mò:

– Có ai bị dính không chị Nguyệt?

Nguyệt co cả hai chân lên chiếc ghế nhỏ, mệt mỏi dựa lưng vào vách tường:

– Vừa thấy tụi “cá” nó ào vô là tôi mất hồn kéo thằng nhỏ chạy êm. Đâu dám ngó lại mà biết.

Quán đang vắng khách, bà Hiền rời cái bếp lò, đến gần góp chuyện, bà lấy giọng kẻ cả, khuyên Nguyệt:

– Tôi nói cho cô Nguyệt nghe, chẳng qua mọi sự đều do số Trời định đoạt, cô “đi” đã mấy lần mà lụi đụi giờ này vẫn còn ngồi đây là đủ biết cái số của cô không có “sao” xuất ngoại. Như vậy thì tốt hơn là cô nên yên phận lo làm ăn, buôn bán cho xong.

Nguyệt khoanh hai tay trên đầu gối, giọng chán chường:

– Cháu cũng muốn tính như vậy lắm, nhưng chỉ sợ không được yên thân thôi.

Chị Tám không đồng ý với bà Hiền, chị dài miệng:

– Cái dòng Me Mỹ mà ở đây sao yên!

Lan cũng cười theo:

– Mệt cho chị Nguyệt là thằng Lai đó. Không có nó thì đỡ biết mấy.

Chị Tám ra điều biết nhiều:

– Tôi nói cho mấy người nghe, bây giờ “tụi nó” còn lo Đông lo Tây nên chưa đụng đến Me Mỹ, con lai, chứ ít năm nữa, đâu đó xong xuôi hết, chuyện này mệt lắm chứ không phải giỡn chơi đâu.

Nghe mỗi người một ý, Nguyệt chỉ biết thở dài.

Bà Hiền lại nói tiếp:

– Cũng còn nhiều Me Mỹ, bao nhiêu con lai, chứ chẳng phải một mình mẹ con cô. Rồi ra sau này, ai sao mình vậy còn bây giờ nên kiếm cái gì buôn bán để có gạo ăn, lang thang hoài đói chết.

Thấy Nguyệt vẫn ngồi im, bà Hiền có vẻ ái ngại, góp ý:

– Cô về nhà xem còn cái gì bán được, bán phút đi mà kiếm cái vốn. Rồi sáng sáng chịu khó thức sớm nấu một nồi xôi đem ra đầu đường ngồi bán. Người ta đi làm sớm, ai cũng cần nắm xôi cho nó chắc bụng, vậy là mình có cơm ăn đó, cô Nguyệt.

Bà uống một ngụm nước trà, bàn thêm:

– Còn thằng con cô, hãy ra chợ coi có

hàng quán nào người ta cần người quét dọn, cho nó tập làm kiếm miếng cơm, đỡ cho cô.

Lan phản đối:

– Thôi má ơi, má cứ tưởng đời nay như thuở xưa, bây giờ ai còn dám muốn người nữa mà má bàn chuyện quét dọn.

Bỗng một người đàn ông ngồi bên nói vọng sang:

– Sao? Cô này muốn cho thằng con lai đi làm muốn hả?

Mấy người đàn bà đều quay lại, bà Hiền vui vẻ nói trước tiên:

– À, chú Hai xe lam, chú coi việc gì làm được, chú giúp dìu mẹ con cô Nguyệt, một mẹ một con, hoàn cảnh bế tắc quá.

Chị Tám cũng nhanh nhẩu:

– Anh Hai ngồi đây mà hồi nãy đến giờ, tôi không thấy. Hồi này anh chạy xe lam có khá không?

Anh Hai xe lam tươi cười:

– Khá thì chưa thấy khá vì xăng dầu lên giá quá, nhưng tạm thời có gạo ăn.

Chị Tám lại hỏi:

– Sao lâu nay không thấy anh ghé quán cà phê đây, anh còn ở hẻm kể đây không?

– Lúc này tôi dời về Chợ Lớn vì hộ khẩu ở trong địa chỉ đó, nhưng hai, ba bữa tôi đều có ghé đây. Tôi đi mỗi cho lò bánh mì gần đây.

Và anh Hai kéo ghế đến bên bàn của chị Tám và Nguyệt đang ngồi, cởi mở nói với Nguyệt:

– Cô có muốn để thằng nhỏ lai theo phụ xe cho tôi không.

Nguyệt do dự:

– Sợ nó còn nhỏ lại chưa có đi theo xe bao giờ...

Lan cũng ghé ngồi bên Nguyệt, cướp lời hỏi anh Hai xe lam:

– Phải anh tính cho nó thay chân thằng con trai anh đó không?

Và Lan quay lại Nguyệt:

– Chị Nguyệt đừng lo, dễ lắm. Công việc của nó chỉ là rước mối, lấy tiền xe và lật vật vạy thôi. Tôi đi xe của anh Hai hoài tôi biết mà.

Anh Hai xe lam đặc ý:

– Cô Lan hay quá, nói đâu đúng đó. Thằng nhỏ nó mà theo xe tôi, thì chỉ có bấy nhiêu thôi, hoặc rủi khi xe hư nó cũng phụ tôi chút đỉnh. Cô chịu thì tôi kêu nó đi luôn ngày mai. Mỗi ngày tôi cho nó ăn bữa trưa, tối nó về nhà và tôi đưa trước cho cô một trăm đồng.

Bà Hiền tán thành ngay:

– Thời buổi này không dễ gì có người nuôi đỡ cho mình một miệng ăn đâu, cơm gạo khó khăn, cô nên nhận đi.

Lan ghé tai Nguyệt thì thầm:

– Một trăm đồng một chỉ vàng, ít sao chị Nguyệt?

Nguyệt lưỡng lự:

– Không biết nó có làm nổi hay không, hồi nào tới giờ nó ở dưới quê nên nhút nhát lắm.

Lan nói vội vàng:

– Đứa nào thả để cho bằng thằng Thành con anh Hai vậy mà tôi thấy nó theo xe ba nó cả năm nay rồi. Cứ cho đi theo anh Hai đi, chị Nguyệt.

Anh Hai xe lam hất hàm hỏi bà Hiền:

– Một nồi xôi giỏi lắm hai chục đồng chứ mấy? Bây giờ tôi chịu giúp vốn cho cô Nguyệt luôn năm nồi xôi đây, bà coi có ai ngon bằng tôi không?

Và anh quay lại Nguyệt:

– Chịu chưa cô Nguyệt? Cô chịu là cô rảnh tay đó.

Từ gần hai năm nay điều làm Nguyệt mất ăn mất ngủ vẫn là cái “mác” Me Mỹ cùng là chuyện sản xuất ra thằng con lai. Đôi ba phen nửa đêm nhớ lại những lần bị lôi ra tra hỏi về lý lịch, những câu “Từ trước đến nay chị đã lấy bao nhiêu thằng giặc Mỹ, tên họ, cấp bậc, quê quán của chúng nó, khai tất cả ra đây”.

Nguyệt sợ nhất câu: “Khi giặc Mỹ bị nhân dân ta đánh bại, trước khi thua chạy, chúng nó đã gài chị ở lại với nhiệm vụ gì?” Những câu nói đó ám ảnh Nguyệt như cơn ác mộng và Nguyệt đã sợ đến nỗi không còn dám chường mặt đến chỗ đông người nữa.

Nhưng còn thằng con lai, mỗi lần “đi” hụt về, Nguyệt lại bực bội nghĩ thầm phải chi mình không cho nó ra đời. Thế nhưng, bây giờ, khi thấy đứa con vất

vượng sắp có người hứng lấy, người mẹ bỗng hoang mang.

Lan chợt huých nhẹ Nguyệt:

– Mà chị có biết tại sao anh Hai đây muốn mượn thằng con chị thay cho thằng Thành không?

Và Lan nói luôn:

– Trời ơi! có gì khó hiểu đâu, hai thằng con trai ảnh “đi” hết rồi!

Mọi người xôn xao cả lên, chị Tám kêu lên:

– Thật không vậy đó, anh Hai? Mà anh cho tụi nó “đi” hồi nào? Máy cây một đứa?

Bà Hiền cũng trầm trồ:

– Phước đức quá! Mà sao kín miệng quá vậy chú Hai?

Anh Hai xe lam bỗng cảm thấy nở mày nở mặt, anh cười sung sướng nhưng vẫn thận trọng:

– Đó là phần số may mắn của hai đứa con tôi, tự thằng cậu nó là Hải quân, hồi đó cậu nó lái tàu đi thường lắm, người ta biết, bây giờ người ta có tàu, người ta kêu. Đó rồi thằng cậu nó dắt hai đứa nó đi theo, chứ vợ chồng tôi nghèo như vậy, lo sao nổi.

Chị Tám vẫn tò mò:

– Bao lâu rồi mà chỉ có một mình nhỏ Lan này nó biết thôi vậy, anh Hai?

Lan lại mau miệng:

– Mới đây chứ lâu lắc gì! Hay nhất ở

điều họ vừa ra tới hải phận là gặp tàu Mỹ vượt liên. Bây giờ họ đang ở đảo.

Câu chuyện vượt biên thành công của gia đình anh Hai xe lam bỗng làm Nguyệt tỉnh người. Nguyệt ước thầm nếu mình cũng gặp trường hợp như thế và Nguyệt nhìn anh Hai bằng đôi mắt thán phục.

Nguyệt bỗng muốn kết thân với gia đình anh Hai.

Trong khi mọi người đang còn bàn tán về câu chuyện may mắn của gia đình anh Hai thì Nguyệt bỗng thân mật nói với anh Hai xe lam:

– Anh đã có lòng tốt muốn giúp đỡ mẹ con tôi, vậy tôi cũng xin đồng ý. Tôi bằng lòng giao hẳn thằng nhỏ để anh nuôi nó, mai sau nếu anh có tính chuyện

gì thì anh cho nó đi theo. Từ nay tôi kể như chỉ có một mình.

Anh Hai xe lam nhìn Nguyệt một giây, gật gù:

– Cô đưa tôi về nhà cô, tôi muốn biết mặt thằng nhỏ.

* * *

Cuộc đời của bé Lai thay đổi từ giờ phút đó.

Mười ba năm trước, khi bé Lai cất tiếng khóc chào đời, lúc bấy giờ Nguyệt, người mẹ trẻ cũng chẳng tha thiết gì đến đứa con. Đối với nghề chiêu đãi của Nguyệt thời ấy, cho ra đời một đứa con là một trở ngại.

May mắn cho bé Lai là nó có bà ngoại, một bà già quê mùa, chất phác. Dù đứa cháu hoang khác giống nòi, bị mẹ bỏ rơi nhưng bà vẫn thương yêu, ấp ủ. Tuy nhiên lúc nào bà cũng cẩn thận cạo đầu cho Lai kỹ đến nỗi không mấy ai biết đến màu tóc hung hung của nó nữa.

Nơi tỉnh nhỏ, Lai lớn dần trong nếp sống của một đứa trẻ nghèo, thất học.

Mãi đến giữa năm 75, người con trai lớn của bà ngoại bé Lai đi tập kết về, nhất định đòi đuổi nó đi, thì khi ấy Lai mới rõ nó còn một người mẹ.

Đối với Lai, mẹ nó thật là một người xa lạ, cho nên buổi sáng hôm ấy, khi nghe mẹ cho biết nó sẽ đến ở với vợ chồng chú Hai xe lam, thằng Lai bình tĩnh ra đi, không có gì quyến luyến.

Từ hôm ấy trên chiếc xe lam của chú Hai luôn luôn có một thằng bé đầu trọc, mắt nâu, mũi nhọn ngồi xếp ở sàn xe đón khách thu tiền.

Sự xuất hiện của một đứa trẻ lai vào những thời gian này dù chỉ gặp gỡ trên một chuyến xe, cũng làm cho mọi người để ý. Có người chỉ kín đáo nhìn Lai nhưng cũng có những người kèm theo câu dè bĩu: “Giờ này mà cũng còn con lai ở thành phố Bắc”. Đối với Lai, những câu nói đó đã nhảm tai, nhất là kể từ ngày ông cậu đội nón cối trở về nhà bà ngoại nó. Vì thế, ai nói mặc ai, Lai chỉ lo thu tiền cho đủ đầu người, rồi thối lại tiền và đếm cho kỹ để trả lại chú Hai.

Mỗi chuyến xe lam chỉ được phép cho mười hành khách lúc rời bến, song ở dọc đường chú Hai thường đón thêm nên xe lúc nào cũng chật cứng và Lai

luôn luôn phải ngồi một chỗ rất nhỏ ở bọc thêm xe, hứng làn khói xám khét lẹt làm cay xè đôi mắt.

Những ngày đầu Lai mới đến, chú Hai cho xe chạy từ sáng cho đến tối mịt mới trở về nhà, nhưng qua mấy ngày hình như chú Hai bận, xe chạy giờ giấc bất thường, có những buổi cả chiếc xe cùng Lai đều được nghỉ.

Đến ở với vợ chồng chú Hai được hơn tuần lễ, Lai được thím Hai soạn cho mấy bộ đồ cũ của con trai thím vượt biên bỏ lại, nhưng chuyện làm cho Lai ngạc nhiên là chú Hai cho phép Lai từ đây được để tóc, không còn cạo trọc nữa.

Tất cả những sự việc ấy làm Lai bằng lòng với chuyện đổi thay, mặc dầu khối óc non nớt của nó vẫn nhận xét thấy rằng

không hẳn vợ chồng chú Hai đã thiện cảm với nó.

Từ ngày cho con đến ở với vợ chồng anh Hai xe lam, không những Nguyệt không phải nấu xôi đi bán như dự tính trước mà trái lại cũng kể từ hôm Lai ra khỏi nhà, Nguyệt có phần thanh thoi đôi chút. Nguyệt cũng không ngờ anh Hai đã xử đẹp với mình như thế.

Lúc ở quán cà-phê bà Hiền, anh Hai hứa đưa cho Ngu một trăm đồng làm vốn. Nhưng khi đưa anh về nhà gặp mặt thằng Lai thì anh đã không ngần ngại rút chiếc khâu năm chỉ đeo trong tay đưa cho Nguyệt với điều kiện thằng Lai là con nuôi anh. Kể từ nay nó không còn gì liên hệ đến mẹ đẻ của nó nữa.

Trông thấy vàng, Nguyệt không do dự và đã hấp tấp nhận lời ngay.

Lai ra khỏi nhà mẹ, chẳng mấy chốc đã hơn một năm trời.

Suốt thời gian ấy hai mẹ con không gặp nhau lần nào. Riêng Nguyệt như đã hồi sinh vì không còn vương mắc bởi con lai nữa.

Nhưng vào một chiều cuối năm, sau khi ở quán cà phê bà Hiền về, Nguyệt hốt hải đi tìm chị Tám để kể cho chị rằng ở các quận, “nhà nước” Việt Cộng cho con lai đăng ký đi hồi hương.

Nghe Nguyệt báo tin, chị Tám ngạc nhiên lắm, chị nhìn Nguyệt trân trối và hỏi lại:

– Ai cho cô tin đó vậy? Coi chừng tụi nó gài cho chương mặt ra rồi tụi nó hốt cả đám, thấy mẹ!

Nguyệt vẫn còn thờ dốt:

– Tin này là thứ thiệt, không phải loại đồn ầu đầu.

– Nhưng ai nói với cô?

– Ông... ông gì tôi quên mất tên, à ông mang kiếng cận mà chị vẫn khen đó.

Chị Tám gật gật đầu:

– Nhớ rồi, ông thầy dạy Anh văn... ông này ưa ngồi ở quán ngoài đầu hẻm, họ đi một băng ba người. Mỗi lần ra quán ngồi cả buổi đó, phải không?

– Đúng rồi. Hồi chiều này tôi ra ngoài đó, chính tai tôi nghe họ nói với nhau, quận nào có con lai, lai Mỹ, lai Tây, miễn là có đăng ký họ sẽ cho “đi” hết.

– Rồi sao nữa? Ai bảo lãnh cho mà đi?

– Không cần có người bảo lãnh mà!

– Cô nói tôi nghe không vô! Thuở nay, không ai bảo lãnh mà đòi đi được, không biết “đi” chỗ nào.

– Chị đừng nóng, để tôi kể hết chị nghe. Thấy mấy ông nói vậy tôi mừng quá, nên tôi tới làm quen rồi tôi kể chuyện thằng Lai thì họ nói đừng có sợ. Cứ việc dắt nó đi đăng ký. Sau này còn ra gặp phái đoàn, miễn đúng con lai thứ thiệt là họ cho đi.

Thấy Nguyệt khựng lại, chị Tám vội hỏi:

– Còn chuyện gì nữa?

Nguyệt có vẻ bối rối:

– Họ có nói với tôi, khi đi đăng ký phải có hộ khẩu.

– Thì cô với thằng nhỏ cũng có tên trong một hộ khẩu mà?

Nguyệt ngồi xuống chiếu thở dài:

– Anh Hai đã chuyển hộ khẩu cho thằng nhỏ từ hồi năm ngoái. Hồi đó tôi đang ớn nó, lại thấy anh ta mau mắn chịu đưa năm chỉ vàng nên anh nói gì tôi cũng bằng lòng. Tôi chịu cho nó làm con nuôi anh rồi mà.

– Bây giờ cô tính sao? Bề nào cũng phải chuộc nó về rồi nói chuyện đăng ký đăng cái được chứ.

Nguyệt không đáp, vẻ mặt dăm chiêu đứng lên đi ra cửa.

Thành phố trong những ngày cận Tết thật là nhộn nhịp. Ngoài đường xe đạp, xe lam và xe xích lô hỗn độn chen nhau như những mối chỉ rối nùi.

Nguyệt đi nhanh về một bến xe lam ồn ào, đông nghẹt những người ngược

xuôi các chợ. Mấy chục chiếc xe đậu đầy nhưng xe của anh Hai tuyệt nhiên vắng bóng. Sốt ruột, Nguyệt đành đến hỏi một ông già chạy xe lam, đang đợi vá lốp xe bên lề đường gần bên.

Ông già nhìn Nguyệt chăm chú rồi hỏi lại:

– Cô kiểm thằng Hai có chuyện gì?

Nguyệt lúng túng chưa biết đáp ra sao cho gọn thì thanh niên vá lốp xe lên tiếng:

– Phải cô muốn kiếm anh Hai xe lam có thằng con lai phải không?

Anh thanh niên có vẻ vui tính và nhanh miệng không đợi Nguyệt trả lời đã tươi cười nói luôn:

– Cô đến kiếm anh hơi trễ đó, vợ chồng anh ta đã “đi” từ mấy tuần nay rồi.

Nguyệt sững sốt:

– Ủa? Anh Hai xe lam “đi” rồi?

Anh thanh niên vẫn cười vừa vá lốp xe vừa nói tiếp:

– Cha đó không đi thì ai đi? Gốc an ninh quân đội lại trốn trình diện mà ở lại, có ngày rục xương.

Ông già lúc ấy mới lên tiếng:

– Mà nói thằng Hai đen đó hả?

– Thì ảnh chứ ai? Hồi năm ngoái ảnh mua một thằng nhỏ Mỹ lai, thằng nhỏ vẫn theo xe anh ta đó.

Ông già kêu lên:

– Thằng này giỏi ha, sao chuyện người ta mà mấy biết rành quá vậy?

Anh chàng đắc chí cười lớn:

– Tôi ngồi đây, cha nào làm sao tôi biết hết.

Nguyệt nóng nảy ngắt lời anh ta:

– Hồi nãy anh nói anh Hai “đi”, vậy đi... hết hay có chùa người nào ở lại không?

Anh thanh niên lại cười:

– Cái vụ “đi” của cha này rắc rối lắm. Nguyên do cũng tại mẹ vợ, chả tuy đa mưu túc kế nhưng dở ngón đòn tâm lý đối với con nít, cho nên cuối cùng tuy cũng đi lọt song hao hụt bọn tiền.

Thấy Nguyệt xề xuống một bên chăm chú nghe, anh ta cao hứng kể:

– Có gì đâu, hồi năm ngoái sau vụ hai thằng con trai chả đi lọt rồi, chả được tin nhà nước sẽ cho con lai đi “líp” không

cần người bảo lãnh, vậy là chả lật đật đi mua thằng nhỏ Mỹ lai. Chả có tiền nên chạy đầy đủ giấy tờ cho thằng lai làm con riêng của mẹ vợ, rồi kéo nhau đi đăng ký, họ cho... trót lọt....

Nguyệt hồi hộp:

– Vậy là đi hết? Kể cả thằng nhỏ lai?

Anh thanh niên cười hể hể:

– Đâu có phải như vậy, nếu như vậy thì đâu có chuyện. Phải công nhận cha này, rất chịu chi tiền, cho nên đăng ký xong mấy tháng gì đó, thằng Mỹ lai và vợ chồng chả được cho gặp phái đoàn.

– Rồi sao nữa anh?

Anh thanh niên lại cười thành tiếng:

– Lần này thì tiêu tùng. Bởi vì khi vô phái đoàn họ hỏi thằng nhỏ, không biết

ấm ức chuyện gì, nó nhè kể huých toẹt hết. Nó nói bị mẹ bán lấy năm chỉ vàng, còn người nuôi nó từ nhỏ cho tới lớn và rất thương nó là bà ngoại nó. Nó còn nói chỉ thương bà ngoại, nếu đem nó qua Mỹ thì phải có ngoại theo nó mới chịu. Vì nó khai tùm lum như vậy nên người ta để hồ sơ, nghiên cứu lại. Vợ chồng Hai đen sợ rắc rối bỏ nhà trốn luôn, nhưng cách nay ít tuần vợ chồng anh ta đã đi thoát hết rồi.

Nguyệt không hỏi thêm câu cuối cùng, vội vàng đứng dậy đi lẩn nhanh vào đám người gồng gánh đang chen chúc lên xe.

Những ngọn đèn đường đã bật sáng, ánh điện vàng mờ, lạnh lẽo khiến Nguyệt cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết.

NGƯỜI ĐẸP NĂM XƯA

Vừa xuống xe tôi đã để ý đến một người đàn bà đội nón lá, mặc áo bà ba đen ngồi cạnh hàng rào đang cắm cúi viết một mảnh giấy, gần bên có mấy người đàn bà khác ngồi vây quanh, chờ đợi.

Cái nón lá đã làm tôi không thấy mặt bà ta, nhưng đôi bàn tay, với những ngón trắng dẹt dài làm tôi nghĩ ngay rằng đây là một người đàn bà không những đẹp mà còn có vẻ trí thức là đằng khác.

Viết được một lúc, bà ta lại nhìn quanh, cũng nhờ lúc ngừng lên nhón nhác nhìn các nơi, tôi mới kịp nhận ra người ấy là Hậu, một bạn học xưa của tôi.

Bao nhiêu năm trôi qua, nhưng Hậu vẫn đẹp. Một vẻ mặn mà, rất dễ thương. Cái lam lũ của cuộc sống tạm bợ ngày hôm nay, càng làm tăng thêm những nét duyên dáng ưa nhìn nơi người bạn cũ của tôi.

Không chờ lâu, tôi đến gần ngồi xuống trước mặt Hậu, lên tiếng:

– Hậu ơi, còn nhớ mình không?

Hậu ngừng lên, thoáng một chút và vui mừng reo lên:

– Kim! Kim đây mà!

Tôi bắt chước giọng một bà khách:

– Dạ... Bà làm ơn dịch dùm lá đơn.

Hậu cười, một bên má lúm đồng tiền:

– Cũng biết được nghề của nàng, giỏi đấy!

Và Hậu loay hoay thu xếp khoảng đất nơi đang ngồi, mời tôi:

– Ngồi đây, ngồi tạm đây rồi mình nói chuyện cho nghe. Lâu quá bây giờ mới lại thấy nhau.

Tôi ngấm Hậu:

– Hay thật! Bao nhiêu năm mà không thấy khác lắm.

Hậu cũng nói:

– Thì... đằng ấy cũng thế. Rất may bọn mình ít thay đổi.

Nhưng Hậu lại chép miệng:

– Mới ngày nào, bây giờ mái tóc đã mất màu xanh!

Tôi cười xòa:

– Tưởng gì chứ có vậy, lo chi. Mua một chai thuốc nhuộm, tóc lại trở về với tuổi hai mươi.

Hậu bật cười:

– Cũng vẫn y như trước... hồi còn mê cái món ô mai ở phố Hàng Bạc. Có còn nhớ món quà “16” ấy không, hả Kim?

Vừa nói, tay Hậu vừa viết nhanh trên trang giấy rồi đưa trả bà khách hàng:

– Xong cả rồi. Bà đem về nói với

người nhà điền ngày sinh tháng đẻ vào rồi đem đi mượn người ta đánh máy.

Bà khách ngần ngại:

– Dạ... tôi không biết chỗ đánh máy ở đâu?

Hậu vỗ vào cái giỏ xách để bên:

– Ở đây. Nhưng hôm nay tôi bận, bà thử tìm chỗ nào khác, xem sao.

Tôi hiểu ý nói với Hậu:

– Cứ làm cho bà ấy xong đi. Mình đợi được mà.

Hậu cười, xách cái giỏ đứng lên, hẹn với bà khách:

– Bà tới đầu kia uống nước mía, đợi tôi chừng nửa giờ.

Và Hậu cặp tay tôi, riu rít hỏi tất cả

những chuyện liên quan đến cuộc đời tôi. Tôi kể qua loa, còn Hậu vừa nghe vừa chỉ ra đường:

– Mình đi lại đường này.

Chúng tôi băng qua con đường lớn ngay trước mặt, tới một đầu hẻm, là những cửa sau của một dãy phố nào đó. Hậu đi trước dẫn đường cho tôi đến một cánh cửa bếp khép hờ, thản nhiên đẩy cửa đi vào.

Tôi hỏi nhỏ:

– Bồ ở đây?...

Hậu lắc đầu:

– Sức mấy! Cứ yên trí, lát nữa sẽ biết “ồ” tường tận và còn nhiều chuyện khác nữa.

Tôi thấy mình gần với Hậu hơn ở

cái tính rất trẻ, như thời đi học, mặc dầu khi bỏ chiếc nón lá ra, mái tóc bạn tôi đã có những sợi bạc màu. Một xót thương nhuốm trọn lòng tôi. Tuổi mười sáu của chúng tôi ngày xưa, nay đã đâu rồi?

Trong gian bếp vắng, ngổn ngang những chiếc bàn, chiếc ghế, hình ảnh của một quán nhỏ cà phê bên đường khi trời sập tối. Một bà cụ già lưng còng, âm thầm ngồi, lẩn tràng hạt trên chiếc ghế xa- lông rách nát. Chúng tôi chào, bà cụ chỉ nhìn với đôi mắt mệt mỏi, chán chường.

Hậu lôi trong giỏ xách ra một chiếc máy đánh chữ nhỏ, đặt trên chiếc bàn tròn đầy bụi và bắt đầu quay giấy, đánh lá đơn cho bà khách.

Hậu đánh thoăn thoắt, vừa nói với tôi:

– Xong tờ này, cho “đẹp tiệt”. Vào “Tao Đàn” nói chuyện một bữa cho đã. Bao nhiêu năm xa cách, bây giờ chỉ có lúc này là quý.

Nhìn những ngón tay đang mổ chữ khá nhanh, tôi trêu Hậu:

– Tộp, tộp bớt lại đi. Sai một chữ là lỗi tờ giấy đó.

– Yên trí. Tuy “cô ký” gốc me nhưng cũng có hạng lắm. Một ngày gần chục lá đơn nên cũng thuộc nằm lòng rồi.

Nửa giờ sau trở lại xe nước mía, trao giấy và lấy tiền của khách xong, Hậu khoác vai tôi, theo một cổng nhỏ đi vào vườn cây. Cây lá ở đây một màu xanh mát, đã nhắc tôi nhớ đến quãng đời đi học ngày xưa. Con đường chúng tôi đến trường năm xưa ở giữa phố phường Hà

Nội, có những cây sấu, lá xanh suốt cả mùa Hè, và đến quãng gần chợ Hàng Da thì có những cây bàng, tàng lá xòe ra như những cái tán xanh um. Ngày xưa tôi yêu những cây ấy.

Cái thời hai đứa còn cặp tóc, chia nhau từng mẩu ô mai chua chua, ngọt ngọt, bỗng sống trong tôi. Tim tôi bồi hồi hơn bao giờ hết.

Bây giờ cả hai chúng tôi, tuổi đời chồng chất...

Tôi hỏi Hậu về gia cảnh mới biết Hậu vẫn sống một mình. Đột nhiên tôi nhớ đến một người đàn ông mà năm xưa, mới mười sáu tuổi Hậu đã say mê, đến nỗi gần như cả lớp đều biết chuyện:

– Không hiểu thầy Vĩnh bây giờ ở đâu? Hậu có biết tin không?

Hậu ngồi xuống chiếc băng đá, đôi mắt đen thoáng bối rối:

– Anh Vĩnh, à... thầy Vĩnh. Mình có gặp lại, cũng mới đây thôi.

Tôi ngỡ ngàng:

– Ông ta ở đây từ trước 75 hay bây giờ mới vào?

Hậu bối rối hơn:

– Không, Vĩnh không vào Nam... năm xưa chúng mình lắm. Mới đây, mình về ngoài ấy thăm. Mình mới đi Bắc về...

Lúc ấy tôi mới chợt nhớ, tôi buột miệng:

– Thảo nào, mình gặp chị An. An kể rằng ngày sở làm danh sách cho nhân viên di tản, chỉ một mình Hậu xin ở lại. Hậu về ngoài ấy thăm các cụ?

Hậu cúi đầu:

– Không . Ba mẹ mình mất lâu rồi. Mình cần ở lại để gặp Vĩnh và ... con gái mình.

Tôi ngạc nhiên kinh khủng! Hậu đã có chồng, con từ ngày di cư kia à?... Hồi đó, khi vượt sông Bến Hải với gia đình tôi, cả hai chúng tôi chưa đầy hai mươi tuổi... Những năm trước đây, hai đứa cùng học một trường. Hình ảnh Hậu ngày xưa, rục rịch trong trí nhớ tôi... Có một năm nào cả lớp thường viết chữ “H” lồng vào chữ “V” vào những giờ tan học.

Thầy Vĩnh dạy Lý Hóa, nhưng thầy cũng là tay violon nổi tiếng của Hà Nội lúc bấy giờ. Thầy Vĩnh có một mái tóc bông bênh, một gương mặt trắng xanh với đôi mắt buồn dưới vầng trán thông

minh. Thầy thật hiền nhưng ít nói và rất nghiêm.

Điều đặc biệt là thầy Vĩnh không có gia đình, thầy sống một mình và cũng chẳng giao dịch với giáo sư nào.

Căn gác nhỏ thầy thuê, phải đi qua một cái sân gạch đỏ lúc nào cũng lênh láng nước giặt quần áo, nước rửa bát của một tư gia, và lên đến tận tầng lầu thứ ba. Nhưng mà thật là tĩnh mịch và nhìn vào, giống như một trai phòng. Khác chăng là sách vở bừa bộn cùng với cái giá nhạc và những bản nhạc la liệt trên bàn. Điều đặc biệt của thầy Vĩnh là những đóa pensée lúc nào cũng có trong một cái ly thủy tinh trong suốt.

Tôi đến căn gác đó vào dịp Hậu xin học nhạc với thầy.

Thuở mười sáu Hậu đẹp lắm. Mùa đông, đôi má hây hây. Hậu mặc áo nhung đen, hai dải khăn “san” như cánh bướm càng làm tăng gương mặt anh đào khả ái, cùng mái tóc dài như suối nước đêm.

Thời gian Hậu học nhạc riêng với thầy Vĩnh là lúc tôi qua trường nữ học, nên từ đấy hai chúng tôi ít có dịp gặp nhau. Sau đó hai năm là ngày vào Nam. Từ đấy đến nay chúng tôi chỉ gặp nhau khoảng những năm đầu khi còn ở miền Trung.

Dưới tàng cây phượng vĩ, kể lại chuyện xưa, chưa bao giờ tôi thấy Hậu buồn như thế.

Hậu nắm tay tôi, những ngón tay lạnh như cánh chim đơn côi và đôi môi vắng màu son, Hậu mở lại những trang hận tình đáng lẽ đã chôn sâu:

– Kim còn nhớ một dạo mình bỏ trường theo học nhạc riêng với thầy Vĩnh không? Thật là lạ, mình đến xin học mà thầy Vĩnh nhất định từ chối. Mà cũng phải thú thật rằng mình xin học chỉ cốt để có dịp được trông thấy mặt người đàn ông ấy mà thôi. Vì thế mình đã nài nỉ và cuối cùng, mình toại nguyện.

Những giờ học nhạc đối với mình thật là hạnh phúc, vì thầy Vĩnh hết sức dạy mình. Sự vô tư ấy, lạ thay, lại càng thôi thúc cho mình luôn luôn mơ tưởng, mong muốn chiếm trọn quả tim của Vĩnh.

Kim có thể tưởng tượng rằng mình mà lại có khiếu học nhạc có lạ hay không? Chẳng bao lâu mình đã trở thành đứa học trò mà Vĩnh bằng lòng nhất. Càng gần Vĩnh mình càng thấy rõ nỗi thất vọng. Hình như Vĩnh đã có một bóng

dáng nào, còn mình Vĩnh chỉ coi mình như đứa con gái nhỏ, chưa biết gì. Vĩnh coi mình mình như cô em út, thế thôi.

Để chinh phục Vĩnh, mình chọn bản “J’attendrai” tập ráo riết. Bản nhạc ấy đối với mình là cả một niềm tâm sự, mình muốn Vĩnh phải biết nỗi lòng mình qua bản nhạc ấy. Quả nhiên, mình đã thành công. Vĩnh có vẻ chăm chú khi mình đàn bản nhạc ấy. Mình bắt gặp có lần Vĩnh đã nhìn mình trân trối trong khi mình say sưa với những nốt nhạc trữ tình.

Một ngày đầu Đông, trời trở gió bắc, tiết lạnh ngày sang Đông làm mình cảm thấy cô đơn và mình lại nghĩ đến Vĩnh. Dù ngày hôm ấy không có giờ học nhưng mình cũng nhất định phải đến căn gác nhỏ của Vĩnh. Trước khi đi, mình ghé vào hàng hoa ở phố Bồ Hồ chọn mua

mấy đóa pensée thật đẹp, vì mình biết Vĩnh chỉ thích loại hoa đó.

Nhưng khi đến nơi thì Vĩnh không có ở nhà, rất may cho mình là Vĩnh ít khi khóa cửa. Đáng lẽ mình phải ngoan ngoãn chờ Vĩnh, nhưng đột nhiên mình nổi tính tò mò và kéo trộm ngăn tủ, lục lọi. Một cuốn nhật ký? Không! Chỉ là trang sổ nhỏ ghi những điều cần thiết, nhưng cũng ở những trang giấy ấy, mình bỗng được biết... thầy Vĩnh, trước kia đã từng khoác chiếc áo màu đen... nhưng thầy cũng đã hoàn tục được mấy năm nay!

Điều này làm mình nghĩ ngợi và sau đấy càng nhận thấy mối tình thâm kín trong lòng chỉ càng mãnh liệt thêm. Trong buổi chiều Đông âm u, nơi căn gác cô đơn không một bóng người, mình lấy

cây violon của Vĩnh thồn thức với bản nhạc tâm tư.

J'attendrai

le jour et la nuit

j'attendrai toujours

Ton retour, j'attendrai

Car l'oiseau qui s'enfuit

Vient chercher l'oubli, dans son nid.

Le temps passe et coule tristement

en battant dans mon coeur meurtri

Et pourtant

J'attendrai ton retour...

“Vâng, em sẽ đợi... muôn đời em sẽ đợi” – Mình nghĩ thầm.

Một bản nhạc ấy, mình đàn mãi, đàn mãi, dù bóng tối đã tràn lan cả căn gác không đèn. Đột nhiên mình quay lại... Trong bóng tối, Vĩnh đã đứng đấy tự bao giờ. Không còn tự chủ, mình buông đàn, ôm lấy Vĩnh, khóc cùng lời ắp ủ từ lâu: “Em yêu thầy..em yêu thầy...”

Mình chỉ nói có thể, chan hoà cùng nước mắt... Có vòng tay ấm áp, có bàn tay dịu dàng vuốt gương mặt chan hòa nước mắt của mình!

Kể đến đây, Hậu nghẹn ngào:

– Sau buổi ấy mình không gặp lại Vĩnh nữa. Bà chủ nhà có vẻ ngạc nhiên khi thấy mình trở lại, bà ta bảo: “Cô mà không biết ông ấy đi đâu thì ai biết bây giờ.” Nghe nói thế mình xấu hổ quá. Mình đi tìm khắp nơi, lang thang đến những nơi mà mình nghĩ có thể có được một

dấu vết gì của Vĩnh. Tuyệt nhiên không! Mình âm thầm đau khổ và cũng không hiểu tại sao Vĩnh lại bỏ đi như thế.

...Chín tháng sau... một đứa con gái ra đời! Gia đình mình muốn tránh tiếng nên trước đó một thời gian đã gửi mình về làng Đại Từ, nơi có bà vú của mình, nhờ bà ấy trông nom cho mình và Ý Ly. Con gái mình sinh ra ở đấy, và cũng lớn lên ở đấy. Không biết mặt cha mẹ là ai! Kim xem, trong tình cảnh ấy, làm sao mình còn có thể bỏ đi xa thêm được nữa. Mình không di tản chính là vì Ý Ly và Vĩnh.

Tôi bàng hoàng:

– Như vậy là ngày Hậu vào Nam... bé Ý Ly vẫn ở lại?

– Ý Ly ở đấy từ khi mới chào đời cho

đến ngày nay. Con bé bây giờ giống Vĩnh như hai giọt nước.

Tôi hỏi khẽ:

– Mãi đến bao giờ Hậu mới biết tin con? Vì... hai đứa mình di cư cùng với nhau từ ngày ấy kia mà?

Hậu thở dài:

– Mấy năm đầu mới vào Nam mình vẫn còn được tin con do bà cô mình ở cùng làng Đại Từ cho biết. Nhưng sau này thì bật luôn, cho mãi sau ngày 30-04-75, mới lại được tin.

Tôi rụt rè nhưng vẫn hỏi:

– Thế còn... thầy Vĩnh? Có tin của thầy chứ?

Giọng Hậu thật buồn:

– Vĩnh ở Hà Giang. Đường đi thật là vất vả, xe đến Hà Giang còn phải đi bộ mười mấy cây số đường núi cheo leo, nếu không có người dẫn đường chắc mình không đến nơi.

Trời ơi! mình không thể ngờ ngày nay Vĩnh tàn tạ đến thế!

Khi đến nơi, người dẫn đường bảo: “Đây, ông lang Vĩnh ở cái nhà này, bà cứ vào”. Mình nhìn vào chỉ thấy một thân người hom hem, áo quần xơ xác. Hình ảnh một nhạc sĩ quyến rũ ngày xưa đâu rồi? Mình cố cầm lòng không òa lên khóc và gắng gượng lắm mình mới nói được tên mình...

Hậu chép miệng:

– Tội nghiệp cho Vĩnh! Vừa nghe tên mình Vĩnh nhớ ngay, nhưng Vĩnh

lặng đi một lúc mới hỏi mình “Hậu vẫn còn nghĩ đến tôi nhiều thế à?”. Mình nói “Cho đến ngày nay... em vẫn đợi thầy... Bản nhạc năm xưa không nói nổi tâm tình em đối với thầy sao?”

Vĩnh bảo mình “Hậu đã chọn lầm người, còn tôi, tôi là kẻ có lỗi với Hậu, tôi đã làm hỏng đời Hậu... cũng vì tự hiểu tôi đã trốn đi. Tôi cứ tưởng Hậu đã lập gia đình và đã quên tôi. ”

Nghe Vĩnh nói, mình chỉ khóc. Bao nhiêu năm rồi, dù Bắc Nam ngăn đôi, mình vẫn đợi, đợi trong vô vọng. Âm thầm chờ đợi. Vĩnh lại bảo mình “Hậu đã làm một việc điên rồ! Xinh đẹp như Hậu, không lẽ ngày nay lại sống chung với một kẻ thân tàn ma dại, đói rách như tôi?” Mình nói với Vĩnh rằng ra đây cốt để tìm cách xin cho Vĩnh vào đoàn tu với mình thì Vĩnh đáp: “Đời tôi sắp hết!

hơn nữa, tôi tự nghĩ chốn sơn lâm cùng cốc này nó hợp với tôi hơn.”

Hậu chậm nước mắt:

– Có một điều thật cay đắng là mãi đến giờ phút ấy, Vĩnh mới biết mình đã có một đứa con gái với Vĩnh. Khi nghe tin ấy Vĩnh lặng người đi rất lâu, rồi Vĩnh nắm lấy tay mình run giọng xin lỗi. Mình kể hết cho Vĩnh nghe tình cảnh mình sau khi Vĩnh bỏ đi và mình cũng kể luôn cả cuộc đời Ý Ly từ khi mở mắt chào đời. Vĩnh ngồi nghe, đầu cúi xuống như ân hận, như đau thương. Giây lâu Vĩnh bảo mình, Vĩnh không xứng đáng nhận Ý Ly, vậy mình hãy thay Vĩnh săn sóc Ý Ly và Vĩnh nhắc đi nhắc lại mình cố đem Ý Ly vào Nam cho con đỡ khổ.

Lúc chia tay, Vĩnh cho mình một túi vải cũ, trong đó có cây violon năm

xưa của Vĩnh cùng với bản “J’attendrai”. Nhìn cây đàn và bản nhạc, mình cảm thấy ấm lòng, mình hiểu Vĩnh vẫn nhớ đến mình!

Tôi chợt ngắt lời Hậu:

– Không biết tại sao mà thấy Vĩnh lại có một thái độ lạ lùng như vậy?

– Điều đó mình đã hiểu. Chỉ vì Vĩnh quá nhiều tuổi so với mình và hơn nữa, dù hoàn tục, Vĩnh vẫn không muốn lập gia đình. Người dẫn đường kể cho mình nghe đời sống cơ cực của Vĩnh, nguyên nhân chỉ vì Vĩnh giữ đạo. Mình xót xa khi nhìn thấy những ngón tay cằn cỗi vì cầm cuốc, cầm dao cưa. Một đời nhạc sĩ thế là chấm dứt.

– Thế còn Ý Ly?

Hậu lại thở dài:

– Sau đó tuy rất mệt mỏi, mình cũng tức tốc đi tìm con. Qua bao nhiêu thay đổi, làng Đại Từ bây giờ tiêu điều quá. Cũng vẫn lũy tre, cũng vẫn đồng ruộng, nhưng mà tất cả có một vẻ nghèo nàn, buồn thảm. Mùa ấy tập đoàn đang cấy lúa, người dẫn đường đưa mình đi qua những thửa ruộng đang cấy dở dang. Những cô gái quê nhìn mình tò mò bàn tán, mình có ngờ đâu Ý Ly cũng đang cấy lúa trong đám những cô gái quê mùa ấy.

Bà Vú vẫn còn, bà đã ngoài bảy mươi, lưng còng chân chậm nhưng bao nhiêu chuyện cũ bà vẫn không quên, vì thế khi người dẫn đường vừa báo tin có mình đến, bà nhớ ra ngay. Bà mừng mừng tủi tủi hỏi lại: “Cô Hậu ngày bé, cụ Tham giao cho tôi cho bú đây mà” và bà ôm lấy mình vừa cười vừa khóc gọi Ý Ly kể lể: “mẹ đẻ của con về thăm con đây này”.

Trong khi đợi Ý Ly từ ngoài cánh đồng trở về, bà vú hỏi mình đủ chuyện. Một câu cù làm mình nghĩ ngợi là vú bảo mình: “Tôi biết mà, tôi biết thế nào mẹ con cô cũng có ngày gặp nhau vì Thượng Đế công bằng lắm. Một đứa trẻ không có cha thì thế nào cũng phải gặp mẹ”.

Ý Ly gặp mẹ cũng rất ngỡ ngàng. Tội cho con gái mình quá. Nó đúng là một đứa con gái nhà quê. Người ta gọi Ý Ly về giữa lúc nó đang cấy lúa. Trông thấy con mình thương quá. Chỉ biết ôm lấy nó, mặc cho nước mắt đổ như mưa. Ý Ly càng lớn càng giống cha. Cũng đôi mắt buồn, cũng vầng trán thông minh và ít nói. Nó nhỏ người chớ không phốp pháp nhiều bề ngang như những cô gái quê khác.

Bà Vú của mình tuy là một bà lão nhà quê nghèo khổ nhưng bà rất đáng

quý, vì đã không để cho con gái mình tiếm nhiệm cái ngôn ngữ hiện tại, mà bà bảo rằng nó cục mịch khó nghe như hòn đá. Cũng như Vĩnh, Vú bảo mình: “Hay cô chạy cái hộ khẩu cho Ý Ly vào Nam, càng sớm càng hay, vì con trẻ ở cái đất này, phí người đi”.

Đêm đầu tiên hai mẹ con nằm chung trên chiếc chõng tre, Ý Ly tỏ vẻ rất quyến luyến mình. Thế nhưng khi mình bảo với con sẽ đem con vào Nam thì nó chỉ cười, không nói gì hết. Thấy con không trả lời rõ rệt, mình lại dỗ dành thì lần nào Ý Ly cũng vậy, con bé chỉ tủm tỉm cười. Qua đêm sau, đang ngủ Ý Ly bỗng thức giấc và hỏi mình: “Bao giờ thì mẹ đưa con đi gặp bố con?”. Mình bảo “Mẹ sẽ đưa con đến nơi đó, nhưng bố con ở xa lắm», con bé nói ngay “Xa đến đâu con cũng đi». Mình hỏi: “Thế con không có

ý nghĩ đi thăm mẹ hay sao?”. Nó lại cười, tuy nhiên trong ánh mắt nó, mình hiểu nó rất thương mình. Mình hỏi nó “Con có biết mẹ ở nơi nào không?”, thì nó cười đáp “Mẹ ở Sài Gòn! Nơi đấy người ta sung sướng lắm. Người Sài Gòn bao giờ cũng mặc đẹp, những vải lụa và quần áo mẹ cho con là những thứ mà người Sài Gòn vẫn mặc». Mình ngạc nhiên quá, nhưng mình thấy vui vui.

Nói đến đây Hậu lấy trong giỏ xách ra một tấm ảnh nhỏ. Vừa nhìn tôi nhận ngay ra Ý Ly, với đôi mắt của thầy Vĩnh ngày xưa.

Trời đã quá trưa, tôi định về nhưng Hậu nhất định rủ tôi “Đến chơi một lần cho biết cái tổ cô đơn.” Tôi hỏi lại:

– Tại sao Hậu lại “chỉ cho tôi đến chơi một lần” là thế nào?

Hậu nhìn tôi, cười buồn:

– Bao giờ Kim đi?

Tôi giật mình:

– Sao Hậu biết?

Hậu lắc đầu thật nhẹ:

– Ngồi đây mãi, ai đi ai ở mà không biết thì còn ai biết.

Và Hậu cầm tay tôi bụi bụi:

– Hình như số của mấy người chúng mình là phải xa nhau.

Đến lượt tôi ngơ ngác:

– Tại sao Hậu bảo “Mấy người chúng mình”, ai mà lắm thế?

Hậu xòe mấy ngón tay:

– Vĩnh, Kim và mình. Nghĩ lại xem.

Ngày xưa, hai đứa mình như bóng với hình, thì mình bỗng gặp Vĩnh, vừa có Vĩnh là Kim biến mất. Bây giờ cũng lại như thế. Mình vừa gặp lại Vĩnh là Kim sắp sửa đi xa. Buồn thật!

Hai đứa chúng tôi đèo nhau trên chiếc xe đạp cũ, vừa đi Hậu và tôi cùng kể về những kỷ niệm ngày xưa khi hai đứa còn là nữ sinh Hà Nội.

Nói đến Hà Nội tôi bỗng ngậm ngùi. Hà Nội của chúng tôi không phải là Hà Nội bây giờ của những người Cộng sản. Hà Nội ngày xưa cổ kính mà thơ mộng với muôn ngàn hình ảnh mến yêu. Hà Nội ngày xưa với những thắng cảnh lịch sử, những chùa, đền tôn nghiêm, với những mái nhà đầy dân tộc tính và những con đường thật trữ tình, quyến rũ. Và người Hà Nội thời ấy mới lịch sự, đẹp đẽ làm sao.

Con người thật của Hà Nội là con người yêu tự do, yêu cái đẹp, trai cũng như gái, đàn ông cũng như đàn bà. Và, ngôn ngữ của chúng tôi là thứ ngôn ngữ văn hoa, ý nhị. Hà Nội với bốn mùa thay đổi, từ thiên nhiên cho đến con người cũng hòa hợp trong màu sắc yêu đương.

Tôi nhớ khi nắng Hạ vừa vươn là lúc những tà áo lụa Hà Đông được đàn bà con gái Hà Nội đem ra mặc. Thu sang là hình ảnh của những cánh bướm màu sắc nhẹ nhàng trông rất nên thơ. Kể đến, khi gió bắc đưa mùa Đông cùng với mưa phùn mỏng như tơ là lúc áo nhồi bông, áo len, áo dạ ấm màu, mà cũng là ấm mắt biết là dường bao. Cuối cùng, khi hoa xuân đua nở, con người và vạn vật như sống lại với chúa Xuân, rực rỡ muôn màu, muôn sắc.

Ngày nay, mọi sự đổi thay. Hà Nội bây giờ chẳng còn là thành phố thân yêu của chúng tôi nữa. Tất cả chỉ còn là dĩ vãng.

Nơi Hậu ở là một xóm nhỏ tận cuối đường Chi Lăng, căn nhà xinh xắn, tuy chẳng còn đồ đạc quý giá nhưng cũng là tổ ấm của kẻ cô đơn. Ở một góc tường hơi khuất, cây violon cũ đã bạc màu treo cạnh bức chân dung nữ sinh của Hậu.

Ngay đầu giường Hậu, một cánh *pensée* âm thầm.

Vừa nấu hai tô mì gói, Hậu vừa kể với tôi về lai lịch căn nhà nhỏ. Mãi xế chiều chúng tôi mới chia tay.

Những ngày sắp đi tôi bận tối mắt. Và đúng vào hôm tôi bận nhất thì Hậu mò đến. Hôm nay Hậu vẫn mặc chiếc áo

bà ba đen, nhưng mới hơn khiến màu da anh đào của Hậu rất ưa nhìn. Vừa thấy tôi Hậu đã tươi cười báo tin:

– Ý Ly vừa vào sáng sớm hôm nay.

Tôi ngạc nhiên:

– A! chuyện lạ đây.

Hậu vẫn cười:

– Kể ra thì lạ thật, vì nó vào cùng với một người nữa...

Tôi reo lên:

– Thầy Vĩnh... chứ còn ai?

Hậu lắc đầu:

– Không, sai rồi! Không phải người yêu của mẹ nó mà là người yêu của nó.

Rồi Hậu hỏi tôi:

– Kim còn nhớ hồi mình ra Bắc tìm con. Mấy lần mình nói đến chuyện đưa nó vào đây thì nó chỉ cười không đáp có hay không. Dĩ hoài nó vẫn nín thinh, chỉ tủm tủm cười...

– Thế bây giờ? Ai nói mà nó chịu vào?

– Thì ra là nó đợi thằng Ái ra đón. Hai đứa mới dắt nhau vào thăm mình và xin phép làm đám cưới.

Tôi tròn mắt:

– A! Thú vị thật.

Hậu cười hiền lành:

– Cũng như mẹ nó ngày xưa...

Tôi cãi:

– Khác chứ, giống sao được. Có phải vậy không?

Hậu tủm tủm:

– Ủ, khác xa. Và mình rất hoan nghênh. Con gái mình từ nay sẽ ở gần mình cùng với chồng nó.

Tôi chột hỏi:

– “Anh chàng” không phải bộ đội đây chứ?

Hậu có vẻ hài lòng:

– Bộ đội nào lọt vào nỗi nhà bà Vú mình. Thằng Ái này là cháu họ của bà cô mình. Trước ngày di cư, gia đình nó cũng ở làng Đại Từ, nhưng chỉ vào Nam phân nửa. Sau tháng tư năm 75, ông bố nó mới dắt hai chị em nó ra tìm mẹ nó và mấy đứa con nhỏ.

Tôi cầm tay Hậu định nói một câu nhưng lại thôi, tôi không muốn bạn tôi lại phải chứng kiến thêm lần nữa hình ảnh chia ly.

KẺ ĐẠI THẮNG

Chiếc xe hơi đen bóng loáng chạy vào ngõ hẻm, từ từ đậu lại trước biệt thự sang trọng của bà Tư. Những người bán hàng quà ngồi quanh ở đầu hẻm, không ai bảo ai đều chăm chú nhìn theo.

Đã mấy tháng nay, kể từ sau ngày những cái loa lớn loa nhỏ của thành phố ong ong kêu gọi “ngụy quân, ngụy quyền và viên chức xã ấp đi trình diện, đăng ký” thì khoảng vài tuần, dân trong ngõ

hẻm này lại thấy một chiếc xe hơi xịch đến trước biệt thự của bà Tư. Những người biết chuyện kháo nhau rằng «Ông chồng bà Tư đi tập kết về, bây giờ ông ta là thượng tá».

Có người ngây thơ hỏi «Thế ra chồng bà Tư là Việt Cộng?»

Cũng có người kết luận: «Té ra mình ở chung với Việt Cộng mà không biết, như thế làm gì chẳng mất nước».

Từ đó mọi người quanh đây thường để mắt đến tòa biệt thự của bà Tư... Việt Cộng.

Một buổi sáng khi thấy chiếc xe hơi quen thuộc, lừng lững tiến vào ngõ hẻm, Cụ Cả, một bà cụ già ngoài bảy mươi tuổi đã nói với mấy bà ngồi bán cháo, bán khoai trước cửa nhà:

– Đúng là cháy nhà ra mặt chuột. Ai ngờ bà Tư trông mặt mũi như thế mà để chồng theo V.C.!

Một bà đang ngồi ăn cháo, tùm tùm cười:

– Lão ta là thượng tá đấy, không phải chức nhỏ đâu, Cụ ạ.

Bà bán khoai dài môi ra:

– Không phải chỉ một mình lão thượng tá này đến nhà bà Tư mà tôi còn thấy hai ba lão V.C. đội nón cối, mặt khó đăm đăm cũng vào nhà bà này cùng với chồng bà ta mấy lần.

Bà hàng khoai tò mò:

– Lão thượng tá là chồng bà ta, sao không ở luôn nhà vợ mà lại cứ nay đến mai đến, lạ thật!

Cụ Cả chép miệng:

– Ai biết được chuyện nhà người ta. Tôi nghe nhiều người kể chuyện rằng V.C. không giống người mình, vợ chồng chưa chắc đã tin nhau. Có lẽ lão này gần hai mươi năm mới gặp lại vợ, nên cũng phải rình mò chán rồi mới dám khăn gói trở về cũng nên.

Bà hàng cháo kể lể:

– Từ mấy tháng nay bà Tư nẩy tởn đến bạc triệu chứ không ít. Tôi ngồi bán ở đây tôi thấy mấy lần, khi thì khuân tivi, máy cát-sét, khi thì máy may, tủ lạnh, chẳng thiếu thứ gì. Cứ khuân lên xe là xe chạy biến, hôm sau trở lại, khuân nữa. Chẳng biết lão ta khuân của cải của vợ đi đâu.

Bà hàng khoai:

– Lại còn thết cơm nữa. Tôi thấy hôm nào lão ta đến, bà này cũng học tốc ra chợ, xách một lúc mấy giỏ đồ ăn về. Tính ra chỉ tiền đãi tiệc cũng mấy trăm ngàn.

Cụ Cả chậm rãi:

– Ai ngờ cũng dân di cư như mình mà bà Tư này gồm thế.

Cụ nói tiếp:

– Vợ chồng bà này năm 54 vào đây cùng chuyển tàu với gia đình tôi. Lúc bấy giờ bà ta cũng có hai đứa con rồi, con Lý với thằng Di. Hai vợ chồng lúc đầu cũng chịu khó làm ăn, vậy mà chẳng biết người chồng nghe đứa nào nó xúi khôn xúi dại, bỏ vợ bỏ con đi với V.C.

Bà khách đang húp cháo ngưng lại, hỏi đột ngột:

– Hình như năm kia hay năm ngoai, bà Tư này có gả chồng cho đứa con gái, phải không Cụ?

Bà hàng cháo nhanh nhẩu cướp lời:

– Phải đó. Hồi đám cưới con Lý, tôi cũng có đến làm giúp cho nhà gái nữa mà.

Và bà ta hỏi ngay:

– Mà cũng lạ, con Lý lúc nầy nó ít về đây. Tôi thấy có hôm nó đã vào đến đầu ngõ, rồi lại bỏ đi.

Cụ Cả ra điều biết nhiều:

– Nó đã ra ở riêng thì nó còn phải lo cho gia đình của nó chứ. Lão thượng tá kia về thì đã có vợ hầu, con gái đã đi lấy chồng rồi, có ăn nhằm gì nữa.

Ngưng một lúc, cụ lại nói thêm:

– Mà cái lão này xem chừng con cái chẳng đứa nào ưa. Nhất là con Lý này. Có một hôm tôi hỏi thăm về bố nó, thì nó trả lời toàn gọi là “ông ấy” với “ông ta”. Nghe lạnh nhạt lắm.

Bà hàng khoai cười hình hịch:

– Cụ biết lão ta rõ đến thế à?

– Thì đã bảo họ vào Nam cùng lượt với gia đình tôi mà. Năm ấy chính bà Tư này theo tôi đến đây mua nhà, thời ấy ngõ này chỉ là bãi sinh, đầy rác với cỏ hoang chứ đâu có nhà cửa sầm uất như bây giờ. Mãi khi có mấy gia đình di cư chúng tôi đến ở, những bà con khác mới đến theo.

Nhổ xong bãi cốt trầu, cụ Cả nói tiếp:

– Những người đến đây năm ấy ai mà chẳng biết gia đình bà Tư này, bà ta

nhANH nhẩu bao nhiêu thì cái lão này hồi đó lằm lì bấy nhiêu. Lúc bấy giờ lão ta còn trẻ nhưng khó tính khó nết, miệng thì kín như bưng, không có giao dịch với một ai trong hẻm này cả. Hai đứa con đang chơi mà thấy bóng bố về là cả hai đứa cùng lủi mất.

Bà hàng khoai vẫn cười:

– Cụ nói thế không chừng cụ biết cả lúc lão ta đi theo V.C. cũng nên.

Cụ Cả nghiêm ngay nét mặt:

– Chuyện ấy thì không. Thứ ma đưa lối quỷ dẫn đường ấy là chuyện riêng của họ, gia đình tôi là người làm ăn không ai biết những chuyện lôi thôi đó.

Và cụ dụ giọng, nói nhỏ hơn:

– Có điều từ khi bà ấy sinh xong đứa

con út thì bỗng dưng lão ta biến mất. Gần hai mươi năm nay, ai cũng tưởng lão chết rồi, đâu có ngờ bây giờ vừa mất nước xong thì thấy lão mò về.

Đang nói chuyện bỗng mấy người đàn bà cùng nhìn về đầu ngõ hẻm. Bà Tư với hai cái giỏ nặng trĩu thức ăn, chậm chạp đi về. Thấy mọi người chú ý đến mình, bà Tư miễn cưỡng gượng cười đáp lại, bà đã nhận thấy ánh mắt kém thiện cảm trong cái nhìn của hàng xóm láng giềng.

Từ ngày ông chồng tập kết trở về, đối với những người chung quanh bà Tư có cảm tưởng mình là kẻ tội phạm đang bị mọi người xa lánh và ghê sợ.

Gần hai mươi năm trời xa cách, bây giờ gặp lại, ngay trong buổi đầu, bà đã nhận thấy cái gì ngăn cách và xa lạ giữa

hai người. Người chồng mà bà vẫn âm thầm mong đợi, ngày nay trở về không còn là người thân yêu của bà nữa.

Ông ta có những khác lạ, từ con người cho đến ngôn ngữ, thái độ, tất cả đều đổi thay.

Điều mà bà ta khó chịu nhất là luôn luôn khi về thăm nhà, ông ta đều không đi một mình, ngay cả lần đầu tiên ta về đến nhà bà, ít nhất cũng có một hai người khác đi theo. Họ ăn uống thỏa thích cả một ngày trời nhưng tối đến thì chồng bà cũng theo những người kia ra đi, như tất cả đều là khách.

Vì thế bà có rất nhiều chuyện riêng tư muốn nói với chồng nhưng vẫn chưa có dịp thổ lộ.

Nhưng hôm nay, khi đi chợ về, bà ngạc nhiên thấy ông chồng đã đến và chỉ có một mình.

Ông ta đang ngồi hút thuốc ở phòng khách, cả hai chân đều cho lên chiếc ghế xa-lông dầy nệm “mút”. Bà vốn vờ:

– Ông vừa đến chơi đấy à?

Ông ta nhìn hai cái giỏ chợ, nhếch môi:

– Phải, tôi cũng mới đến độ chục phút thôi.

Bà nhìn quanh giọng vui vẻ:

– Hôm nay ông về nhà một mình?

– A, các đồng chí cũng bận đi tham quan thành phố, nên tôi tranh thủ về thăm nhà một buổi.

Bà thở ra và được dịp nói luôn:

– Ông về thăm vợ con mà cứ đèo thêm mấy ông kia khiến tôi khó ăn khó nói qua. Đi một mình như thế này có phải tiện hơn không?

Ông ta vội chặn ngay:

– Ấy! bà chớ có phát biểu như thế. Nói như bà là rất sai lầm đường lối. Đây là các đồng chí ruột thịt, tình nghĩa của tôi. Họ đến đây thấy nhà cửa của bà như thế này, họ phần khởi lắm.

Bà buông hai cái giỏ, ngồi đối diện với chồng:

– Thật may mà tôi đoán được hôm nay thế nào ông cũng về nên tôi đi chợ sớm, mua đầy đủ các thức để làm mấy món ăn thật ngon mà ngày xưa ông vẫn thích.

Đôi mắt ông ta lại nhìn xuống hai cái giỏ chợ, và nói không kịp cân nhắc:

– Trong Nam này sướng thật! Thịt ăn bữa phứa. Hôm qua ở cơ quan, các đồng chí cũng chung nhau tiền mua mấy cân thịt quay, ăn một bữa sướng quá.

Bà Tư cười:

– Tưởng gì chứ món thịt quay là món xoàng nhất đối với người Sài Gòn. Chỉ hôm nào lười vào bếp, tôi mới mua thịt quay, ăn cho nó gọn. Mà trong này người ta gọi là «ký» chứ không nói là «cân» đâu. Ông phải tập nói như chúng tôi cho quen.

Sắc mặt của ông bỗng đanh lại:

– Ký? ký là cái gì? Phải nói «cân». Một cân, một lạng! «ký» là từ của Mỹ ngụy, phản động lắm!

Bà vẫn cười:

– Từ hôm gặp ông đến giờ, cái gì ông cũng kêu là phản động, mà cái gì rồi ông cũng thích!

Nói xong bà hơi hối hận, bà vội đến bên tủ mở khóa, lấp liếm nói với ông:

– Tôi có cái này hay lắm... Mấy lần ông về chơi vì vướng khách khứa nên tôi quên mất. Tôi có để dành cho ông mấy thước «sọc len», may quần tây mặc đẹp lắm.

Ông ta vội sấn đến gần, tới tấp hỏi:

– Đâu? Đâu? hay nhỉ, «sọc» là cái gì? Hàng «ngoại» hả? ừ! đẹp đấy. Thứ này dễ mặc cả đời cũng không rách. Thứ này may quần Âu nữ cũng đẹp.

Nhưng bà lại nói sang chuyện khác:

– Hôm nọ tôi có kể qua loa với ông rằng chồng con Lý đi học tập, ông có nhớ không?

– Đã! rồi sao?

Bà Tư đặt xấp vải vào tay ông ta:

– Tôi chỉ muốn xui ông làm đơn bảo lãnh cho thằng Chính nó được về. Nói là đi học tập mười ngày mà đã mấy tháng nay gia đình chẳng có tin tức gì. Vợ nó với tôi lo quá. Lúc đi nó đem theo vốn vẹn có hai bộ quần áo, bây giờ vừa đổi tiền xong. Chẳng biết nó lấy tiền đâu mà ăn sáng với uống cà phê.

Ông ta vẫn không rời xấp hàng, ngồi xuống ghế:

– Học tập chính sách nhà nước cũng tốt thôi. Nhà nước ta khoan hồng, cứ phấn đấu tốt, học tập tốt, lao động tốt.

Chứ còn cứ nói cho đúng thì tội của bọn ngụy này nặng lắm.

Bà dịu dàng:

– Thằng bé này nó là giáo sư, nó dạy học rồi vào quân đội, rồi được biệt phái, nó có cầm súng bao giờ đâu. Nó ngồi văn phòng mà tội tình gì?

– Bà thì biết gì! Biệt phái rất ghê gớm. Không khéo chừng nó là xê-i-a cũng nên, chứ không thì làm gì được Mỹ Ngụy nó cho biệt phái?

Bà nhỏ nhẹ:

– Chuyện đó thì tôi không biết, chỉ xin ông thương cho con Lý nhà mình. Tội nghiệp con bé, từ ngày quá hạn không thấy chồng được về, nó sợ cứ tái xanh, tái xám. Ông mà xin cho thì làm gì chẳng được.

Giọng ông ta bỗng trở nên quyết liệt:

– Dứt khoát là không! Tôi không quan hệ gì đến chuyện ấy hết. Tội nó nặng lắm. Rồi mai kia còn đem ra cho nhân dân người ta xét xử nữa chứ. Sau này địa phương người ta còn quản lý nữa chứ.

Bà sợ hãi:

– Trời ơi! ông nói cái gì mà ghê thế? Cái thằng con rể tôi xưa nay chỉ có đi dạy học thôi, mà bây giờ cũng nặng tội thế à?

Ông ta trả lời tỉnh bơ:

– Thì nó nhồi sọ con em của nhân dân theo đường lối Mỹ Ngụy phản động mà ly! Đây bà đã thấy tội nó nặng chưa?

Bà chán nản ngồi xuống ghế:

– Thế... ông không giúp được nó tí gì à?

Giọng ông ta khô khan:

– Dứt khoát! Triệt để dứt khoát! Bà rõ chưa?

Bà đứng lên, buồn bã xách hai cái giỏ vào nhà trong.

Ông ta bỗng đi nhanh theo, đổi giọng:

– À quên, hôm nay bà nhớ gia tăng khẩu phần gạo nhá?

Bà quay ngoắt lại, vẻ mặt bức bối:

– Lại có khách à? Ai vậy?

Lần đầu tiên, kể từ ngày gặp lại, hôm nay bà Tư mới thấy ông chồng tập kết của bà nở một nụ cười tươi tắn, ông ta cố lấy giọng cầu hòa:

– Ấy, tôi cũng tập trung mấy lần, định báo cáo với bà nhưng mãi hôm nay mới có thời gian. A... tôi định kế hoạch với bà là hôm nay mình chiêu đãi một nữ đồng chí, bà ấy cũng là anh hùng đánh Mỹ đấy... chúng tôi đã... đã xây dựng với nhau từ mười năm nay...

Bà buông rơi cái giỏ đầy thức ăn:

– Ông nói thế nào? Xây dựng?... nghĩa là... ông với bà ta sống chung rồi. Có phải vậy không?

– Đại khái như thế. Chuyến này bà ấy cũng có công tác đột xuất, và cũng đi «B» như tôi, nhưng vào đây sau tôi. Hôm nay mình chiêu đãi là đúng quy cách lắm.

Mặt bà nhợt nhạt:

– Nghĩa là ông đã có vợ khác rồi?...

– Đại khái như thế. Chúng tôi đã sát cánh suốt thời gian đánh Mỹ. Đồng chí này đạt nhiều thành tích chiến đấu lắm. Tích cực mà. Bây giờ tôi khẩn trương đi đón bà ấy, còn bà chuẩn bị bữa ăn là vừa.

Bà Tư không muốn nghe thêm một câu nào nữa và cũng chẳng buồn nhìn theo ông chồng tập kết mới trở về nữa.

Bà ngồi xếp xuông đất. Đầu óc quay cuồng.

Thế là hết. Thế là chấm dứt những năm âm thầm chờ đợi. Bà thở dài để chợt nhớ rằng có một mùa hè mà người Sài Gòn gọi là mùa hè đỏ lửa, chính thời gian đó bà đã nghĩ rằng chiến trận như thế, chắc chồng bà cũng đã chết rồi.

Bây giờ ý nghĩ ấy trở lại với bà.

Thật lâu bà Tư mới đứng lên. Như một người máy bà đến bên mấy cái bếp lò, đốt bếp, nấu nước, rửa soạn bữa ăn. Dù tim bà se thắt nhưng chốc nữa đây bàn ăn cũng sẽ linh đình!

Tháng trước dân chúng đã nếm mùi một cuộc đói tiền. Cũng như mọi người bà Tư chỉ được cầm 4 tờ giấy 50 đồng vồn vẹn, nhưng hàng hóa của bà buôn bán lưng chừng chứa đầy một nhà kho bí mật. Hàng ngày chỉ cần bán vài xấp sà-tanh tuyết nhưng hiệu «con gà gù» đen bóng, mướt ời là mướt cho mục vợ một lão cán bộ nào đó, để may đôi ba chiếc quần đen là bà Tư cũng đủ tiền mua một ngày chợ cho lão chồng tập kết ăn một bữa no nê béo miệng.

Có tiếng động sau lưng, bà Tư quay lại, Lý từ ngoài đi vào.

Vừa trông thấy con gái, bà Tư bỗng òa lên khóc, tức tưởi kể lại mọi chuyện cho Lý nghe. Lý đứng im mặc cho mẹ khóc, giây lâu Lý mới nói:

– Con đã nghi ngay. Mà thôi, má cũng nên can đảm coi như chúng con đã mất bố kể từ ngày bố ra đi. Chứ con người trở về này, không thể còn là bố của chúng con nữa.

Nghe con gái nói, bà Tư càng buồn khổ thêm. Bà cố giữ vẻ bình thản, điềm nhiên đón tiếp người đàn bà lạ mặt mà chồng đưa về giới thiệu.

Mụ ta phục phịch trong bộ quần áo bộ đội màu cứt ngựa, hai bên cổ áo có đính quân hàm, cấp bậc. Một đuôi sam dài lưng lẳng sau lưng, mụ mang dưới chân đôi dép có quai hậu bằng nhựa trong, gót nhọn hoắc nhưng thấp tè.

Vừa vào nhà, mẹ đã cất giọng the thé sắc như dao gọi bà Tư bằng chị và anh anh, em em với lão thượng tá. Mẹ cuộn người lên ghế sa-lông và đảo mắt một lượt khắp căn phòng khách.

Mẹ nói không ngừng, chửi Mỹ Ngụy thậm tệ nhưng đồ vật gì còn trưng bày trong phòng khách, mẹ cũng dán mắt vào và xuýt xoa, thèm thuồng. Mẹ tò mò đến bên chiếc tủ áo toàn bằng kính trong suốt của bà Tư, ngắm nghía những chiếc áo dài bằng tơ, bằng gấm đắt tiền còn lại và những bộ đồ mặc nhà thêu chỉ màu diêm dúa. Mẹ xâu chân vào một loạt giày, dép đủ kiểu, gót cao, gót bằng của bà Tư để dưới chân tủ. Rồi mẹ mon men đến bên bàn phấn, ngồi xuống chiếc ghế lùn êm ái, nhìn trần trời những lọ nước hoa, lọ keo xịt tóc, lọ kem, hộp phấn, ống son môi cùng nhiều thứ mỹ phẩm linh tinh

khác để bừa bãi trên mặt bàn.

Kể đấy mẹ đi khắp nhà, xem từ cái máy giặt cho đến cái lò quay gà, lò nướng bánh. Đối với mẹ mọi thứ ở đây đều lạ lùng và hiếm có. Phòng nào mẹ cũng sục vào và luôn miệng khen ngợi và nhắc đi nhắc lại mãi một câu: «cứ theo ngoài ta thì diện tích này ở được mười hộ!» Mẹ nhìn mảnh vườn trồng sau nhà buông một câu tiếc rẻ: «chỗ này mà nuôi lợn thì tốt biết mấy, để không phí quá.»

Cuối cùng khi vừa chấm dứt bữa cơm, mẹ vội vàng vào thẳng phòng ngủ bà Tư lăn kềnh xuống chiếc giường trải đệm êm ái, đánh một giấc say sưa.

Một tháng sau, một buổi tối đến chơi nhà bà Tư, ông chồng tập kết của bà Tư tuyên bố với bà rằng, ông ta đang xin chuyển hộ khẩu của ông ta cùng với

mụ vợ đồng chí vào địa chỉ bà Tư. Ông ta nói rằng «nhà này rộng lắm, cần phải có mặt vợ chồng ông ta, nếu không mai kia nhà nước cũng bắt phải chia người khác».

Bà Tư đón nhận cái tin bất ngờ đó với nét mặt không thay đổi, bà bình tĩnh hỏi lại:

– Bao giờ thì ông được phép chuyển vào đây?

Giọng ông ta đầy vẻ tự đắc:

– Tôi ấy à? Trên đã quy định cho tôi rồi, chỉ còn phải đợi hồ sơ của bà ấy nữa là xong.

Bà Tư vẫn gặng hỏi:

– Ông cũng phải áng chừng độ bao giờ để cho tôi còn liệu thu xếp?

Ông ta nhắm tính và trả lời:

– Trên đang điều tôi ra Hà Nội vài tuần, sau ngày ấy tôi trở vào là dứt khoát đấy.

Bà Tư có vẻ nghĩ ngợi, giây lâu bà gật gù:

– Được, ông cứ yên trí. Rồi ông sẽ được ở cái nhà này, tôi sẽ cho ông làm chủ cái biệt thự này.

Ông ta hí hửng nhưng vẫn chắc lép:

– Thế là bà đã quy ước rồi đấy nhá, đừng có phản lời đấy.

Giọng bà mát mẻ:

– Chẳng những ông sẽ là chủ hộ mà mai kia ông cũng sẽ đứng tên luôn cả cái nhà này nữa.

Từ hôm sau, ít ai thấy mặt bà Tư ở nhà. Gần như lúc nào bà cũng có việc phải vắng nhà. Phần nhiều bà hay đi với Lý, người con gái gầy đét, trông thì ốm yếu nhưng suốt ngày chỉ làm bạn với bụi đường. Lý có một chiếc honda hầy còn mới và gần như ngày nào Lý cũng đem xe đến chở mẹ đi công việc từ sáng sớm cho đến tối mịt hai mẹ con mới về nhà.

Hàng xóm láng giềng kháo với nhau rằng lúc này Lý về nhà nhiều hơn và cứ gặp Lý ở đâu cũng thấy có bà Tư bên cạnh.

Cũng từ hôm ấy trở đi, ông chồng tập kết của bà Tư cảm thấy yêu đời, một tương lai an nhàn cùng một đời sống no thừa đã mở ra trước bước chân ông.

Nghĩ đến tòa biệt thự đầy đủ tiện nghi thêm vào là cuộc sống sang trọng

được hưởng ở những ngày sắp tới, ông ta hồi hả lên đường ra Bắc sớm hơn dự định. Ra sớm để còn sớm trở về miền Nam, ông ta nói thầm một mình như thế.

Vào Nam, ông ta cảm tưởng mình là con chuột trong một vựa gạo vừa trắng vừa thơm. Sung sướng làm sao! Những bữa cơm, cá thịt ngon lành béo bổ, những cái tủ đầy ắp quần áo đắt tiền và cửa chím cửa nôi của bà vợ cũ nữa. Mảnh đất này, đối với ông ta là xứ của ngọt ngào, quyến rũ. Làm sao ông quên được những tiếng «dạ» êm tai mà chỉ từ khi đặt chân vào miền Nam ông mới được nghe thốt ra ở những người đàn bà duyên dáng? Ra Hà Nội giữa tháng năm âm lịch, chao ôi! thời tiết chi mà cơ cực, nóng bỏng từ ngoài trời cho đến mảnh ván ở trong nhà. Dù cái quạt máy tối tân,

ông ta đã lấy được ở nhà bà Tư đem ra, cho chạy suốt đêm cũng chẳng thấm gì với cái oi bức giữa mùa hè Hà Nội.

Đêm khuya, trần trở trên cái giường gỗ nhóp nhép nóng như hun lửa ở trong, ông ta càng nhớ đến căn phòng có gắn máy điều hòa, làm không khí mát rượi ở nhà người vợ cũ ở Sài Gòn. Rồi đến nước tắm mới càng khổ thêm. Những vòi nước vào mùa hè Hà Nội gần như cạn khô. Hàng trăm đôi thùng xếp quanh một vòi nước, nhưng chỉ nhỏ giọt giống như bầu vú khô của bà mẹ đói ăn, chẳng còn giọt sữa nào.

Cái cảnh thiếu nước làm ông ta nhớ đến cái vòi hoa sen sẵn sàng tưới những tia nước mát rượi, ào ào không ngừng như dòng suối tiên trong phòng tắm sang trọng lót toàn đá hoa xanh bóng quanh tường ở nhà bà Tư.

Những ngày thiếu thốn, sống khổ ở Hà Nội đã làm người hùng một thời ao ước mau chóng trở về Sài Gòn....

Giữa đêm hè oi bức khiến ông ta mất ngủ, đã làm ông ta phải ôn lại quãng ngày vừa qua, tạm sống trong tòa nhà trưởng giả của người vợ cũ. Người đàn bà ấy dù đã bị phản bội nhưng vẫn cam chịu và mềm mỏng đối với ông. Bà ta đã cho ông tất cả những gì mà ông thiếu thốn, nhưng bây giờ nghĩ lại, ông bỗng thở dài.

Đây là một đêm ngủ lại sau bữa cơm tối thịnh soạn với mấy ly mai-quế-lộ ngọt ngào. Ông ta được đưa vào một phòng nhỏ xinh xắn với khung cửa sổ mở rộng, phảng phất mùi hoa ngọc lan mát rượi lùa vào. Nằm đây, ông ta biết rằng chỉ cách một vách tường là căn phòng riêng của người vợ cũ.

Từ ngày trở về sau gần hai mươi năm xa cách chưa lần nào ông được phép xâm nhập căn phòng riêng biệt ấy.

Nhưng đêm hôm ấy ông ta đã nhòm dậy đi đến cửa phòng bà Tư. Cánh cửa đây rồi, nhưng bên trong khóa chặt. Tim hồi hộp ông ta đành lên tiếng gọi, nhưng tiếng gọi trơ trẽn và vô duyên đã khiến ông ta bực bội. Đêm khuya một mình đứng trước cánh cửa im lìm như chế diễu, ông ta đành lúi thủi bỏ về với chiếc giường nhỏ cô đơn. Bây giờ nghĩ lại ông ta bỗng nhận thấy sự khác biệt giữa hai người đàn bà. Cô vợ trẻ mà ông ta nhạt được ở chiến trường Trường Sơn, quả thật không thể xếp hạng với người thiếu phụ dịu dàng nhưng tế nhị của thành phố miền Nam.

Người đàn bà ấy dù tuổi đời chồng chất nhưng vẻ mặt mà, duyên dáng và

nhất là nữ tính rất quyến rũ vẫn còn. Từ mái tóc đến ngón chân, từ đôi mắt đến dáng người tất cả vẫn có một nét gì gợi cảm, ưa nhìn và cao quý. Giống như một bông hồng tuy đã nở hết độ nhưng vẫn đẹp, tươi, xứng đáng được để mãi trong chiếc bình pha lê quý giá.

Người đàn bà ấy cho ông ta đủ thú, nhưng giờ đây nghĩ lại, ông ta chỉ đúng là người khách lỡ độ đường, được bố thí no ấm, thế thôi. Ngoài ra, tất cả đều khép lại, giới hạn.

Lần đầu tiên, từ ngày chiến thắng miền Nam, đêm nay, ông thượng tá tập kết, biết thở dài.

Ý nghĩ phải mau chóng trở về miền Nam thôi thúc ông ta. Ngày trở về Sài Gòn rồi cũng đến. Ông ta nôn nóng sửa soạn hành trang. Suốt từ sáng sớm chầu

chục sáu tiếng đồng hồ nhể nhại mới đặt chân lên được máy bay.

Giữa trưa vừa xuống đến phi trường Tân Sơn Nhất, ông ta hỏi hỏi thuê riêng một chiếc tắc-xi ra lệnh chạy thẳng về địa chỉ của bà Tư. Chiếc xe tiến vào ngõ hẻm. A! tòa biệt thự sang trọng đây rồi.

Ông ta xuống xe, hách dịch bấm chuông và chờ đợi. Nhưng ơ kìa, sao chẳng thấy ai ra mở cửa? Ông ta bấm nữa, bấm hết sức mình và bấm liên hồi. Lạ chưa? Vẫn không một bóng người. Ghé mắt nhìn qua khe cổng sắt, kìa, bao nhiêu cửa lớn cửa nhỏ trong nhà đều đóng kín...

Vài con chó hoang chạy qua, người người đông hành lý rồi chĩa mõm sủa om sòm, khiến những người đàn bà bán hàng quà quanh đấy tò mò quay lại nhìn

theo. Một đám con trai nhỏ, áo quần xốc xếch túa đến vây quanh, chỉ chỗ cái nón cối của ông ta vừa cười nói huyền thiên.

Tức mình ông ta quay lại hầm hừ, lũ trẻ sợ cuống, xô nhau tản ra nhưng vẫn còn những tiếng cười khúc khích. Bà hàng cháo và bà hàng khoai gọi cụ Cả, và cùng đi về chỗ ông ta đang đứng. Cụ Cả chậm rãi hất hàm hỏi:

– Ông là thượng tá Việt Cộng đó, có phải không?

Không đợi ông ta đáp, bà cụ đã nói ngay:

– Ông kiếm bà Tư hả? Mấy mẹ con bà ấy đi Bắc từ nửa tháng nay rồi!

Mặt ông ta ngớ ra:

– Cụ bảo thế nào? Họ đi Bắc cả rồi à?

Lạ nhỉ? Chính tôi cũng vừa ở Bắc vô vào trong Nam đây mà. Bà ấy có báo cáo gì về chuyện đi Bắc với tôi đâu?

Cụ Cả nhổ bãi cốt trầu:

– Chuyện nhà ông ai mà biết được. Thấy ông gọi cửa một cái nhà không người, thì tôi làm phúc báo cho, chứ ai biết báo cáo với báo chôn cái gì!

Bà hàng cháo oang oang:

– Bà Tư đi rồi. Bà ấy cùng với hai thằng con trai, có cả con Lý nữa, xin giấy phép đi Bắc hết rồi.

Ông ta cau mày:

– Thế này là thế nào?

Bà hàng cháo vẫn cố nói thêm:

– Vợ thì nói đưa con đi Bắc. Chồng thì bảo vừa ở Bắc vào Nam! BỐ ai hiểu được chuyện gì?

Trong đám trẻ con vây quanh, chợt có một đứa buột miệng nói to:

– Điều này bà Tư dám vượt biên lắm à! Đầu tháng trước, anh của thằng Cu em trong hẻm đây, cũng ra phường xin giấy phép về Đà Nẵng thăm quê. Kế đấy có tin ảnh vượt biên qua tới Xanh-ga-po rồi!

Mấy đứa khác cùng reo lên:

– Rồi! thêm một đám nữa vượt biên! Vượt biên hết cả rồi ông cán bộ ơi!

Một ông cụ già lách đám đông đi tới, bà bán cháo lại mau miệng:

– A, có cụ tổ trưởng lại đây...

Ông cụ cầm xâu chìa khóa, ôn tồn nói với người đội nón cối:

– Ông đừng nóng, có đủ chìa khóa cửa đây. Bà Tư xin giấy phép đi Bắc cùng cả bảy con. Trước khi đi bà ấy nói với tôi: thế nào ông cũng từ Bắc vào Nam sớm. Bà ấy nhờ tôi đưa lại ông mấy cái chìa khóa cửa để ông vào nhà.

Ông Thượng tá Việt Cộng ngạc nhiên lắm, nhưng trông thấy xâu chìa khóa, ông ta không còn muốn hỏi gì thêm. Ông ta cầm nhanh lấy, hấp tấp mở cổng đi vào.

Đây là phòng khách. Đồ vật vẫn y nguyên. Ông ta nhanh chân đi vào phòng ngủ của bà Tư, cửa phòng không khóa, nhẹ mở toang trước nắm tay phũ phàng của ông. Căn phòng tĩnh mịch, giường đệm trắng tinh êm ái, cặp gối vẫn đặt

ngay ngắn. Mùi nước hoa quen thuộc thoang thoảng đâu đây...

Ông ta lại nhìn quanh... Cả một biệt thự không một bóng người.... Hoang vắng rõ ràng.

Đột nhiên ông ta chợt hiểu. Là kẻ đại thắng, ông ta đã chiếm được tất cả, thế nhưng giờ đây tất cả đều vẫn như không.

NGUYỆT

Sau khi Nguyệt về rồi, Diễm trở lại với đồng than vụn đang làm dở dang. Diễm chậm chạp ngồi xuống một chiếc guốc và lấy hai cái bao ni-lông cũ đen sì, xâu vào hai tay, tiếp tục nắm thành những nắm than nho nhỏ, xếp hàng phơi ngay ngắn trước sân nhà. Dù Nguyệt đã đi khỏi cửa rồi mà Diễm vẫn còn ngửi thấy mùi nước hoa thơm ngát, khiến Diễm phải nghĩ về Nguyệt.

Diễm nhận thấy từ ngày được Văn

gửi quà về đều đặn đến nay, Nguyệt có vẻ sung túc hơn và đồng thời Diễm cũng nhận thấy gần đây Nguyệt có nhiều thay đổi.

Theo lời Nguyệt kể thì Nguyệt đã đòi hỏi hàng tháng Văn đã phải gửi về cho Nguyệt một thùng quà, trị giá hai trăm đô-la. Nguyệt bảo rằng “Một tháng anh chỉ phải bỏ ra hai trăm đô-la để nuôi vợ con là quá rẻ”. Do đó, những thùng quà vẫn đến tay Nguyệt đều đặn, và sau khi bán xong, Nguyệt có vẻ hỉ hả, bằng lòng với hoàn cảnh bằng câu “Miễn anh ấy cứ gửi đều đều như thế này cho đến ngày xong giấy tờ, mấy mẹ con mình lên đường qua bên đó đoàn tụ là được”.

Thùng quà Văn gửi cho Nguyệt thật là đầy đủ: quần áo, vải hàng, đồ dùng, thuốc men và mỹ phẩm.

Với những món hàng đó, Nguyệt chỉ cần vẫy tay là những tay con buôn, chuyên “chạy” hàng “ngoại», sẵn sàng đến bao giá ngay. Với số tiền ấy Nguyệt sống thảnh thơi chứ không còn phải túng thiếu và lam lũ như những năm trước nữa.

Khi mất Sài Gòn là thời gian Văn đang tu nghiệp tại Mỹ. Trong những ngày đen tối của Sài Gòn Nguyệt đã lo sợ đến mất ăn mất ngủ. Nguyệt đã trông thấy nỗi nguy cơ vì Nguyệt không biết mình sẽ phải làm gì để nuôi sống một gia đình gồm ba mẹ con. Thêm vào đó phường khóm cũng đâu có chấp nhận cho những người còn trẻ tuổi như Nguyệt, không có công ăn việc làm, không đóng góp lao động.

Rất may lúc bấy giờ Nguyệt đã theo Diễm tìm được một nơi học đan giỏ lát

và làm công cho họ luôn. Bà chủ dạy nghề này nói với cả hai “Bây giờ ai cũng phải có nghề, càng làm nghề tay chân, càng tốt, càng đúng với chính sách của nhà nước, chứ bằng cấp chỉ tổ làm cho họ ngứa mắt thêm thôi. Nghề của tôi là hợp thời nhất đó”.

Quả nhiên bà ta nói đúng. Hàng ngày khi thấy Nguyệt chở từng bó lát to tướng trên xe đạp về nhà, để mấy ngày sau lại cống kênh chở những chiếc giỏ lát đem đi, đã có nhiều đôi mắt thán phục và thòm thèm nhìn theo. Có được một nghề lao động, xem chừng phường khóm cũng có phần nường tay đôi chút cho hoàn cảnh của Nguyệt lúc bấy giờ.

Những giờ ngồi đan giỏ với nhau, Nguyệt hay kể cho Diễm nghe chuyện liên lạc giữa mình với Văn. Nguyệt nói rằng Văn gửi quà thì đúng hẹn, nhưng

thư từ thì quá thưa thớt. Những lá thư thường thường ngăn ngủi nhưng đối với Nguyệt bây giờ, Nguyệt chỉ cần Văn đừng để mẹ con Nguyệt đói là đủ.

Sau một thời gian được tiếp tế đầy đủ bằng những thùng quà hàng tháng, Nguyệt bỏ rơi nghề đan giỏ lát. Chỉ còn lại một mình Diễm ngày ngày chăm chỉ học hết kiểu này đến kiểu khác và chẳng mấy chốc Diễm đã thành một công nhân chính thức.

Ngày xưa, cổ nhân vẫn có câu “có tiền mua tiên cũng được”. Với Nguyệt, Nguyệt đã áp dụng đúng bằng cách rải tiền để mua lá bùa hộ mạng. Đó là mảnh giấy chứng nhận Nguyệt là công nhân một xí nghiệp. Thời gian còn ở tổ hợp đan giỏ lát, Nguyệt đã được nhiều “đồng chí” cán bộ từ bên công nghiệp sang chơi, rất chú ý. Đã có một vị tuổi đảng cũng ra

gì nói rằng “Ái ngại cho hoàn cảnh của Nguyệt” nên đã hướng dẫn để Nguyệt chạy bằng được tờ giấy chứng nhận ma.

Không đáng bao nhiêu, sơ sơ nó cũng trị giá cỡ nửa thùng quà từ Mỹ gửi về cho Nguyệt mà thôi.

Thế là từ đó, trong tờ Hộ khẩu, Nguyệt đã được ghi chú rõ ràng “Công nhân xí nghiệp” cũng kể từ đó Nguyệt được yên thân, các mục trong tổ phụ nữ không còn réo gọi Nguyệt đi lao động và đi công tác thủy lợi nữa; mặc dầu chiếc xe đạp của Nguyệt không còn phải chở những bó lát cống kênh cùng những chồng giỏ ọp ẹp nữa.

Dần dần Nguyệt đi vào một cuộc hồi sinh.

Trước hết Nguyệt tậu một chiếc

Honda để “đỡ tốn sức lao động”. Kế đấy, Nguyệt cũng phải sắm một lượt quần áo mới nữa. Nên giã từ chiếc quần đen với cái áo bà ba của giai đoạn kinh hoàng. Bóng dáng một thiếu nữ Sài Gòn đứng một trước 75 đã trở lại với Nguyệt. Bây giờ Nguyệt mặc những bộ đồ thêu đất tiền bằng những thứ lụa mềm mại, óng ả từ Mỹ gửi về cùng với những chiếc quần “Jean” chính cống mà cán bộ trẻ nào trông thấy cũng thèm.

Vài tháng trước đây Nguyệt khoe với Diễm chiếc máy cát-sét mới tinh, mô-đen sau cùng do Văn mới gửi về. Nguyệt bảo Diễm rằng “Chỉ một cái máy này bán ra cũng một cây vàng». Nhưng Nguyệt không bán, để xài cho thiên hạ ngán chơi.

Những tờ “giấy báo” gọi lãnh quà của Nguyệt và những buổi Nguyệt ngồi

chễm chệ trên xe xích lô với thùng quà to tướng che lấp cả mặt, đã làm cả ngõ kháo rằng “Cô Nguyệt có phước, được ông chồng chăm chỉ làm ăn, chăm chỉ gửi thùng về”. Khi nghe mọi người nói như thế, Nguyệt chỉ cười. Lần hồi đã cảm thấy những thùng quà đã không làm vui được nổi cô đơn trong tâm hồn của Nguyệt.

Rất nhiều đêm Nguyệt hỏi thăm, liệu vợ chồng Nguyệt còn phải xa nhau cho đến tận bao giờ? Giấy tờ xin xuất cảnh của Nguyệt vẫn chưa có kết quả... Năm tháng cứ trôi qua mãi chẳng?

Nguyệt chỉ vui khi được mở nắp thùng quà hàng tháng...

Sáng hôm nay Nguyệt vừa phóng Honda đến báo cho Diễm biết Văn vừa gửi về một máy hình rất đẹp, Nguyệt nói với Diễm:

– Trưa nay hai đứa mình kiếm chỗ bán cái máy hình, rồi lúc về ta bao mi một châu nem nướng ở chợ Tân Định. Hoặc mi ưng bún tôm nướng với chả giò cũng được.

Nhớ câu nói của bạn, Diễm chột bật cười. Quả thật hai cái món ăn “tư bản” ấy đáng thèm thật! Từ mấy năm sống dưới chế độ “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc đến Xã Hội Chủ Nghĩa”, bữa cơm của gia đình Diễm chỉ thấy rau, dưa, cùng với nôi cơm trộn mì, trộn bo bo.

Trong tương lai, Diễm nghĩ thầm, không hiểu sẽ ra sao. Vì, mới ngày hôm qua khi đem sổ đi mua gạo, cửa hàng gạo đã “thông cáo”: mỗi hộ sẽ phải mua một số khoai lang, thay số gạo thiếu. Diễm nhớ hôm cuối tuần, khi đến thăm nhà bà bác bên phường kế cận, Diễm bắt gặp bà cụ đang cạo những củ khoai chỉ bằng

ngón chân cái, đầy bùn, mùi nồng nặc.

Khác với hoàn cảnh Nguyệt, gia đình Diễm sống rất eo hẹp. Diễm có bố mẹ già và mấy người em, trong đó hai người em trai kế Diễm đi học tập chưa về và Châu, em gái út của Diễm thì vất vưởng với nghề đan giỏ lát cho một tổ hợp. Là một gia đình quân nhân, công chức, xưa nay vẫn trông vào đồng lương hàng tháng. Dưới chế độ này, gia đình Diễm chỉ ăn dần vào vốn và kể đó đã bán dần những thứ gì bán được cho những chuyến thăm nuôi hai người con học tập từ miền xa.

Hai em trai của Diễm đều là sĩ quan Hải Quân, họ là những sĩ quan ưu tú được đào tạo ở Mỹ về. Họ đã từng có nhiệm vụ đi kéo những chiếc tàu từ những quân cảng của Mỹ về cho nước nhà. Họ là những người sống nhiều trên

đại dương nhưng sau tháng 4 năm 75 thì cả hai trở thành tù cải tạo.

Không một lợi tức nào, lại không một nguồn tài trợ nào của người thân từ ngoại quốc gửi về, đối với gia đình Diễm, thật là vô cùng bế tắc, ngày càng sa sút và túng bấn.

Từ khi biết Nguyệt bắt đầu dư dã, Châu đã nhiều lần bàn với Diễm nên vay vốn của Nguyệt để làm ăn, nhưng Diễm không bằng lòng. Vì Diễm sợ mang tiếng lợi dụng bạn. Thấy Nguyệt đã về rồi, Châu vội quăng chiếc giỏ lát đang đan dang dở, chạy đến bên Diễm tò mò hỏi:

– Chị Nguyệt bàn với chị chuyện gì mà em thấy chị ấy có vẻ vui quá vậy?

Diễm vẫn chăm chỉ với những năm than vụn sùng nước:

– À! Nó mới nhận được một cái máy chụp hình mới, nó rủ chị kiếm chỗ bán.

Châu ngồi xuống cạnh chị, tần ngần nhìn đồng than đã nát vụn, ngập ngừng mở lời:

– Chị Nguyệt lúc này cở vẻ giàu rồi đó.

Diễm vẫn nắm những nắm than:

– Thì chồng nó gửi về như thế, làm gì nó chẳng dư. Nhưng theo chị nhận thấy, chuyện nó nhận quà hiện nay, được ngày nào hay ngày đó. Mai kia có thể họ hạn chế mà lúc ấy nếu mấy mẹ con nó vẫn chưa đi được thì cũng chẳng lấy gì làm dư thừa đâu.

Châu vẫn nói tiếp:

– Em thấy chị Nguyệt sắm cả vàng nữa. Chị ấy tới tiệm vàng hoài, vì đó là nhà con bạn em.

Diễm nhìn em gái:

– Em cũng tò mò ghê đấy chứ.

Giọng Châu đanh đá:

– Tại vì quá lộ liễu nên em phải thấy chứ bộ! Nhưng mà, em nói thật chị nghe, em còn biết nhiều hơn thế nữa kia.

Diễm ngưng tay, quệt mồ hôi trên trán, bảo em gái:

– Người ta dư tiền thì sắm gì chẳng được. Ví dụ mình ở vào trường hợp như thế, mình cũng đâu có dại gì mà không mua vàng?

Châu gân cổ:

– Ai chẳng biết như vậy. Nhưng chuyện này nó khác.

Diễm đẩy những nắm than ra chỗ có nắng, chắc lười:

– Chị chẳng thấy khác chỗ nào hết. Ai dư tiền mà chẳng nghĩ đến chuyện mua vàng để dành, chứ ba cái giấy lộn này mà giá trị gì.

Châu nhăn mũi:

– Nhưng em hỏi chị, thời này người ta mua vàng để làm gì?

Diễm nhìn em ngập ngừng:

– Không lẽ con Nguyệt nó tính chuyện vượt biên?

Và Diễm nói nhỏ hơn:

– Nếu Nguyệt mà đi chui thì không

nên. Gia đình nó ba mẹ con chứ đâu có ít, mà chồng nó đã làm giấy tờ bảo lãnh từ mấy năm nay rồi. Dù chậm cũng nên chờ chứ vượt biên vừa nguy hiểm vừa tốn biết bao nhiêu tiền.

Châu bĩu môi:

– Nói như chị là nói theo kiểu thật thà. Đàng này chị Nguyệt vượt biên với người khác thì sao?

Diễm ngạc nhiên , hỏi dồn:

– Em nói gì mà lạ vậy? Mà người đó là ai?

Châu cười nhạt:

– Là ai? Chị mà cũng còn phải hỏi em như vậy kia à? Là người mà người ta ưa thích nhất... là người yêu của người ta.

Diễm nghiêm sắc mặt:

– Em không nên nói hồ đồ như thế. Nguyệt nó có chồng con đàn ông... nói như vậy rất là bậy.

Châu vẫn cười:

– Em nói rất đàn ông và nói thật. Tự chị không biết gì hết đó. Chứ còn em, em biết rõ ràng và em biết cả người đó là ai, tên gì nữa kia.

Thấy chị nhìn mình đầy vẻ lạ lùng, Châu nói luôn:

– Người yêu của chị Nguyệt là anh chàng cán bộ làm cùng chỗ với em. Anh chàng rất đẹp trai, nhìn anh ta không ai biết là vi-xi hết. Thằng cha đó dân tập kết. Tiếc không?

Diễm buột miệng:

– Trời ơi! Thật là hết chỗ nói. Nhưng mà... em có biết đích xác hay chỉ nghe người ta đồn bậy?

Giọng Châu chắc nịch:

– Em sẽ đưa bằng cớ cho chị xem. Chuyện “người lớn” em đâu có nói đùa?

Diễm cúi đầu nhìn xuống đồng than đá vụn, đen nhẹp, nhộp nháp chất đồng trước mặt. Thấy chị có vẻ nghĩ ngợi, Châu nói tiếp:

– Không phải chỉ một mình em biết chuyện mà thật ra, cả tổ hợp, ai cũng biết hết. Họ để ý quá chừng. Họ đồn tùm lum!

Diễm nói nhỏ:

– Thật là chuyện khó tin!

Châu có vẻ tức:

– Khó tin nhưng có thật đó chị ơi. Cả ngày chị cứ quanh quẩn trong xó bếp thì còn làm sao biết được chuyện gì. Em nói thật, rất nhiều người bắt gặp chị Nguyệt chở anh chàng đó đi chơi.

Diễm vẫn bào chữa cho bạn:

– Có thể họ có một công việc gì đó cần phải đi chung, đâu có phải ngồi chung một xe mà “như vậy” đâu.

Châu vùng vằng:

– Em không thèm nói chuyện nữa. Chị làm như em “sáng tác” ra vậy đó! Ghét ghê!

Diễm dịu dàng:

– Em đừng nóng. Chị chỉ ngạc nhiên, hơn nữa chị cũng không bao giờ ngờ nổi một chuyện như thế cho nên chị mới hỏi

tới hỏi lui như vậy. Vì chị nghĩ, không lẽ Nguyệt lại quá quắt đến như vậy trong khi anh Văn tuy ở xa mà vẫn hết lòng với vợ con?

Châu đứng lên:

– Để em cho chị xem cái này.

Nói xong, Châu chạy vụt vào trong nhà, chẳng mấy chốc cô đã trở ra đưa cho Diễm một phong thư cũ, vừa kể:

– Do sự vô ý và cũng là sự tình cờ, lá thư của chị Nguyệt viết cho người đó lại lọt vào tay em. Chỉ vì anh ta cùng tên với em, phong thư chỉ đề vắn tắt “kính gửi đ/c Châu” vì ở tổ hợp đã có các bạn em cứ đùa viết tên em là “đ/c Châu». Cho nên lần này em không để ý lắm. Cầm lá thư, em vừa nói chuyện với mấy con bạn, vừa xé bao thư ra đọc. Lúc biết mình lầm, em

sợ quá, dấu biển luôn!. Vì em nghĩ có trả cho họ thì cũng kệt cho họ mà kệt luôn cho em.

Cô bé bắt đầu cười khúc khích:

– Thế là em “thủ tiêu” luôn lá thư. Chị cứ đọc thử coi, ai ngờ cái “bà” Nguyệt này viết cũng mùi mẫn quá!...

Diễm tuột hai cái bao ni-lông dính đầy than đốt đen ra khỏi hai bàn tay, cầm lá thư nhìn kỹ... Đúng là nét chữ của Nguyệt và lời lẽ trong thư đã nói lên trọn vẹn mối tình thâm kín của hai người. Hình như anh chàng tập kết đang trong cảnh bị “vắt chanh bỏ vỏ”, và Nguyệt thì yêu thương tha thiết.

Diễm nghĩ lại, mấy lúc sau này Nguyệt chứng diện ngất trời. Một điểm đáng chú ý nữa là, Nguyệt tỏ ra rất

yêu đời, bớt ... chửi Cộng sản và đồng thời, Nguyệt cũng tránh gặp Diễm hơn. Chẳng bù với những năm trước, khi còn túng thiếu, lúc nào Nguyệt cũng có mặt ở nhà Diễm. Nhất là hai đứa con nhỏ của Nguyệt, chúng nó được mẹ gửi ở lại nhà Diễm để ăn cơm trưa, chờ đến chiều tối mới được mẹ đón trở về nhà.

Mấy tháng gần đây Nguyệt lấy có phải đi bán hàng ở chợ trời và chạy giấy tờ xin đi đoàn tụ với chồng nên không có thì giờ đến chơi với Diễm.

Thấy chị trầm ngâm với lá thư, Châu sốt ruột hỏi dồn:

– Bây giờ chị đã phục tài nhỏ Châu này chưa? Chị có chịu nhỏ làm lơ lá thư mùi mẫn đó là phải quá không?

Diễm nhìn xuống lá thư nói với Châu:

– Chị chơi với Nguyệt đã lâu nên rất thuộc tính nó. Bản tính Nguyệt là mềm yếu và lãng mạn, nó thích những mẫu tình vụn vặt nhưng rối cuộc, cũng vẫn đầu vào đấy.

Châu lại bức bối:

– Như vậy...

Diễm vội ngăn em:

– Em đừng nóng. Chị đồng ý với em chuyện này có thật và chị cũng hiểu là Nguyệt đang dạn dít với anh chàng tập kết này nhưng chị biết, một khi nó được xuất cảnh để đi đoàn tụ với chồng nó, thì mọi chuyện lại đầu trở về đấy ngay.

Cô bé lắc đầu:

– Em không tin. Vì em thấy họ có vẻ kết với nhau lắm. Còn chị, biết chuyện

này rồi, liệu chị có làm kỳ đà cản mũi người ta không?

Diễm phì cười:

– Em yên trí! Chị không thích con kỳ đà.

Châu cũng cười:

– Chắc từ nay, mỗi lần đi Chùa, chị đều cầu xin cho chị Nguyệt mau chóng có giấy xuất cảnh?

– Nguyệt cũng chờ đợi năm năm trời rồi, chứ đâu có ít.

* * *

Trên con đường đầy bóng me xanh, có một chiếc Honda chạy chậm. Trên xe, người ngồi trước là một thiếu phụ

trẻ măng, đẹp với mái tóc buông dài tỏa theo làn gió, cổ áo sơ-mi lụa thêu mở rộng phơi một phần ngực trắng ngà, lủng lẳng những sợi giây chuyền vàng ngọc đủ kiểu. Nàng lái xe một tay còn tay kia bưng miệng cười khúc khích với người đàn ông khá đẹp trai ngồi đằng sau.

Cả hai cùng cười nói vui vẻ, người đàn ông giục nàng:

– Ta về nhà thôi chứ?

Nàng vẫn cười, đáp lại:

– Không. Nguyệt thích hai đứa mình cứ chạy xe mãi thế này.

– Về nhà hơn. Về nhà em, chúng mình còn có thể đề cập nhiều vấn đề hơn.

– Đâu thú vị bằng Nguyệt cứ chở anh như thế này?

– Nhưng mà, đi lâu ngoài đường rất là không tiện.

– Có gì đâu mà không tiện? Nguyệt thích chở anh trên xe chạy cho đến tận cùng đường thì thôi. Còn đường trước mặt còn chạy.

– Nghe em nói cứ y như chuyện màn ảnh. Thực tế mình xuất hiện ở ngoài đường thế này là lộ mục tiêu. Địa phương có thể họ biết mặt anh, họ báo cáo, phê bình thì rầy rà lắm.

Nguyệt cười thành tiếng:

– Máy cha vi-xi này lộn xộn quá! Đi chơi với bồ mà vẫn còn sợ thì không hiểu khi nào mới được yên thân.

Người đàn ông cũng cười, giọng nói có phần ngượng nghịu:

– Phải quán triệt chứ em. Lúc nào cũng vậy, ngay cả khi ăn khi ngủ cũng vẫn phải đề cao cảnh giác như thường em ạ.

Nguyệt đập tay ra đằng sau:

– Thôi đi anh! Anh nói nhiều em nghe ớn quá!

– Thì anh chỉ yêu cầu được về nhà em thôi mà, cứ chạy nhong nhong thế này bản thân anh thấy ngại quá.

Nguyệt cười giòn, nhái lại:

– Nhưng, về nhà thì... bản thân em thấy ngại, anh tính sao?

– Ở nhà là địa điểm em quản lý sao lại ngại?

Nguyệt che một tay trước miệng:

– Hôm nay hai nhóc tỳ nhà em chúng nó nghỉ học. Tụi nhóc nhà em khôn lắm, chúng nó mà viết thư kể lại với bố nó ở bên Mỹ thì chết em đó. Cả con Diễm nữa. Em đang ngán con Diễm lắm, hình như nó nghi rồi đó. Hơn hai tuần nay em trốn nó luôn.

– Ô, có gì mà phải sợ. Chuyện cá nhân mà cũng sợ à? Nếu liên hệ với chị ta mà thấy phức tạp thì anh ý kiến em nên dứt khoát cho xong. Linh tinh quá rất là không tốt.

Chiếc Honda đậu lại bên đường và Nguyệt phá lên cười ngặt nghẹo:

– Quỷ thần ơi! Làm gì mà anh cứ xoắn toàn một giọng “nón cối” hoài vậy? Em đã dạy anh tiếng Sài Gòn mà anh quên

hoài! Phải tập nói giản dị và êm ái như người miền Nam nghe không?

Thấy xe ngừng lại bên lề, anh chàng hỏi hơi to:

– Ngừng đây làm gì?

Nguyệt chống chân xuống đất, hai má đỏ hồng, vẫn cười:

– Tạm thời hôm nay tụi mình chia tay ở đây vì em vừa chợt nhớ, trưa nay em có việc cần phải đi sớm. Chỗ này gần nhà anh, chịu khó đi bộ chút xíu là tới.

Gã đàn ông đành xuống xe, đứng cạnh Nguyệt, anh ta đắm đuối nhìn đôi môi mọng son màu đỏ, bốn chồn hỏi Nguyệt:

– Thế... bao giờ? Bao giờ chấp thuận cho anh tham quan nhà em?

Nguyệt lại rũ ra cười:

– Trời ơi! Học hoài vẫn chưa thuộc! nói như vậy “chùng nào chịu cho anh đến chơi nhà” chứ không có “chấp thuận” với “tham quan” gì hết, nghe cha? Mà nhà em có cái gì đáng để “tham quan” đâu?

Anh chàng đành cười theo:

– Ờ, ờ, cứ hay quên. Để anh phấn đấu... à quên để anh...cố gắng.

Nguyệt định cho xe vọt lên nhưng người đàn ông giữ tay Nguyệt lại, năn nì:

– Em không nghiêm túc với anh chút nào hết. Bao lâu tình cảm với nhau như thế mà em cứ hẹn lần, anh sẽ tranh thủ để đến với em bằng được đấy.

Nguyệt tránh đôi mắt của anh ta. Trong một thoáng Nguyệt nhớ đến

mảnh giấy của Sở Công Tác Người Nước Ngoài ở đường Nguyễn Du vừa gửi đến nhà Nguyệt ngày hôm qua. Nguyệt tự hỏi, hôm nay ra đây để làm gì. Chuyện ra đi, Nguyệt theo đuổi đã năm năm trường, đến nay vẫn còn mù mịt. Trong những ngày dài cô đơn, Nguyệt đã gặp Châu, cái vẻ hiền lành đẹp trai của Châu đã làm Nguyệt mềm lòng. Với Nguyệt, nàng muốn Châu như một bóng mát bên đường, cho chuỗi ngày đợi chờ bớt buồn tẻ và cứ lững lơ cho đến ngày ra đi, thế là chấm dứt.

Thế nhưng, càng ngày Châu càng tha thiết với Nguyệt hơn, còn Nguyệt, y hệt như một trò chơi ú tim, ngây thơ mà tàn nhẫn.

Bàn tay Châu bóp mạnh cánh tay Nguyệt làm Nguyệt như chột tỉnh. Nguyệt làm bộ mắt giận:

– Anh quên rằng bà mẹ chồng em vẫn thỉnh thoảng đến nhà em hoài đó sao. Chính vì thế mà em phải hẹn lần với anh, đáng lẽ anh phải thương em hơn mới phải. Còn như nếu anh cứ nằng nặc thì thôi, chấm dứt cho xong. Đằng nào mai mốt giấy tờ xong, chúng mình cũng phải xa nhau kia mà.

Châu chỉ đứng nghe, mặt buồn rười rượi. Giây lát, Châu ngậm ngùi nói nhỏ:

– Em đừng nhắc chuyện chia ly, anh buồn lắm. Đành rằng chúng mình có giao ước với nhau, nhưng bây giờ anh mới hiểu...

– Anh hiểu làm sao?

Đôi mắt Châu nồng nàn thêm:

– ...Đừng bao giờ đùa với tình yêu... Có thể khi ra đi em sẽ quên anh thật dễ,

nhưng anh thì không.

Nguyệt nhìn Châu trần trối và Nguyệt bỗng thấy tội nghiệp cho gã đàn ông... Nguyệt bỗng nhoẻn cười, nói nhanh:

– Bao giờ anh nói thạo tiếng miền Nam, em sẽ mời anh đến nhà em. Còn bây giờ để em đi... hôm nay em bận.

Chiếc xe vọt lên.

Gã đàn ông si tình vẫn còn đứng đó, tần ngần nhìn theo.

Từ ngày gặp Nguyệt, Châu như người nhắp ly rượu mạnh, cuộc đời tẻ nhạt như sống lại.

Nhưng Châu cũng cảm thấy, với Nguyệt luôn luôn anh ta chỉ là kẻ bị sai khiến. Châu thở dài, cuộc tình này rồi cũng chấm dứt một ngày nào đó, khi

chuyến ra đi của Nguyệt đã có kết quả.

Trước mặt anh ta là con đường đầy những bóng me xanh, anh ta ngơ ngác nhìn những chùm lá lăn tăn đong đưa trong gió! Màu xanh của lá ở đâu chẳng có nhưng thật lạ, anh ta tự hỏi tại sao từ cây lá cho đến con người miền Nam đều có cái gì thật dễ thương, thật quyến rũ.

* * *

Từ Phòng Công Tác Người Nước Ngoài ở đường Nguyễn Du đi ra cùng với hai đứa con nhỏ, Nguyệt ngừng lại để hồi hộp đọc lại tờ giấy phép xuất cảnh. Năm năm trời chờ đợi, bây giờ mảnh giấy trong tay, Nguyệt sung sướng vô cùng. Mặc cho hai đứa con riu rít, Nguyệt ngậy người nhìn mảnh giấy. Bây giờ con

đường đưa đến tái ngộ với người xưa đã rành rành trước mặt, Nguyệt hiểu không còn bao lâu mình sẽ lìa xa quê hương, chưa biết bao giờ mới có ngày trở lại.

Đột nhiên Nguyệt nhớ lại đôi mắt tha thiết của Châu. Không! dù mới đây thôi, nhưng tất cả phải xếp vào quá khứ. Từ mai trở đi là cuộc đời mới. Nguyệt sẽ một lần nữa lột xác để hồi sinh.

Nguyệt phác họa thật nhanh những ngày đến Mỹ. Một cuộc đời thật đầy đủ và vui tươi đang chờ đợi, Nguyệt sẽ lái xe hơi như ở Sài Gòn trước năm 75, Nguyệt sẽ tha hồ đi shopping để sắm những bộ cánh đẹp. Lương của Văn đầu có ít, đúng là mặc sức cho Nguyệt tiêu xài, cho bỏ những năm thiếu thốn trước đây.

Đứa con gái lớn mười tuổi rồi rít hỏi mẹ:

– Mình sắp được gặp bố rồi, phải không mẹ?

Và đứa nhỏ láu táu hơn:

– Mình qua Mỹ ở với bố, bố sẽ cho tui con nhiều sô-cô-la phải không mẹ?

Mặc cho hai đứa con thi nhau hỏi đủ chuyện, Nguyệt chỉ đáp qua loa, và giục hai đứa lên xe, chở thẳng đến nhà Diễm. Ngôi nhà Diễm là nơi quá quen thuộc với Nguyệt, nhưng hôm nay Nguyệt lại nhận thấy như nó đẹp hơn, vui hơn. Chiếc Honda mới tinh của Nguyệt ngừng trước cửa nhà Diễm. Hai đứa bé tranh nhau nhảy xuống và chúng nó vội vàng giật chuông inh ỏi. Diễm ngạc nhiên thấy cả ba mẹ con Nguyệt đều có vẻ mặt vui tươi, thì Nguyệt đã toe toét khoe ngay:

– Mình vừa lấy được xuất cảnh xong, có đầy đủ tên hai con nhóc này.

Diễm lặng đi một lúc và hỏi lại bạn:

– Bao giờ ba mẹ con mi lên đường?

Nguyệt cười rất tươi nhưng lại cố tình nói ngược ý mình:

– Cũng còn lâu. Có sớm cũng nửa năm, còn phải làm bao nhiêu thủ tục rườm rà nữa. Cứ yên tâm.

Diễm đẩy cánh cửa bảo Nguyệt:

– Bỏ xe đó, vô ngồi nói chuyện với ta một chút đã.

Và Diễm chợt nhớ đến lá thư, Diễm cười ý nhị:

– Ta chỉ cầu cho mi được đi càng sớm càng tốt, Nguyệt ạ. Tuy mi đi rồi là ta không còn người bạn nào nữa, nhưng ta vẫn mong mi sớm được gặp ông xã của mi.

Giọng Nguyệt không được tự nhiên:

– Kỳ này là chắc như bắt rồi. Mình sẽ đi và mi sẽ có quà. Mình phải gửi về để nhỏ Châu nó cứ than là không được nếm mùi đi lãnh quà bao giờ. Tội nó quá.

Diễm cười mở hơn:

– Quên chưa kịp cho mi hay, ta vừa lãnh được một thùng quà nặng 30 kí từ Mỹ gửi về.

Nguyệt tròn mắt:

– Vậy là nặng hơn cả thùng quà hàng tháng Văn gửi cho mình rồi. Mà ai gửi cho mi vậy?

Diễm vui vẻ:

– Đố mi đó. Cho mi đoán thử coi.

Nguyệt nghi ngờ:

– Lại một soupirant nào chứ còn ai?

Diễm lắc đầu:

– Sai rồi! Loan “ma soeur” đó, mi còn nhớ không? Loan cùng văn phòng ngày trước với ta đó. Người mà mi vẫn chê “cô nàng hiền như ma soeur”. Nhớ chưa?

– A! -Nguyệt cười to – Nhớ rồi. Cô nàng suốt đời chỉ dám để một kiểu tóc rất là nhu mì, luôn luôn ít nói! Loan đó phải không? Nhưng mà, hình như hồi cuối 75 mình còn gặp một, hai lần ở nhà mi. Đi hồi nào mau vậy? Mà sao mình không nghe mi kể chuyện?

Diễm nhìn ra xa, như để ôn lại hình ảnh người bạn đã ly hương. Diễm kể với Nguyệt:

– Thật ra lúc Loan đi ta cũng không được biết tin, mà ta cũng không ngờ

Loan đi. Cả hai năm sau, khi đã yên nơi yên chốn rồi Loan mới viết thư về...

– Nhưng hai bên vẫn viết cho nhau luôn chứ?

– Không. Từ hồi đó đến giờ ta chỉ nhận được của Loan hai hay ba cánh thư mỏng mà thôi.

– Thế rồi, sao nữa?

– Tự nhiên kỳ này Loan gửi quà về, không có thư báo tin trước, chỉ có một lá thư ngắn bỏ trong thùng quà. Loan bảo Loan cho, để ta làm vốn...

Nguyệt tò mò:

– Hèn nào tới 30 kí lô! Những gì trong ấy mà nặng dữ vậy?

– Cũng nhiều, mấy chục thước soie, nhưng đặc biệt là có một cái máy cát-sét

giống hệt cái máy của ông xã mi gửi cho mi đó.

Nguyệt vẫn chưa hết tò mò:

– “Em” qua đây làm nghề gì mà quà cáp có hạng quá vậy?

– Hình như Loan đã lấy chồng.

– Sao lại hình như?

– Vì Loan không nói gì đến chuyện đó, nhưng có lần ta gặp bà mẹ của Loan, bà cụ có nói úp mở thôi, rồi ta cũng không dám hỏi thêm.

Nguyệt vui giọng nói tiếp:

– Mi đừng lo, mai một mình qua tới nơi, mình sẽ đi kiếm cô nàng và mình sẽ viết về cho mi rõ “em” đã lấy chồng chưa và chồng “em” là ai. Chẳng biết bây giờ “em” có còn hiền như “ma soeur” không?

Nói đến đây, Nguyệt nhìn đồng hồ tay bảo với Diễm:

– Thôi mình về. Để bữa khác hai đứa mình sẽ gặp nhau lâu hơn.

Bỗng nhiên Diễm bùi ngùi cầm tay Nguyệt:

– Mi hãy ở lại chơi với ta thêm một lúc nữa... Ta chỉ sợ sau này hai đứa mình chẳng còn lúc nào được thanh thoi mà ngồi nói chuyện như thế này nữa.

Đôi mắt Diễm mờ ngấn lệ:

– Mi đi rồi là chúng mình đời đời xa nhau...

Nguyệt vội an ủi Diễm:

– Còn lâu mình mới đi... mà từ đây đến đó, chắc chắn hai đứa tụi mình còn nhiều dịp gặp nhau... Mình đâu đã đi

ngay mà mi sợ? Mình còn đến thăm mi với nhỏ Châu mà.

Giọng Diễm buồn buồn:

– Năm xưa, trước khi vào Nam, ta cũng có một bạn rất thân. Hồng với ta chơi với nhau từ nhỏ cho đến khi lên trung học. Khi nhà ta sửa soạn vào Nam, ta nói cho Hồng biết thì Hồng buồn lắm. Hồng bảo ta “Diễm sắp đi xa, vậy hôm nay hai đứa cùng lên Hồ Tây một lần cuối, lên đó Hồng sẽ kể cho Diễm nghe một chuyện mà chỉ hai đứa chúng mình biết với nhau thôi”. Hồng nói thế nhưng ta gạt đi, ta bảo “còn lâu nhà Diễm mới đi vào Nam, vậy cứ để đó, vài ba hôm nữa, lúc nào lên Hồ Tây chẳng được”. Ai ngờ, hai ngày sau đó gia đình ta đột ngột xuống Hải Phòng rồi lên tàu vào Nam... ta không có dịp từ giã Hồng và... hai đứa bật tin nhau từ ngày đó.

Nguyệt ngắt lời bạn:

– Bây giờ Bắc Nam liên lạc dễ dàng, sao mi không viết thư tìm Hồng thử xem Hồng còn ở chỗ cũ không?

Diễm càng có vẻ buồn hơn:

– Mi nói đúng, ngày nay ta có thể tìm được bạn cũ, nhưng ta chỉ sợ Hồng cũng đã bị đổi thay... biết đâu bây giờ Hồng lại chẳng là cán bộ... Ta sợ hình ảnh đẹp của Hồng ngày xưa sẽ biến mất khi ta gặp lại Hồng của ngày nay, vì thế ta đành làm ngơ. Cho nên ta nghĩ, sau khi mi đi rồi, một ngày nào đó tấm màn tre sẽ buông xuống, chia cách đất nước chúng ta với thế giới bên ngoài.... biết bao giờ chúng mình còn có dịp gặp lại nhau?.

Bàn tay Diễm nắm lấy cánh tay Nguyệt, đôi mắt nhạt nhòa.

Thấy Diễm khóc, Nguyệt bỗng hối hận. Hối hận vì đã có những lần mãi vui trong nếp sống dư thừa, Nguyệt đã rập tâm trốn tránh Diễm. Trong một lúc, Nguyệt chột thương bạn vô cùng. Nguyệt nói với Diễm không chút che giấu:

– Mình có lỗi với Diễm rất nhiều, vì mình đã giấu Diễm nhiều chuyện... thí dụ hôm nay mà chưa có được tờ xuất cảnh thì chỉ hai ba hôm nữa mình đã xuống tàu vượt biên. Mình định đi mà không cho Diễm biết... Diễm tha lỗi cho mình... mình chẳng xứng đáng với Diễm một chút nào.

Diễm không nói, chỉ lặng lẽ gạt những giọt nước mắt đang đổ dài trên má, đôi bàn tay Diễm, làn da khô cằn và hai cánh tay áo vải cũ, nát nhàu... Năm xưa khi còn là một cô ký ngân hàng ngoại quốc, Diễm vẫn nổi tiếng thích trang điểm cho

đôi bàn tay, lúc bấy giờ Diễm có đôi bàn tay trắng muốt, móng sơn cẩn thận, nuốt nà vói nhiều chiếc nhẫn xinh xinh...

Nguyệt cảm thấy mình không đủ can đảm đứng lâu hơn. Nguyệt gỡ tay Diễm, an ủi mấy câu rồi vội vàng kiếm cách từ giã bạn, phóng xe đi thẳng.

Trên đường về nhà, Nguyệt bỗng có ý định giấu Diễm ngày ra đi, dù sớm hay muộn. Thà để Diễm trách hơn là phải chứng kiến một cuộc chia tay đầy nước mắt. Cũng may Nguyệt đã nói ngày ra đi dài hơn quá nhiều để Diễm yên tâm.

Để chuộc lại phần nào cái tội ấy, Nguyệt tự buộc mình cứ phải thỉnh thoảng tạt qua nhà Diễm mười phút cho Diễm thấy mặt rồi phóng luôn. Quả nhiên Nguyệt đã đánh lừa được Diễm...

Rồi đến một ngày không xa...

... Một đoàn người khá đông đã được cho phép ra đến sân bay, nhưng duy nhất chỉ có một hành khách mặc áo dài Việt Nam. Thiếu phụ ấy còn rất trẻ, đôi môi mọng son màu đỏ, nhưng nàng mang một cặp kính Dior kiểu to che kín đôi mắt. Cùng với đoàn người, nàng dắt hai đứa con gái nhỏ lên đến máy bay. Trước khi bước qua khung cửa để vào hân trong máy bay, nàng bỗng dừng ngừng lại, đưa tay lên môi, gửi một cái hôn về...

Nhiều người cùng ngạc nhiên vì họ đều biết, nàng không có một ai đi tiễn, kể cả người yêu và bạn...

* * *

Người phát thư đã đi rồi mà Châu vẫn còn tần ngần với phong thư mới nhận được.

– Thư của ai đó, Châu?

Nghe Diễm hỏi, Châu như người chột tỉnh, cô bé nói với chị:

– Lạ quá! Sao lại là thư của chị Nguyệt? Không lẽ chị Nguyệt đã sang tới Mỹ rồi kia à?

Diễm không đáp, vội vàng xé phong thư ra, đúng là thư của Nguyệt với nét chữ quen thuộc, và Nguyệt viết từ Mỹ gửi về....

“Diễm rất nhớ thương,

Trước hết mình xin lỗi Diễm, mình xin Diễm đừng giận mình, cũng đừng hờn gì cái con Nguyệt hứa bậy này nữa. Ta biết

ta có lỗi với mi rất nhiều, vì ta đã cố tình dấu mi ngày ra đi, ta đã dối mi rằng ngày đó còn rất xa.

Nhưng mà, tất cả chỉ vì ta quá thương mi, ta không can đảm trông thấy những giọt nước mắt của mi trong buổi chia ly.

Bây giờ thì hai đứa mình đã ở xa nhau quá rồi, và người đổ lệ bây giờ là ta đó Diễm ơi. Biết bao giờ ta còn được gặp lại mi, nhỏ Châu và tất cả những người thân yêu cũ. Ta sang đây mới thấy xa xôi với vợ....

Diễm thương, Văn đã ra phi trường đón ta và các con. Văn đưa ta về “lâu đài” của Văn, vì bây giờ anh ta ở một biệt thự ra gì lắm, trong ngoài trang hoàng đều đẹp, đều sang, nhưng ta không còn nhận thấy đây là tổ ấm của mình nữa.

Ta cũng đã gặp “cô nàng hiền như ma soeur” của mi. Mi biết không? “cô nàng” lấy chồng thật rồi đó, và chồng nàng là Văn. Họ đã có một bé Tony hai tuổi. Hạnh phúc phải không mi. Còn ta từ nay mới thật là kẻ cô đơn

Diễm thương! Ta đã từng đùa với lửa... ta đã làm cho một người đau khổ, rồi ta cảm thấy hãnh diện. Bây giờ, thật không ngờ kẻ đau khổ, kẻ bị bỏ rơi, lại chính là ta.

Thư đầu, mi hãy biết ngăn ấy chuyện thôi. Hãy nghĩ đến ta, cũng như ta, ngày nay chỉ còn tình bạn ở mi.

Thăm ba má, hai anh, nhỏ Châu và mi.

Nhớ thương muôn thuở,

Nguyệt.”

Diễm nhìn ra sân, những chiếc lá
vàng đang rụng...

MỘT CHUYẾN THĂM NUÔI

Vào một ngày thứ sáu đầu tháng..

Thúy thức dậy từ hai giờ sáng. Cô đi xuống bếp, tần ngần nhìn những chiếc giỏ, những túi vải và cả mấy xách tay đã buộc chặt miệng, cái nào cái ấy căng phồng, xếp hàng trên bộ ván nhỏ. Cô hãy còn buồn ngủ vì đêm qua phải thức khu-ya phụ với mẹ, sửa soạn chuyến đi thăm nuôi người anh thứ ba vượt biên vừa bị bắt.

Từ mấy ngày nay hai mẹ con bà giáo đã bán đi cả một va-ly quần áo tốt để có đủ tiền mua những thứ cần dùng, đi thăm nuôi anh Ba của Thúy.

Thúy soát lại một loạt và nhận thấy cũng đủ cả rồi. Từ quần áo, mùng mền, thức ăn khô, thức ăn mặn, kẹo, đường và thuốc men, đủ cả. Mẹ cô thật chu đáo, bà còn bắt Thúy đem cho anh Ba cả kim và chỉ nữa. Bà nói:

– Lâu ngày rồi quần áo nó cũng sẽ rách, hoặc không thì cũng đứt khuy, tuột chỉ, lúc ấy cùng là tù cả thì xin ai...

Thế mà bây giờ soát lại, Thúy mới thấy mẹ còn quên mua cho anh Ba đôi dép cao su. Hồi đi, anh Ba mang đôi giày bố, bây giờ bị bắt, chẳng lẽ cứ mang mãi đôi giày vải? Cô giận mình vô ý không nghĩ ra từ bữa hôm qua, chứ bây giờ,

sáng sớm thế này ai đã bán mà mua.

Cô suy nghĩ, vẫn còn thiếu. Phải đem cho anh Ba cái áo lạnh, nghe người ta nói trên Pleiku lạnh quanh năm, gió núi có mùa làm buốt tới xương tới tủy. Không đủ áo ấm, làm sao lao động nổi. Vẫn chưa xong, không cho giấy bút, anh Ba lấy gì để viết thư về nhà?

Thúy đi lên nhà trên, cả nhà còn ngon giấc, cô nhẹ tay mở tủ.

May quá! Vẫn còn sót lại chiếc áo len chưa kịp bán, cô lôi ra nhét vào cái túi mà cô dự định không được rời tay, vì trong đó có tiền và giấy tờ đi đường.

Bây giờ mới đến phần của mình. Cô ngại lắm, nhưng không được. Từ đây lên Pleiku đâu có gần, lại còn phải ngủ một đêm ở dọc đường nữa. Vừa đi vừa

về cũng mất bốn ngày, nếu có chuyển xe. Với thời gian đó, ít nhất cũng phải mang thêm một bộ quần áo, không kể bộ đang mặc trong người.

Cô nhìn nắm cơm với gói muối mè cùng chai nước nguội mà ớn. Thời buổi ở với Việt cộng thật là giật lù! Cứ rời khỏi nhà là túi gạo, cái mền, manh chiếu!

Người ta nói “Khách sạn hay nhà ngủ là để cho cán bộ với công nhân viên đi công tác, chứ thường dân đâu có được”. Các bà đi thăm nuôi tù cải tạo thì lại bĩu môi: “Chẳng bấu gì cái thứ khách sạn của Xã Hội Chủ Nghĩa. Giường chiếu bẩn như cú, đặt lưng nằm để cho rệp nó hút máu rồi nó còn đeo theo về đến tận chăn chiếu nhà mình”. Vì thế, các bà chủ trương “Đi xa nhà, ta cứ đem theo mảnh vải trải giường cho nó ăn chắc, tiện đâu đặt lưng đó”.

Cũng may là mẹ của Thúy có một bà bạn, cũng có con đi vượt biên bị bắt, hiện bị giam cùng chỗ với anh Ba, mỗi tháng vào ngày mùng một là ngày được phép thăm nuôi, bà Cả đều đích thân lên tận Pleiku thăm con. Mẹ Thúy đã gọi Thúy đi cùng với bà Cả, ấy thế là xong. Thúy chỉ việc rập khuôn với bà Cả, không cần làm gì khác hơn.

Tuy đã xếp đặt từ hai ngày, vậy mà hôm nay sát với giờ hẹn, Thúy mới ra khỏi nhà.

Chiếc xích lô máy chở cô chạy thẳng đến bến xe đi miền Trung. Mặt trời chưa mọc, nhưng bến xe miền Trung cũng đã náo nhiệt những người.

Xứ của Xã Hội Chủ Nghĩa, cái gì cũng có hai mặt. Nói là mua vé với giá chính thức, nhưng nếu không có tay trong,

không biết thủ tục “đầu tiên”, đừng hòng đặt chân lên nổi chuyến xe mình muốn đi. Ở những bến xe, người ta phải ngủ luôn ngoài bến để ba giờ sáng xếp hàng đăng ký thì mới hy vọng mua được vé xe. Đó là chưa kể cái khoản, giấy giới thiệu của cơ quan, giấy công nhân viên. Với bà Cả, may mắn cho Thúy, bà Cả bao dàn hết!

Một năm trời đi thăm nuôi mãi, bà quen khắp mặt rồi, kể cả mấy ông tài, mấy chú lơ. Kể luôn cả những bà những cô cũng có chồng, con, cha, anh đang tù cải tạo tại vùng Cao Nguyên này.

Vừa thấy mặt Thúy, bà Cả đã trách ngay:

– Sao mà cháu chậm chạp thế, hơn bốn giờ sáng rồi, mới thấy mặt.

Thúy ngó người ra, cô nhớ rõ ràng người ta bảo 6 giờ sáng xe mới khởi hành kia mà. Cô chưa kịp nói câu gì, bà Cả đã lại ồm ồm lên:

– Giấy đi đường đâu? Giấy phép thăm nuôi đâu? Tiền vé đâu? Đưa cả đây tôi.

Bà còn dặn vói theo trước khi tất tả chen vào đám đông:

– Đứng canh đồ cho kỹ, đừng có lơ ngơ nó xách hết đi bây giờ đấy.

Chộn rộn suốt cả mấy tiếng đồng hồ, và cuối cùng Thúy cũng được theo bà Cả đặt chân lên chiếc xe ca đi Pleiku mang bảng “tài 1”. Đúng sáu giờ xe bắt đầu rời bến.

Năm năm trời, kể từ ngày mất nước, hôm nay là lần đầu Thúy mới có dịp đi

xa. Cô nhìn cái xe mà thương hại. Sàn xe rung rinh, ghế thì đệm rách, tay long. Những người đồng hành với cô, hầu hết đều là các bà lớn tuổi, cũng có hai, ba thiếu nữ và một người đàn ông lưng gù. Tất cả hành khách trên chuyến xe này đều nghèo nàn, lam lũ. Những mái tóc vất ngược, những bộ mặt lo âu, những đôi mắt mệt mỏi!

Chỉ có ông tài xế, còn có vẻ bông đùa thích nói chuyện. Lúc sắp cho xe khởi hành, ông ta ngồi vào tay lái vừa ngoái cổ lại nhìn một lượt và buông một câu:

– Rồi! xe này là xe đi thăm nuôi tù cải tạo đây!

Không ai đáp lại, ông lại nói thêm:

– Vậy là ăn chắc sẽ tới sớm. Khởi sự trạm kiểm soát giam xe nữa rồi, bà con ơi!

Khi ấy bà Cả mới lên tiếng:

– Hôm nay chúng tôi lên thăm nuôi, sáng ngày kia đón xe ông về có được không? Ông Năm?

Ông Năm nhìn vào mảnh kính hậu:

– Được lắm! Sáng mốt là phiên tôi về. Bà con cứ yên tâm!

Và ông ta cười khà khà, mở máy cho xe lên đường.

Ngồi trên xe, Thúy tò mò nhìn qua cửa sổ, chiêm ngưỡng cái thành phố mà giờ đây đã mang tên khác.. Tất cả những con đường mà chiếc xe đồ chạy qua đều đượm vẻ xơ xác, khác hẳn trước kia. Có những dãy phố xưa kia buôn bán sầm uất, bây giờ hoang vắng với những cửa hàng đóng kín, tiêu điều. Rồi đến những khu biệt thự, ngày nay bộ mặt ở những

khu này cũng đã đổi thay. Còn đâu những chủ nhân lịch sự trước kia? Khách qua đường ngày nay chỉ thấy những con người cục mịch, dương dương tự đắc ra vào. Ở những ban-công trên tầng cao phơi toàn những chiếc quần chiếc áo thô kệch bằng vải màu cũt ngựa hoặc màu xanh đậm chen lẫn màu đen bệnh bạc.

Thúy bỗng ngậm ngùi. Thật không ngờ Sài Gòn hoa lệ ngày nay nghèo hèn đến thế.

Xe ra khỏi thành phố, mọi người bỗng trở mắt vì những chiếc xe vận tải nối đuôi nhau, bên trên chở đầy những bao gạo đang rầm rộ, không biết chạy về đâu.

Rồi đến đồng quê. Cũng như thành thị, thôn quê bây giờ nhà nhà vắng vẻ, cửa đóng im lìm, vườn tược tiêu điều, tất

cả giống như một xứ đang có bệnh dịch.

Ngồi cùng chuyến xe, mọi người dễ thân thiện với nhau, các bà mời nhau chai nước và hỏi nhau về tình cảnh những người thân đang ở tù cải tạo. Bà Cả mở đầu bằng tiếng thở dài than thân:

– Khổ cho tôi! Ngần này tuổi mà vẫn còn phải vất vả đi nuôi con ở tù.

Ông Năm tài xế lại cười khà khà, buông một câu:

– Bà coi chừng đó, bà Cả. Xã Hội Chủ Nghĩa làm gì có nhà tù?

Bà Cả nói to:

– Không tù sao bắt nhốt? Cứ chơi chữ với nhau hoài.

Bà trẻ tuổi ngồi bên trên chen vào:

– Các cụ già xưa nói “Xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ”, ai ngờ thật đúng.

Ông Năm tài xế liếc người đàn ông lưng gù ngồi cùng hàng với mình vừa cười lớn:

– Mấy bà to gan. Dám đánh giá chế độ hả.

Người đàn ông vẫn làm thinh. Sự im lặng của ông ta làm ông tài xế chột dạ. Từ đấy ông Năm tài xế chỉ cười vu vơ nhưng phóng xe có phần nhanh nhẹn hơn.

Một bà đang ăn trâu chuyển hướng câu chuyện:

– Chẳng biết người nhà các bà ở tù cải tạo có may mắn hơn không chứ con tôi học tập ở trại Plei Bông này, tụi công an ở đây ác lắm. Người ta kể có thằng đánh tù dữ lắm.

Một bà khác chép miệng:

– Ôi chao! Đã vào tù Cộng sản thì còn phải nói. Có mấy ông đi cải tạo về mà lành lặn đâu!

Bà ăn trầu vẫn nói tiếp:

– Dĩ nhiên rồi. Có ác mới làm Cộng sản. Nhưng mấy thằng ngay trại Plei Bông đây nổi tiếng lắm. Hai năm nay tôi đi thăm nuôi con tôi, nhiều người đã biết chuyện, kể cho tôi nghe, ghê gớm lắm. Nghĩ mà thương cho các ông ngục, nó hành cách nào cũng phải chịu.

Câu nói của bà làm Thúy nghĩ ngợi. Cô lẩn thẩn tự hỏi không biết bọn anh Ba có bị đánh không? Anh Ba của Thúy đi vượt biên bằng đường bộ, họ đi một bọn năm người. Sở dĩ họ chọn con đường này chỉ vì họ đều là lính chiến nghèo,

không người nào có nổi một số tiền để mua một cây vàng, vậy thì làm sao có thể tính chuyện vượt biên bằng đường biển.

Những người bạn của anh Ba, Thúy rất mến vì họ là những thanh niên quả cảm, buồn một nỗi đã sinh không đúng thời. Thúy nghĩ nhiều đến anh Hiệp người dẫn đầu cho chuyển ra đi cả bọn. Hiệp nghèo nhất bọn, anh mồ côi, theo lời anh Ba kể lại thì anh chỉ có một ông anh tàn tật. Khi nhỏ, Hiệp là một thiếu sinh quân, rồi trở thành lính chiến, nhưng anh đã trốn không ra trình diện học tập và chính Hiệp đã tổ chức chuyển ra đi này.

Bây giờ nghĩ lại, Thúy thấy thương Hiệp và anh Ba vô cùng.

Thúy biết chắc Hiệp không có ai đi thăm nuôi, vì thế Thúy có viết riêng một

lá thư cho anh Ba cùng với số tiền nhỏ mà Thúy đã để dành, để anh Ba và Hiệp cùng chi dùng. Thúy định tâm khi giáp mặt anh Ba cô sẽ đưa lá thư và nói điều ấy.

Xe đến Nha Trang thì trời sập tối. Màn đêm rơi nhanh trên vùng đèo núi cheo leo, xa xa về bên tay phải đã thấy loáng thoáng mặt biển nhấp nhô.

Cả một ngày trời trên chiếc xe chật chội, giờ đây mọi người đều mệt mỏi, ngủ gà ngủ gật chẳng ai buồn nói với ai câu nào.

Chiếc xe đơn độc trên con đường đèo hun hút, lăm lũi phóng về miền Trung xa xôi.

Khuya đêm ấy xe đến thị trấn Phú Tài. Nơi đây một vùng đèo núi hoang vu,

một dãy nhà ẩn nấu bên ghềnh đá gồm vài quán ăn vắng khách, u buồn. Ông Năm cho xe đậu qua lề đường, mở cửa xe nhảy xuống sau khi đã dặn tất cả mọi người:

– Bà con vô quán mượn chiếu nghỉ ngơi, qua bốn giờ khuya xe mới lên đèo.

Bà Cả thấy xe ngừng vội giục Thúy:

– Cháu vào quán thuê chiếu ngay không có hết phần đấy.

Nhưng khi Thúy vào hỏi thì chẳng còn chiếc chiếu nào trống, bà chủ quán chỉ cho cô chiếc ghế bố nhưng bà Cả không chịu vì ghế bố đất, hơn nữa không nằm được hai người.

Ông Năm được ưu đãi nhất, một mình ông một chiếc chiếu rộng trải ở giữa nhà, có gối đàn tràng. Thấy ông

Năm tài xế ngồi một mình với bình trà nóng, bà Cả đến gần uống một chén, vừa nói chuyện vu vơ.

Quán vắng người, hầu hết hành khách đàn bà đều chen chúc trên mấy cái chiếu trải ngay ngoài hiên. Ông Năm cố ý tìm người đàn ông lưng gù nhưng không thấy, ông Năm vừa uống nước vừa nói với bà Cả:

– Mấy bà ăn nói thấy ghê quá! Hãy coi chừng thằng cha lưng gù đó. Dám “ba mươi” lắm đó.

Bà Cả có vẻ rất bằng lòng, nhưng bà vẫn nhớn nhác:

– Nhưng mà nó đi đâu rồi? Sao tôi không thấy? Mà ông nói đúng đó, tôi cũng nghi hắn ta đi theo bọn này để dò xét cái gì đây.

Ông Năm vẫn nhìn quanh:

– Cái đó thì tôi không biết nhưng cái gì cũng vậy, cứ dè chừng là hơn.

Bà Cả cũng nói luôn:

– Phải! Giữ mồm giữ miệng thì hơn, ông xem đấy, tôi có đại gì mà nói năng lời thôi như cái bà ăn trâu đâu.

Ông Năm đứng lên vươn vai, vặn mình:

– Thôi, bà kiếm chỗ dưỡng cái lưng một chút đi. Tôi nằm đây canh chừng xe, bốn giờ tiếp tục lên đường.

Bà Cả cũng đứng lên, mắt bà nhớn nhác rồi bà nói nhỏ với Ông Năm:

– Để tôi đi dặn bà con, mấy mẹ này ẩu lắm, ăn nói bừa bãi nó đi tố cho một cái là đi cải tạo cả đám.

Ông Năm cười lớn:

– Không sao. Rủi các bà có ở tù, để đó tôi đi thăm nuôi cho.

Bà Cả đi đến cạnh một góc tường vì bà biết Thúy đã chọn chỗ ấy ngồi nghỉ. Bà nhìn Thúy rồi không ngần ngại rĩ tai tất cả những điều mà ông tài xế và bà đã khám phá ở gã đàn ông lưng gù ngồi cùng xe.

Thúy rất sợ và đến lượt Thúy nhìn quanh xem gã lưng gù ngồi đâu. Thúy nhớ lúc Thúy xuống xe thì hẳn ta vẫn còn ngồi lại. Hình như hẳn ta lại trở lên xe và nằm dài ở cái băng trống.

Trong đêm tối Thúy dăm dăm nhìn về dãy đèo núi trùng trùng điệp điệp ẩn hiện trong cảnh sương mờ.

Càng về khuya sương đêm càng

nhiều và gió núi từ rừng xa hú lên từng cơn tê tái. Quá mệt, Thúy thiếp đi lúc nào không biết. Đột nhiên cô dụi mắt, ô kìa! Trên đỉnh cao... phát phới một lá cờ, lá cờ của những người Việt Nam yêu chuộng tự do và hòa bình. Cô nghi hoặc đứng lên... Cùng với gió núi, ngọn cờ năm xưa tung bay như muôn ngàn tiếng reo vang, rồi cô thấy lơ nhố rất nhiều người... có cả anh Ba và các bạn của anh ấy nữa. Rõ ràng là họ, hình như tất cả đang hát một bản hùng ca. Cô thấy náo nức trong lòng và hình như cô cũng đang hát theo. Vừa hát cô vừa vui sướng nghĩ rằng “thế là chấm dứt những thảm cảnh vượt biên... Chấm dứt viễn ảnh tối đen của những trại học tập. Chấm dứt tất cả khổ đau... Nhà bác Cả và nhà cô sẽ mở lại cửa hàng... trở lại cuộc đời ấm no yên vui như cũ...”

Bỗng, Thúy giật mình choàng dậy. Ngơ ngác một lúc mới hiểu là mình vừa mới nằm mơ! Một giấc mơ ngắn nhưng làm tâm hồn cô trong giây phút, cởi mở, hân hoan.

Bà Cả đã đứng bên Thúy từ lúc nào. Bà đang bới lại đầu tóc, miệng bà ngâm cái trâm và bà giục Thúy:

– Sửa soạn lên xe thôi chứ. Xe sắp chạy rồi.

Cô loạng choạng đứng lên. Một tiếng còi xe rên rĩ phá tan bầu không khí âm u của núi rừng, chỉ mười phút sau xe mở máy bắt đầu leo đoạn đường lên dốc.

Trời còn sớm, khí núi làm mọi người co ro, chỉ có ông hành khách lưng gù là hình như không để ý gì đến cái lạnh của miền Cao Nguyên. Ông ta vẫn ngồi

nguyên chỗ cũ, mắt luôn luôn nhìn ra ngoài như người ta nhìn con đường đã từng quen thuộc. Đến một đoạn đường đột nhiên ông ta bỗng nhào người ra cửa sổ nhìn theo chăm chú. Thấy thế bà hành khách trẻ nhất bỗng kêu lên:

– Kìa Plei Bông...

Có tiếng ồn ào ở hàng ghế cuối và tiếng hai người con gái hốt hoảng:

– Bác tài ơi, cho tụi cháu xuống đây... Phải trại học tập Plei Bông là đây không bác?

Nhiều người cùng lên tiếng trả lời:

– Đúng rồi, xuống đi... nhưng mà còn phải lội bộ xa lắm đó.

Có người phản nản:

– Sao mà lắm quà thế? Làm sao xách cho hết?

Và bà khách ăn trầu góp ý:

– Xuống dưới kia tìm lấy một cái gì mà làm cái đòn gánh thì mới khâu hết được.

Xe đã dừng hẳn, hai thiếu nữ lúng túng với những túi, những giỏ. Trên xe lại có người reo lên:

– Kia , mấy ông ấy kia... người nào cũng cuốc cũng xẻng đang tù trong đó đi ra...

Mọi người lại nhốn nháo. Trông xa thấp thoáng những bóng người hàng một, hai tên áo vàng vác súng đi theo...

Nhưng xe đã sang số. Có tiếng một người đàn bà chép miệng:

– Biết thế cứ bỏ xuống ít cây mía cho các ông ấy, may ra thì được ăn, cũng có tí chút nước ngọt!

Bà khách ăn trầu tỏ vẻ biết nhiều:

– Bà đừng tưởng, không có dễ như thế đâu. Tụi áo vàng mà bắt được là các ông ấy lại mệc đòn!

Bà Cả định nói thêm nhưng chợt nhớ đến ông hành khách lưng gù nên lại thôi.

Mười giờ sáng hôm ấy chiếc xe ca “tài 1” đổ mọi người xuống bến Pleiku. Trời mưa lất phất, đất đỏ quện vào chân, đoàn người đi thăm nuôi tù cải tạo lếch thếch với lũ hành lý công kênh. Sau ba mươi tháng tư bảy mươi lăm, Pleiku hoàn toàn xuống dốc và nghèo nàn. Hoang vắng ngự trị khắp nơi, phố xá chỉ

đầy rẫy những bộ áo vàng, nón cối chen lẫn với hình dáng đàn bà cục mịch lưng lẳng chiếc đuôi sam.

Khi đoàn người đi đến trại học tập Pleiku thì cũng đã giữa trưa. Trước mắt họ là một cái cổng lớn có hai tên công an gườm sừng, đứng gác bên trong.

Không ai bảo ai, đoàn người đi thăm nuôi cũng xếp hàng một, kẻ trước người sau, tay cầm sẵn đủ thứ giấy cần dùng, hồi hộp bước qua cánh cổng. Họ được đẩy vào một gian nhà dựng bằng phen nứa, ở giữa có một dãy bàn dài ngăn hẵn làm đôi.

Những tên áo vàng mặt non choẹt nhưng rất xác xược, đứng sẵn ở đó khá đông, chúng ra lệnh cho những người đến thăm nuôi, người nào đứng trước hành lý của người ấy.

Trước khi bắt đầu cuộc khám xét, một tên áo vàng hỏi đoàn người:

– Có thư từ, tiền bạc linh tinh gì giấu ở trong này không?

Không có tiếng trả lời. Hắn lại nói tiếp, đôi mắt quét qua một lượt những người có mặt:

– Ai có thư từ, tiền bạc muốn gửi cho cải tạo viên nào thì phải đăng ký để lãnh đạo quản lý.

Thúy nhớ đến lá thư và cuộn tiền nhỏ của mình. Đời nào cô lại đưa ra. Ai mà tin được lời nói của bọn này. Thúy bối rối, làm sao đây? Làm sao nói để anh Ba biết mà chia quà, chia tiền cho Hiệp?

Những giỏ, những túi quà đều phải dốc ra hết, thức ăn dù sống dù chín cùng với thuốc men, đều bị xé tung, đổ bừa

bãi. Quần áo cũng được mần mò thật kỹ. Cơm nắm và xôi đều bị vắt lại với luận điệu “Nhà Nước đâu có để cái tạo viên đói”. Câu nói làm mọi người nóng máu nhưng cũng phải nhin.

Một tên lớn tiếng đọc danh sách những tù nhân có người nhà đến thăm nuôi. Cũng như người đi thăm nuôi, tù cái tạo đi ra từng người một. Họ xuất hiện giữa tiếng kêu thảng thốt tiếng khóc nghẹn ngào của thân nhân. Lập tức bọn áo vàng quát tháo, dọa đuổi hết cái tạo viên trở vào, lúc ấy mọi người mới ngậm tằm. Nhưng rồi những tiếng ồn ào lại nổi lên, kẻ gọi cha, người gọi con, gọi em...

Đến lượt anh Ba, Thúy nhìn anh mà chết sững. Mới mấy tháng trời mà anh Ba thay đổi đến thế này. Anh Ba của Thúy mặt xanh mét với đôi mắt trũng sâu, quần áo tả tơi, thân thể gầy ốm. Thúy không cầm

được nước mắt, cô ghen ngào nhìn anh và nghĩ nhanh đến Hiệp. Nhưng một tên áo vàng đã đến sát cạnh anh Ba khiến hai anh em không nói được câu gì. Năm phút trôi qua, thế là giờ thăm nuôi chấm dứt!

Ba người đàn bà cùng bọn với Thúy đã bị đẩy ra, Thúy buồn bã nổi bước, đôi mắt đỏ hoe. Vừa ra khỏi cổng Thủy bỗng giật mình, một tên công an đang chĩa súng vào người đàn ông lưng gù, vừa quát:

– Nói đi thăm nuôi mà giấy phép đâu?

Người lưng gù lúng túng:

– Dạ... chắc lúc mua bánh mì cho em tôi, tôi móc túi trả tiền vô ý làm rơi mất... Xin ông cán bộ thông cảm.

Nghe tiếng ồn ào, tên công an thứ hai từ sau cánh cổng đi ra, lên tiếng hỏi:

– Cái gì mà mất trật tự thế?

Tên kia đáp vừa hát hàm về phía người đàn ông lưng gù:

– Gã này khai là người nhà của thằng Hiệp, đăng ký thăm nuôi mà lại báo cáo thất lạc giấy phép. Bố lếu bố láo!

Tên mới ra sắc mặt lạnh lùng:

– Không nhiều lời. Về đem giấy phép đến đây.

Giọng người lưng gù thiếu nã:

– Dạ... nhà tôi ở tận dưới tỉnh miền Tây... tôi đi ba ngày trời tốn bao nhiêu tiền xe... xin các ông cán bộ thông cảm...

Bà Cả lời Thúy lại thì thầm:

– Tưởng ai té ra chính cái ông lưng gù đi cùng chuyến xe với mình đây. Ai ngờ ông ta cũng đi thăm người học tập như bọn bà con mình.

Nhưng Thúy giằng tay bà Cả ra, trân trối đứng nhìn... và cô chợt nhớ anh Ba vẫn kể... Hiệp có người anh ruột tàn tật... lưng gù vì cục bướu nổi cao.

